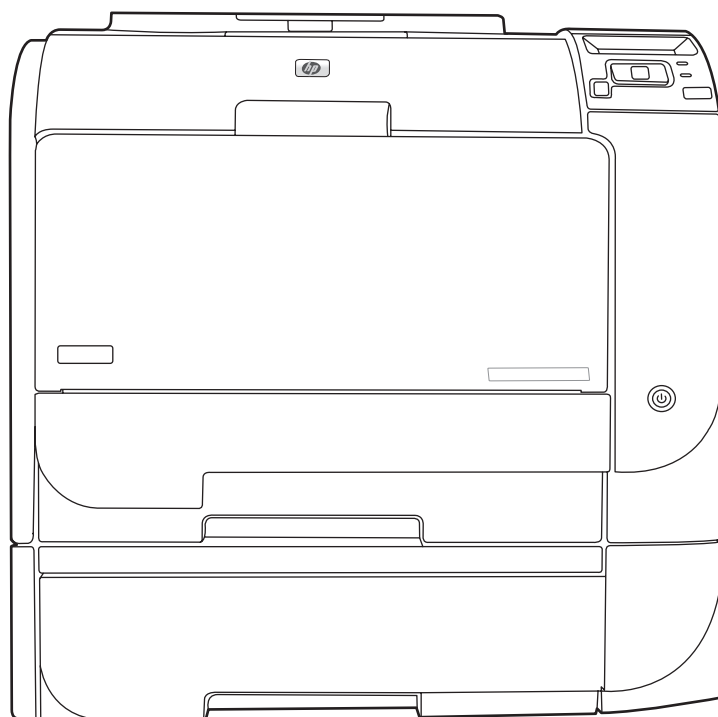


# HP Color LaserJet CP2020 Series

## Hướng dẫn sử dụng





# HP Color LaserJet CP2020 Series

## Hướng dẫn sử dụng



## **Bản quyền và Li-xăng**

© 2008 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 2, 09/2008

Số bộ phận: CB493-90945

## **Công nhận Nhân hiệu**

Adobe®, Acrobat®, và PostScript® là các nhãn hiệu thương mại của Adobe Systems Incorporated.

ENERGY STAR® và logo ENERGY STAR® là các nhãn hiệu đã đăng ký tại Mỹ của United States Environmental Protection Agency.

Corel® là một thương hiệu hay thương hiệu được đăng ký của Công ty Corel Corporation hay Corel Corporation Limited.

Microsoft®, Windows®, và Windows®XP là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Mỹ.

Windows Vista™ là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation ở Mỹ và/hoặc các quốc gia khác.

---

# Mục lục

## 1 Khái niệm cơ bản về sản phẩm

So sánh sản phẩm .....	2
Các tính năng của Sản phẩm .....	2
Mô tả .....	4
Mặt trước và bên hông .....	4
Mặt sau .....	4
Số model và sê-ri .....	5

## 2 Bảng điều khiển

Các vị trí trên bảng điều khiển .....	8
Trình đơn bảng điều khiển .....	9
Sử dụng các menu .....	9
Reports (Báo cáo) .....	10
System setup (Cài đặt hệ thống) menu .....	11
Service (Dịch vụ) .....	14
Cấu hình mạng menu .....	15

## 3 Phần mềm cho Windows

Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows .....	18
Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows .....	19
HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD) .....	20
Các chế độ cài đặt UPD .....	20
Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows .....	21
Ưu tiên cho cài đặt in .....	22
Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows .....	23
Cài đặt phần mềm Windows .....	24
Các loại cài đặt phần mềm cho Windows .....	24
Xóa phần mềm cho Windows .....	24
Các tiện ích được hỗ trợ .....	25
HP Web Jetadmin .....	25
Máy chủ Web nhúng .....	25
HP ToolboxFX .....	26
Các thành phần và tiện ích Windows khác .....	26

## 4 Sử dụng sản phẩm với Macintosh

Phần mềm cho Macintosh .....	28
Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh .....	28
Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh .....	28
Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh .....	28
Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh .....	28
Các tiện ích được hỗ trợ cho Macintosh .....	29
Xem máy chủ Web được nhúng bằng cách sử dụng Macintosh .....	29
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh .....	31
Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh .....	31
Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh .....	31
In trang bìa .....	31
Sử dụng các hình mờ .....	32
In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh .....	32
In trên cả hai mặt trang (in hai mặt) .....	32
Cài đặt tùy chọn màu .....	33
Sử dụng menu Services (Dịch Vụ) .....	34

## 5 Kết nối

Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ .....	36
Từ chối chia sẻ máy in .....	36
Kết nối USB .....	37
Các giao thức mạng được hỗ trợ .....	38
Cấu hình sản phẩm trên mạng .....	40
Cài đặt sản phẩm vào mạng .....	40
Xem cài đặt .....	40
Trang cấu hình mạng .....	40
Trang cấu hình .....	40
Địa chỉ IP .....	41
Cấu hình thủ công .....	41
Cấu hình tự động .....	41
Hiển thị hoặc ẩn địa chỉ IP trên bảng điều khiển .....	42
Cài chức năng tự động vượt .....	42
Cài dịch vụ mạng .....	42
Restore defaults (Khôi phục mặc định) (cài đặt mạng) .....	43
TCP/IP .....	43
Địa chỉ IP .....	43
Cấu hình thống số IP .....	43
Giao thức Cấu hình Host động (DHCP) .....	43
BOOTP .....	43
Mạng phụ .....	44
Mặt nạ mạng phụ .....	44
Cổng nối .....	44

Cổng nối mặc định .....	44
<b>6 Giấy và Phương tiện In</b>	
Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in .....	46
Các kích thước trang và phương tiện in được hỗ trợ .....	47
Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ .....	49
Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt .....	51
Nạp giấy và phương tiện in .....	52
<b>7 Các tác vụ in</b>	
Hủy công việc in .....	56
Hủy công việc in hiện thời trên bảng điều khiển sản phẩm .....	56
Hủy công việc in hiện thời từ chương trình phần mềm .....	56
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows .....	57
Mở trình điều khiển máy in .....	57
Sử dụng các lối tắt in .....	57
Đặt các tùy chọn chất lượng và giấy in .....	57
Đặt các hiệu ứng cho tài liệu .....	58
Đặt các tùy chọn hoàn thành tài liệu .....	58
Xem thông tin hỗ trợ và thông tin về tình trạng sản phẩm .....	58
Đặt các tùy chọn in nâng cao .....	59
<b>8 Màu sắc cho Windows</b>	
Quản lý màu .....	62
Tự động .....	62
In ở Sắc Độ Xám .....	62
Điều chỉnh màu thủ công .....	62
Tùy chọn màu thủ công .....	62
Chủ đề màu .....	63
Khớp màu .....	64
Kết hợp màu bằng cách sử dụng bảng màu Microsoft Office Basic Colors .....	64
Kết hợp các màu bằng cách sử dụng công cụ HP Basic Color Match .....	64
Kết hợp màu bằng cách sử dụng View Custom Colors .....	65
Các cài đặt sử dụng màu .....	66
Mức HP ColorSphere .....	66
HP ImageREt 3600 .....	66
Chọn phương tiện .....	66
Color options .....	66
Standard red-green-blue (sRGB) .....	66
<b>9 Quản lý và bảo trì</b>	
Trang thông tin .....	70
HP ToolboxFX .....	71

Mở HP ToolboxFX .....	71
Tình trạng .....	72
Event log (Nhật ký sự kiện) .....	72
Cảnh báo .....	73
Set up Status Alerts (Cài đặt Cảnh báo Tình trạng) .....	73
Cài đặt E-mail Cảnh báo .....	73
Thông tin sản phẩm .....	73
Cài mật khẩu .....	73
Trợ giúp .....	74
Cài đặt Thiết bị .....	75
Thông tin Thiết bị .....	75
Quản lý Giấy .....	76
Đang in .....	76
PCL5c .....	76
PostScript .....	76
Chất lượng In .....	77
Mật độ In .....	77
Loại Giấy .....	77
Cài đặt Hệ thống .....	77
Lưu/Phục hồi Cài đặt .....	77
Mật khẩu .....	78
Dịch vụ .....	78
Cài đặt Mạng .....	78
Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp) .....	78
Other links (Các liên kết khác) .....	78
Máy chủ Web được nhúng .....	79
Xem máy chủ Web được nhúng của HP .....	79
Các mục máy chủ Web nhúng .....	80
Quản lý nguồn cung cấp .....	82
Tuổi thọ hàng được cung cấp .....	82
Lưu giữ hộp mực .....	82
Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP .....	82
Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP .....	82
In khi hộp mực đã hết. ....	83
Thay hộp mực .....	84
Bộ nhớ và font DIMMs .....	88
Bộ nhớ sản phẩm .....	88
Cài đặt bộ nhớ và font DIMM .....	88
Kích hoạt bộ nhớ .....	92
Kích hoạt bộ nhớ cho Windows .....	92
Kiểm tra cài đặt DIMM .....	92
Lau dọn sản phẩm .....	92
Cập nhật phần sụn .....	93



## 10 Giải quyết sự cố

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản .....	96
Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm .....	96
Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng .....	97
Gỡ giấy kẹt .....	103
Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp .....	103
Vị trí giấy kẹt .....	104
Thay đổi cài đặt Phục hồi Giấy kẹt .....	104
Gỡ giấy kẹt trong khay 1 .....	104
Gỡ giấy kẹt trong khay 2 .....	105
Gỡ giấy kẹt trong khay 3 .....	106
Gỡ giấy kẹt ở khu vực bộ phận sấy .....	107
Gỡ giấy kẹt ở khay bản in ra .....	109
Gỡ giấy kẹt ở bộ phận in hai mặt (chỉ dành cho các mẫu máy in hai mặt) .....	109
Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh .....	112
Nhận dạng và khắc phục các lỗi in .....	112
Dữ liệu kiểm tra chất lượng in .....	112
Các vấn đề về chất lượng in chung .....	113
Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu .....	117
Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in .....	119
Tối ưu hoá và cải thiện chất lượng in .....	120
Hiệu chỉnh sản phẩm .....	120
Các vấn đề về hiệu suất .....	121
Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm .....	122
Giải quyết vấn đề với Macintosh .....	123
Khắc phục vấn đề với Mac OS X .....	123

## Phụ lục A Hàng cung cấp và phụ tùng

Đặt hàng cung cấp và phụ tùng .....	128
-------------------------------------	-----

## Phụ lục B Dịch vụ và hỗ trợ

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard .....	130
Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực .....	132
Thỏa thuận Cấp giấy phép Người dùng cuối .....	133
Hỗ trợ khách hàng .....	136
Đóng gói lại sản phẩm .....	137
Biểu mẫu thông tin dịch vụ .....	138

## Phụ lục C Thông số kỹ thuật

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể .....	140
Thông số kỹ thuật về điện .....	141
Độ ồn .....	142
Đặc điểm môi trường .....	142

## Phụ lục D Thông tin về Tuân thủ Quy định

Các qui định của FCC .....	144
Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường .....	145
Bảo vệ môi trường .....	145
Sản sinh ra khí ozone .....	145
Điện năng tiêu thụ .....	145
Sử dụng giấy .....	145
Bộ phận làm bằng chất dẻo .....	145
Nguồn cung cấp .....	145
Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế .....	146
Hợp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico .....	146
Hoàn trả Nhiều hộp mực (hai đến tám hộp) .....	146
Hoàn trả đơn lẻ .....	146
Vận chuyển .....	146
Hoàn trả ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ .....	146
Giấy in .....	146
Hạn chế về Nguyên liệu .....	146
Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu .....	147
Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) .....	147
Thông tin thêm .....	147
Tuyên bố tuân thủ .....	148
Tuyên bố đặc biệt của quốc gia /lãnh thổ .....	149
An toàn laser .....	149
Các quy định DOC tại Canada .....	149
Tuyên bố VCCI (Nhật) .....	149
Tuyên bố về dây dẫn (Nhật) .....	149
Tuyên bố EMI (Hàn Quốc) .....	149
Tuyên bố về laser cho Phần Lan .....	150
Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc) .....	151
<b>Bảng chú dẫn .....</b>	<b>153</b>

---

# 1 Khái niệm cơ bản về sản phẩm

- So sánh sản phẩm
- Các tính năng của Sản phẩm
- Mô tả

# So sánh sản phẩm

## Máy in HP Color LaserJet CP2020 Series

- In đến 21 trang/phút (ppm) trên giấy viết thư.
- khay giấy đa tác dụng 50 trang (khay 1) và khay giấy nhập 250 trang (khay 2)
- Khay giấy nhập 250 tùy chọn (khay 3) (tiêu chuẩn LaserJet CP2020 Màu của HPx)
- Cổng universal serial bus (USB) 2.0 tốc độ cao
- Mạng cài sẵn để kết nối với các mạng 10Base-T/100Base-TX (LaserJet CP2020 Màu của HPn, LaserJet CP2020 Màu của HPdn, và LaserJet CP2020 Màu của HPx)
- Bộ phận đảo mặt tự động (LaserJet CP2020 Màu của HPdn và LaserJet CP2020 Màu của HPx)

## Các tính năng của Sản phẩm

<b>In</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● In đến 21 trang/phút (ppm) trên khổ giấy viết thư.</li><li>● In ở mức chất lượng 600 dpi.</li><li>● Bao gồm các cài đặt có thể điều chỉnh để tối ưu hóa chất lượng in.</li><li>● Các hộp mực in sử dụng mực HP ColorSphere. Để biết thông tin về số trang mà hộp mực in được, xem <a href="http://www.hp.com/go/pageyield">www.hp.com/go/pageyield</a>. Sản lượng thật sự tùy theo sự sử dụng cụ thể.</li><li>● Cung cấp việc in hai mặt tự động (chỉ có LaserJet CP2020 Màu của HPdn và LaserJet CP2020 Màu của HPx).</li></ul>
<b>Bộ nhớ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Bao gồm bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM) 128-megabyte (MB).</li></ul>
<b>Các hệ điều hành được hỗ trợ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Windows 2000</li><li>● Windows XP Home/Professional</li><li>● Windows Server 2003 (chỉ 32-bit)</li><li>● Windows Vista</li><li>● Mac OS X V10.28 và phiên bản mới hơn</li></ul>
<b>Quản lý giấy in</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Khay 1 (khay đa tác dụng) giữ đến 50 trang giấy in hay 10 phong bì.</li><li>● Khay 2 giữ đến 250 trang giấy in.</li><li>● Khay 3 tùy chọn giữ đến 250 trang giấy in.</li><li>● Ngăn giấy ra chứa được tối đa 125 tờ phương tiện in.</li></ul>
<b>Các tính năng của trình điều khiển máy in</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● ImageREt 3600 cho chất lượng in 3600 dpi để in nhanh, chất lượng cao dành cho văn bản văn phòng và đồ họa.</li></ul>
<b>Các kết nối giao diện</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Bao gồm một cổng USB 2.0 Tốc độ Cao</li><li>● Hoạt động mạng được tích hợp để kết nối với các mạng 10Base-T/100Base-TX.</li></ul>
<b>Các tính năng môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Để xác định trạng thái được chứng nhận ENERGY STAR® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật.</li></ul>

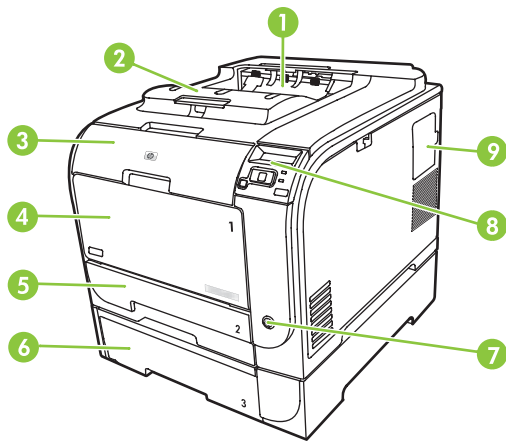
---

<b>In tiết kiệm</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Cung cấp tính năng in N-up (in nhiều trang trên một tờ giấy).</li><li>● Trình điều khiển máy in cung cấp tùy chọn để in hai mặt theo cách thủ công.</li></ul>
<b>Nguồn cung cấp</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Sử dụng các hộp mực in với mực HP ColorSphere.</li></ul>
<b>Tiện dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>● Hướng dẫn sử dụng trực tuyến tương thích với các trình đọc văn bản trên màn hình.</li><li>● Có thể lắp và tháo các hộp mực in bằng một tay.</li><li>● Có thể mở tất cả cửa và nắp bằng một tay.</li></ul>

---

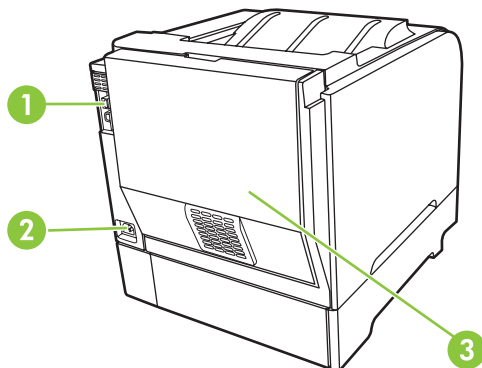
# Mô tả

## Mặt trước và bên hông



1	Ngăn giấy ra (giữ được 125 trang giấy thường)
2	Mở rộng sản lượng hộp pháp
3	Cửa trước (cho phép truy cập vào các hộp mực)
4	Khay 1 (khay đa tác dụng)
5	Khay 2 (giữ 250 trang giấy chuẩn và có chỗ xử lý giấy kẹt)
6	Khay 3 tùy chọn (giữ 250 trang giấy chuẩn)
7	Công tắc nguồn
8	Bảng điều khiển
9	Cửa DIMM (để thêm bộ nhớ bổ sung)

## Mặt sau



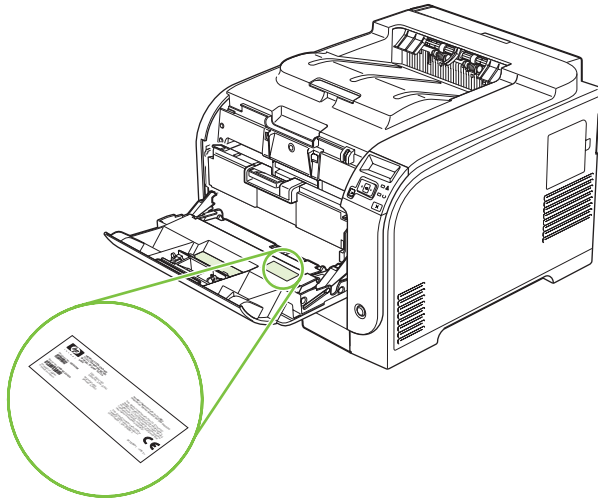
1	Hi-Cổng tốc độ USB 2.0 và cổng mạng. (Cổng mạng hiện diện trên các mẫu LaserJet CP2020 Màu của HPn, LaserJet CP2020 Màu của HPdn, và LaserJet CP2020 Màu của HPx.)
---	--

2	Nối điện nguồn
3	Cửa sau (gỡ giấy kẹt)

## Số model và sê-ri

Số model và sê-ri được ghi trên nhãn nhận dạng ở cửa trước.

Nhãn này bao gồm thông tin về nước/vùng xuất xứ, cấp sửa đổi, ngày sản xuất, mã sản xuất, và số sản xuất của sản phẩm. Nhãn này còn có thông tin về nguồn điện.







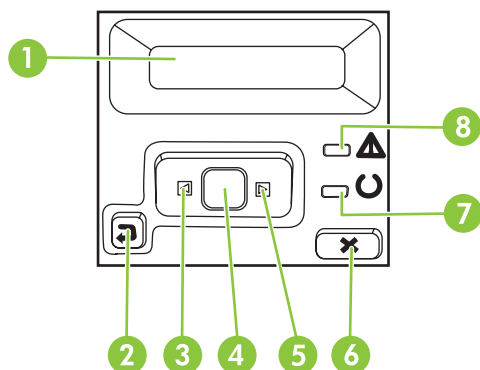
---

## 2 Bảng điều khiển

- [Các vị trí trên bảng điều khiển](#)
- [Trình đơn bảng điều khiển](#)

## Các vị trí trên bảng điều khiển

Sản phẩm có các mục sau trên bảng điều khiển.



1	<b>Màn hình bảng điều khiển:</b> Màn hình cung cấp thông tin về sản phẩm. Sử dụng các trình đơn trên màn hình để thực hiện cài đặt cho sản phẩm.
2	<b>Nút mũi tên quay về</b> (↶): Sử dụng nút này cho các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"><li>Thoát khỏi trình đơn bảng điều khiển.</li><li>Cuộn về trình đơn trước trong danh sách trình đơn phụ.</li><li>Cuộn về một mục trong trình đơn trước trong danh sách trình đơn phụ (không lưu các thay đổi vào mục trình đơn).</li></ul>
3	<b>Nút mũi tên sang trái</b> (◀): Sử dụng nút này để chuyển qua các trình đơn hay để giảm một giá trị xuất hiện trên màn hình.
4	<b>Nút OK</b> : Nhấn nút <b>OK</b> cho các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"><li>Mở trình đơn bảng điều khiển.</li><li>Mở một trình đơn phụ được hiển thị trên màn hình bảng điều khiển.</li><li>Chọn một mục trình đơn.</li><li>Xoá một số lỗi.</li><li>Bắt đầu công việc in khi thấy dấu nhắc trên bảng điều khiển (ví dụ, khi tin nhắn <b>[OK] cho in</b> xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển).</li></ul>
5	<b>Nút mũi tên sang phải</b> (▶): Sử dụng nút này để chuyển qua các trình đơn hay để tăng một giá trị xuất hiện trên màn hình.
6	<b>Nút hủy công việc</b> (X): Nhấn nút này để hủy công việc in mỗi khi đèn báo bấm nháy hay để thoát khỏi trình đơn bảng điều khiển.
7	<b>Đèn sẵn sàng</b> (màu xanh lá): Đèn <b>Sẵn sàng</b> chỉ sáng lên khi sản phẩm sẵn sàng để in. Nó bấm nháy khi sản phẩm đang nhận dữ liệu in..
8	<b>Đèn thông báo</b> (màu hổ phách): Đèn <b>thông báo</b> bấm nháy khi sản phẩm cần sự lưu ý của người dùng.

# Trình đơn bảng điều khiển

## Sử dụng các menu

1. Bấm **OK** để mở các menu.
2. Nhấn nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chuyển qua các danh sách.
3. Bấm **OK** để chọn tùy chọn tương ứng. Một dấu sao (\*) xuất hiện kế bên lựa chọn hiện tại.
4. Nhấn nút **Mũi tên quay về** (↶) để cuộn về qua trình đơn phụ.
5. Bấm **X** để thoát khỏi menu mà không lưu lại bất kỳ thay đổi nào.

Các mục sau sẽ mô tả các tùy chọn cho từng menu chính:

- [Reports \(Báo cáo\) thuộc trang 10](#)
- [System setup \(Cài đặt hệ thống\) menu thuộc trang 11](#)
- [Cấu hình mạng menu thuộc trang 15](#)
- [Service \(Dịch vụ\) thuộc trang 14](#)

## Reports (Báo cáo)

Sử dụng **Reports (Báo cáo)** trình đơn để in các báo cáo cung cấp thông tin về sản phẩm.

Mục menu	Mô tả
<b>Trang thử nghiệm</b>	In một trang màu có giới thiệu chất lượng in.
<b>Cấu trúc menu</b>	In bản đồ bố trí trình đơn bảng điều khiển.
<b>Báo cáo cấu hình</b>	In danh sách tất cả các cài đặt sản phẩm. Bao gồm thông tin mạng khi sản phẩm được kết nối với mạng.
<b>Tình trạng nguồn cung cấp</b>	In tình trạng của từng hộp mực, bao gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Ước lượng các trang còn lại</li><li>• Ước lượng phần trăm lượng mực còn trong hộp của mỗi màu</li><li>• Số bộ phận</li><li>• Số các trang được in</li></ul>
<b>Báo cáo mạng</b>	In danh sách tất cả các cài đặt mạng của sản phẩm.
<b>Số lượng trang đã dùng</b>	In một trang liệt kê các trang PCL, 6 trang PCL, các trang mô phỏng cấp 3 postscript HP, các trang bị kẹt hay không được sản phẩm sử dụng, các trang đơn sắc (trắng và đen) hay các trang màu; và báo cáo đếm trang
<b>Danh sách kiểu chữ PCL</b>	In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL đã được cài đặt.
<b>Danh sách kiểu chữ PS</b>	In danh sách tất cả các kiểu chữ PostScript (PS) đã được cài đặt
<b>Danh sách kiểu chữ PCL6</b>	In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL6 đã được cài đặt
<b>Nhật ký sử dụng màu</b>	In một báo cáo có hiển thị tên người dùng, tên ứng dụng, và thông tin sử dụng màu trên từng tác vụ in riêng biệt
<b>Trang dịch vụ</b>	In báo cáo dịch vụ
<b>Trang chuẩn đoán</b>	In các trang hiệu chỉnh và trang chẩn đoán màu

## System setup (Cài đặt hệ thống) menu

Sử dụng menu này để thiết lập các cài đặt sản phẩm cơ bản. Menu **System setup (Cài đặt hệ thống)** có nhiều menu phụ. Các menu phụ được mô tả trong bảng sau.

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
<b>Ngôn ngữ</b>			Chọn ngôn ngữ cho các thông báo trên màn hình bảng điều khiển và trong các báo cáo sản phẩm.
<b>Cài đặt trang</b>	<b>Mặc định kích thước giấy</b>	<b>Letter (Thư)</b>	Chọn kích thước để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ lệnh in nào không được xác định kích thước.
		<b>A4</b>	
	<b>Pháp lý</b>		
	<b>Mặc định loại giấy</b>	Danh sách các loại phương tiện hiện có sẽ xuất hiện.	Chọn loại giấy để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ lệnh in nào không được xác định loại giấy.
	<b>Khay 1</b>	<b>Kích thước giấy</b> <b>Loại giấy</b>	Chọn kích thước và loại mặc định cho khay 1 từ danh sách các kích thước và loại.
<b>Khay 2</b>	<b>Kích thước giấy</b> <b>Loại giấy</b>	Chọn kích thước mặc định cho khay 2 từ danh sách các loại giấy và kích thước hiện có.	
<b>Khay 3</b>	<b>Kích thước giấy</b> <b>Loại giấy</b>	Nếu lắp khay 3 tùy chọn, chọn kích thước và loại mặc định cho khay 3 từ danh sách kích thước và loại hiện có.	
<b>Hoạt động khi hết giấy</b>	<b>Chờ vĩnh viễn</b> <b>Ghi đề</b> <b>Cancel (Hủy bỏ)</b>		Chọn cách sản phẩm sẽ hoạt động trở lại khi một lệnh in yêu cầu kích thước hoặc loại giấy hiện không có hoặc khi khay được chọn hết giấy.
			Chọn <b>Chờ vĩnh viễn</b> để sản phẩm chờ cho đến khi bạn nạp đúng loại giấy và bấm <b>OK</b> . Đây là cài đặt mặc định.
			Chọn <b>Ghi đề</b> để in bằng một kích thước hay loại khác sau thời gian trì hoãn cụ thể.
			Chọn <b>Cancel (Hủy)</b> để tự động hủy tác vụ in sau khi hoãn thao tác được chỉ định.
		Nếu bạn chọn <b>Ghi đề</b> hay <b>Hủy</b> , bảng điều khiển sẽ nhắc bạn xác định số giây trì hoãn. Nhấn nút <b>Mũi tên sang phải (▶)</b> để tăng thời gian, lên đến 3600 giây. Nhấn nút <b>Mũi tên sang trái (◀)</b> để giảm thời gian.	
<b>Chất lượng in</b>	<b>Giới hạn màu</b>	<b>Kích hoạt màu</b>	Select <b>Kích hoạt màu</b> để cho phép máy in bằng đơn sắc (trắng và đen) hay màu tùy theo công việc. Đây là cài đặt mặc định.
		<b>Vô hiệu hoá màu</b>	

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
	Hiệu chỉnh màu	Sau khi bật Hiệu chỉnh ngay bây giờ	<p><b>Sau khi bật:</b> Chọn trong bao lâu sản phẩm sẽ định cỡ sau khi bạn mở máy. Cài đặt mặc định là <b>15 phút</b>.</p> <p><b>Hiệu chỉnh ngay bây giờ:</b> Làm cho sản phẩm thực hiện định cỡ ngay. Nếu một công việc đang được tiến hành, sản phẩm sẽ định cỡ sau khi công việc đó hoàn tất. Nếu hiển thị một tin báo lỗi, bạn phải xoá lỗi trước.</p>
	Mực sắp hết	(1-20)	Tỷ lệ phần trăm ngưỡng xác định khi nào sản phẩm bắt đầu báo mực sắp hết. Tin nhắn có thể được báo cáo trên màn hình bảng điều khiển hay sử dụng đèn LED báo mực, nếu có.
	Thay các nguồn cung cấp	Ghi đè hết mực Dừng khi hết giấy	<p><b>Ghi đè hết mực:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng một hộp mực đã hết, chọn cài đặt này để tiếp tục in. Sử dụng tùy chọn này cuối cùng rồi cũng sẽ cho ra chất lượng in không thể chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để có thể sử dụng ngay khi chất lượng in trở nên không chấp nhận được.</p> <p><b>Dừng khi hết giấy:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng một hộp mực đã hết, chọn cài đặt này để ngừng in. Đây là cài đặt mặc định. Việc in ngoài điểm này có thể thực hiện được bằng cách sử dụng <b>Ghi đè hết mực</b>. Nguồn cung cấp không cần thay thế ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.</p> <p>Thông tin về bột mực còn lại không khả dụng khi in ở chế độ <b>Ghi đè hết mực</b>.</p> <p>Sau khi nguồn cung cấp HP đã hết, Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp này cũng sẽ hết hiệu lực. Để biết thông tin về chế độ Bảo hành, xem <a href="#">Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực thuộc trang 132</a>.</p>
	Nguồn cung cấp màu đã hết	Ngừng in (mặc định) Tiếp tục bằng màu Đen	<p><b>Ngừng in:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng hộp mực màu đã hết, nó sẽ ngừng in. Đây là cài đặt mặc định.</p> <p><b>Tiếp tục bằng màu Đen:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng một hộp mực màu đã hết, tiếp tục in chỉ sử dụng màu đen.</p>
	Điều chỉ Chuẩn trực	In Trang Kiểm tra Điều chỉnh Khay<X>	<p><b>In Trang Kiểm tra:</b> In trang kiểm tra để kiểm tra sự chuẩn trực của máy in.</p> <p><b>Điều chỉnh Khay&lt;X&gt;:</b> Điều chỉnh sự chuẩn trực của khay đã xác định.</p>
Độ tương phản của màn hình	Độ nhạt Độ sáng		Chọn mức độ tương phản cho màn hình. Cài đặt mặc định là <b>Vừa</b> .

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
	Vừa		
	Độ tối		
	Độ đậm		

## Service (Dịch vụ)

Sử dụng menu này để khôi phục các cài đặt mặc định, xóa sản phẩm, và kích hoạt các chế độ đặc biệt có ảnh hưởng đến bản in ra.

Mục menu	Mục trình đơn phụ	Mô tả
<b>Chế độ lau dọn</b>		<p>Sử dụng tùy chọn này để xóa sản phẩm khi bạn thấy có vết bột mực hoặc các dấu khác xuất hiện trên các bản in. Quá trình lau dọn sẽ xóa các vết bẩn và mực vượt quá mức trong đường dẫn giấy.</p> <p>Khi bạn chọn mục này, sản phẩm sẽ nhắc bạn nạp loại giấy thường vào khay 1 và sau đó bấm <b>OK</b> để bắt đầu quá trình lau dọn. Chờ cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Loại bỏ các trang được in.</p>
<b>Tiết kiệm điện</b>		<p>Cài đặt sản phẩm sẽ ở chế độ chờ trong bao lâu trước khi chuyển sang chế độ <b>PowerSave</b> (Tiết kiệm điện). Sản phẩm sẽ tự động thoát khỏi chế độ <b>PowerSave</b> (Tiết kiệm điện) khi bạn gửi một lệnh in hoặc bấm vào một nút trên bảng điều khiển.</p> <p>Cài đặt mặc định là <b>15 phút</b>.</p>
<b>Tốc độ USB</b>	<b>Cao</b> <b>Đầy đủ</b>	<p>Cài tốc độ USB ở <b>Cao</b> hay <b>Đầy đủ</b>. Để sản phẩm thật sự hoạt động ở tốc độ cao, nó phải được kích hoạt tốc độ cao và được kết nối với một bộ phận điều khiển máy chủ EHCI cũng hoạt động ở tốc độ cao. Mục trình đơn này cũng không phản ánh tốc độ hoạt động hiện thời của sản phẩm.</p> <p>Cài đặt mặc định là <b>Cao</b>.</p>
<b>Giấy ít cong hơn</b>	<b>Off (Tắt)</b> <b>On (Bật)</b>	<p>Nếu các trang in bị cong đồng nhất, sử dụng tùy chọn này để cài sản phẩm sang chế độ giảm cong.</p> <p>Cài đặt mặc định là <b>Off (Tắt)</b>.</p>
<b>In lưu trữ</b>	<b>Off (Tắt)</b> <b>On (Bật)</b>	<p>Nếu bạn đang in các trang sẽ được lưu giữ lâu dài, hãy sử dụng tùy chọn này để cài sản phẩm sang chế độ giảm nhòe và lấm bụi mực.</p> <p>Cài đặt mặc định là <b>Off (Tắt)</b>.</p>
<b>Restore defaults (Khôi phục mặc định)</b>	<b>Yes (Có)</b> <b>No (Không)</b>	<p>Cài tất cả các cài đặt tùy chỉnh sang các giá trị mặc định của nhà máy.</p>



## Cấu hình mạng menu

Sử dụng trình đơn này để thực hiện cài đặt cấu hình mạng.

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
Cấu hình TCP/IP	<b>Automatic (Tự động)</b> <b>Manual (Thủ công)</b>	Chọn <b>Automatic (Tự động)</b> để tự động cấu hình tất cả các cài đặt TCP/IP.  <b>Manual (Thủ công)</b> để cấu hình địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng nối mặc định theo cách thủ công.  Cài đặt mặc định là <b>Automatic (Tự động)</b> .
Giao nhau tự động	<b>On (Bật)</b> <b>Off (Tắt)</b>	Mục này được sử dụng khi sản phẩm đang được kết nối trực tiếp với một máy tính cá nhân bằng cáp Ethernet (bạn phải cài đặt mục này sang <b>On (Bật)</b> hoặc <b>Off (Tắt)</b> tùy thuộc vào máy tính đang được sử dụng).  Cài đặt mặc định là <b>On (Bật)</b> .
Dịch vụ mạng	<b>IPv4</b> <b>IPv6</b> <b>DHCPv6</b>	Mục này được sử dụng bởi các nhà quản trị mạng để hạn chế các dịch vụ mạng hiện có trên sản phẩm này.  <b>On (Bật)</b> <b>Off (Tắt)</b>  Cài đặt mặc định cho tất cả các mục là <b>On (Bật)</b> .
Hiển thị địa chỉ IP	<b>No (Không)</b> <b>Yes (Có)</b>	<b>No (Không)</b> : Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ không xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển.  <b>Yes (Có)</b> : Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, luân phiên giữa thông tin cung cấp và địa chỉ IP của thiết bị. Địa chỉ IP sẽ không được hiển thị nếu có tình trạng lỗi.  Cài đặt mặc định là <b>No (Không)</b> .
Tốc độ liên kết	<b>Automatic (Tự động)</b> (mặc định) <b>10T Đầy đủ</b> <b>10T Phân nửa</b> <b>100TX Đầy đủ</b> <b>100TX Phân nửa</b>	Cài tốc độ liên kết theo cách thủ công nếu cần.  Sau khi cài đặt tốc độ liên kết, sản phẩm sẽ tự khởi động lại.
Restore defaults (Khôi phục mặc định)		Nhấn <b>OK</b> để phục hồi cài đặt cấu hình mạng về giá trị mặc định.



---

## 3 Phần mềm cho Windows

- [Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows](#)
- [Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows](#)
- [HP Universal Print Driver \(Trình Điều khiển In Chung HP - UPD\)](#)
- [Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Ưu tiên cho cài đặt in](#)
- [Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Cài đặt phần mềm Windows](#)
- [Các tiện ích được hỗ trợ](#)

# Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows

Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành Windows sau:


- Windows XP (32 bit và 64 bit)
- Windows 2003 Server (32 bit và 64 bit)
- Windows 2000
- Windows Vista

## Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows

- PCL 6
- mô phỏng cấp 3 postscript HP

Trình điều khiển máy in bao gồm mục Trợ Giúp trực tuyến có các hướng dẫn cho những thao tác in phổ biến và cả mô tả các nút, các hộp chọn, và các danh sách thả xuống có trong trình điều khiển máy in.

---

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển Postscript hỗ trợ sản phẩm này là phiên bản Postscript của HP Universal Print Driver (UPD) cho Windows. Nó cài đặt và hoạt động tương tự như các phiên bản trình điều khiển Postscript trước, và nó không cần cấu hình đặc biệt nào. Để biết thêm thông tin về UPD, xem [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd).

---

# HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD)

HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD) dành cho máy cài Windows là một trình điều khiển cho phép bạn truy cập vào gần như mọi sản phẩm HP LaserJet, từ bất kỳ vị trí nào, mà không cần phải tải xuống các trình điều khiển riêng lẻ. Trình điều khiển này được xây dựng dựa trên công nghệ trình điều khiển in HP đã được chứng minh hiệu quả, được kiểm tra hoàn toàn và được sử dụng với nhiều chương trình phần mềm. Đây là một giải pháp vượt trội, bảo đảm duy trì hiệu quả làm việc theo thời gian.

HP UPD giao tiếp trực tiếp với mỗi sản phẩm của HP, tập hợp các thông tin cấu hình, sau đó hiệu chỉnh giao diện người sử dụng để hiển thị các tính năng sẵn có và duy nhất của sản phẩm. Trình điều khiển này tự động bật các tính năng sẵn có đối với sản phẩm, ví dụ như in hai mặt và dập ghim. Vì vậy, bạn không cần phải bật các tính năng một cách thủ công.

Để biết thêm thông tin, hãy đến [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd).

## Các chế độ cài đặt UPD

---

### Chế độ truyền thống

- Sử dụng chế độ này nếu bạn đang cài đặt trình điều khiển trong một máy tính từ đĩa CD.
- Khi được cài đặt với chế độ này, UPD hoạt động giống như các trình điều khiển máy in truyền thống.
- Nếu bạn sử dụng chế độ này, bạn phải cài UPD một cách riêng biệt đối với mỗi máy tính.

---

### Chế độ động

- Sử dụng chế độ này nếu bạn đang cài đặt trình điều khiển cho một máy tính di động. Do vậy, bạn có thể tìm thấy và in bằng các sản phẩm của HP từ bất kỳ vị trí nào.
  - Sử dụng chế độ này nếu bạn đang cài đặt UPD cho một nhóm làm việc.
  - Để sử dụng chế độ này, hãy tải UPD xuống từ Internet. Xem trang [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd).
-

# Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows

Trình điều khiển máy cung cấp quyền truy cập các tính năng sản phẩm và cho phép máy tính liên lạc với sản phẩm (sử dụng ngôn ngữ máy in). Kiểm tra các ghi chú cài đặt và tập tin readme trên CD của thiết bị để biết các phần mềm và ngôn ngữ phụ.

## Mô tả trình điều khiển HP PCL 6

- Được đề nghị cho việc in trong tất cả môi trường Windows
- Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất, và hỗ trợ tính năng sản phẩm cho hầu hết người dùng
- Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows
- Có thể không hoàn toàn tương thích với các chương trình phần mềm của bên thứ ba hay tùy chỉnh dựa trên PCL 5

## Trình điều khiển Máy in HP Universal cho Windows – mô tả Postscript

- Được đề nghị để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu
- Hỗ trợ in từ các nhu cầu Postscript
- Thực hiện nhanh hơn trình điều khiển PCL 6 một chút khi sử dụng chương trình phần mềm Adobe

## Ưu tiên cho cài đặt in

Các thay đổi cho thông số cài đặt in được cài ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Thông số cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè thông số cài đặt đã đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Đặc tính Máy in) (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in.
- **Thông số mặc định của trình điều khiển máy in:** Thông số cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định các thông số được sử dụng trong tất cả các tác vụ in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Thông số cài đặt bảng điều khiển máy in:** Các thông số cài đặt thay bằng bảng điều khiển máy in sẽ có độ ưu tiên thấp hơn các thay đổi thực hiện ở các nơi khác.



# Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).

Các bước có thể khác nhau; quá trình này là phổ biến nhất.

Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in

1. **Windows XP và Windows Server 2003 (sử dụng kiểu hiển thị Default Start (Bắt đầu Mặc định) cho menu Start (Bắt đầu))**: Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

- hoặc -

**Windows 2000, Windows XP và Windows Server 2003 (sử dụng kiểu hiển thị Classic Start (Bắt đầu Cổ điển) cho menu Start (Bắt đầu))**: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers** (Máy in).

- hoặc -

**Windows Vista**: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Printing Preferences** (Sở Thích In).

Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm

1. **Windows XP và Windows Server 2003 (sử dụng kiểu hiển thị Default Start (Bắt đầu Mặc định) cho menu Start (Bắt đầu))**: Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

- hoặc -

**Windows 2000, Windows XP và Windows Server 2003 (sử dụng kiểu hiển thị Classic Start (Bắt đầu Cổ điển) cho menu Start (Bắt đầu))**: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers** (Máy in).

- hoặc -

**Windows Vista**: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
3. Bấm vào tab **Device Settings** (Cài Đặt Thiết Bị).

# Cài đặt phần mềm Windows

## Các loại cài đặt phần mềm cho Windows

Bạn có thể chọn từ các loại cài đặt phần mềm sau:

- **Được đề nghị.** Cài đặt tất cả phần mềm của sản phẩm, bao gồm hướng dẫn người dùng. Có thể chọn điều này cho kết nối trực tiếp (USB) hay cài đặt mạng.
- **Cài đặt Nhanh USB.** Cài đặt phần mềm tối thiểu cho sản phẩm sử dụng kết nối USB trực tiếp. Việc chọn phương pháp cài đặt này cho biết rằng bạn chấp nhận các điều khoản Giấy phép Phần mềm của HP.
- **Cài đặt Mạng Nhanh.** Cài đặt phần mềm tối thiểu cho sản phẩm sử dụng kết nối mạng. Việc chọn phương pháp cài đặt này cho biết rằng bạn chấp nhận các điều khoản Giấy phép Phần mềm của HP.

## Xóa phần mềm cho Windows

1. Nhấp **Start**, và sau đó nhấn **All Programs**.
2. Nhấn **HP**, và sau đó nhấn **HP Color LaserJet CP2020 Series Máy in**.
3. Nhấn **Uninstall HP Color LaserJet CP2020 Series Máy in**, và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để xóa phần mềm.

# Các tiện ích được hỗ trợ

## HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ quản lý dựa trên trình duyệt dành cho các máy in sử dụng kết nối HP Jetdirect trong mạng intranet, và chỉ cần cài đặt phần mềm này trên máy tính của quản trị mạng.

Để tải xuống phiên bản HP Web Jetadmin và danh sách các hệ thống máy chủ được hỗ trợ mới nhất, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/go/webjetadmin](http://www.hp.com/go/webjetadmin).

Khi được cài đặt trên một máy chủ lưu trữ, một máy khách Windows có thể có được truy cập vào HP Web Jetadmin bằng cách sử dụng trình duyệt Web được hỗ trợ (như là Microsoft® Internet Explorer 4.x hoặc Netscape Navigator 4.x hoặc phiên bản mới hơn) bằng việc điều hướng đến máy chủ có cài đặt HP Web Jetadmin.

## Máy chủ Web nhúng

Thiết bị này được trang bị một máy chủ Web nhúng cung cấp truy cập vào thông tin về thiết bị và các hoạt động mạng. Thông tin này xuất hiện trên một trình duyệt Web, như là Microsoft Internet Explorer, Netscape Navigator, Apple Safari, hoặc Firefox.

Máy chủ Web nhúng được cài trên thiết bị. Nó không được tải trên máy chủ mạng.

Máy chủ Web nhúng cung cấp một giao diện đến thiết bị để bất cứ ai có một máy tính được kết nối vào mạng và có một trình duyệt Web chuẩn đều có thể sử dụng. Không cần cài đặt hay cấu hình phần mềm đặc biệt, nhưng bạn phải có một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính. Để có truy cập vào máy chủ Web nhúng, nhập địa chỉ IP của thiết bị trong dòng địa chỉ của trình duyệt. (Để tìm địa chỉ IP này, hãy in trang cấu hình. Để biết thêm thông tin về cách in trang cấu hình, xem [Trang thông tin thuộc trang 70.](#))


Để có giải thích đầy đủ về những tính năng và chức năng của máy chủ Web nhúng, xem [Máy chủ Web được nhúng thuộc trang 79.](#)

## HP ToolboxFX

HP ToolboxFX phần mềm là một chương trình bạn có thể sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng sản phẩm
- Kiểm tra tình trạng cung cấp và mua hàng trực tuyến
- Cài đặt cảnh báo
- Xem báo cáo sử dụng sản phẩm
- Xem tài liệu về sản phẩm
- Nhận truy cập để xử lý sự cố và bảo trì công cụ

HP ToolboxFX được hỗ trợ cài đặt USB trực tiếp và mạng. Bạn không cần phải truy cập Internet để mở và sử dụng HP ToolboxFX. HP ToolboxFX hiện chỉ có theo một cài đặt Được đề nghị.

 **GHI CHÚ:** HP ToolboxFX không được hỗ trợ cho các hệ điều hành Windows 2000, Windows Server 2003, hay Macintosh. Để sử dụng HP ToolboxFX, bạn phải cài đặt giao thức TCP/IP vào máy tính của bạn.

---

#### Các hệ điều hành được hỗ trợ

- Microsoft Windows XP, Service Pack 2 (Home and Professional editions)
  - Microsoft Windows Vista™
- 

Để biết thêm thông tin về việc sử dụng HP ToolboxFX phần mềm, xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71](#).

## Các thành phần và tiện ích Windows khác

- Bộ cài đặt phần mềm — tự động cài đặt hệ thống in
- Đăng ký Web trực tuyến
- Video về Tối ưu hoá Chất lượng In
- Kết hợp Màu Cơ bản của HP
- Chăm sóc Máy in HP Dễ dàng
- Web Printsmart
- HP Sure Supply
- Phần mềm Tài nguyên Tiếp thị HP

---

## 4 Sử dụng sản phẩm với Macintosh


- [Phần mềm cho Macintosh](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh](#)

# Phần mềm cho Macintosh

## Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh

Thiết bị hỗ trợ các hệ điều hành Macintosh sau:

- Mac OS X V10.2.8, V10.3, V10.4 và phiên bản mới hơn

 **GHI CHÚ:** Đối với Mac OS V10.4 và phiên bản mới hơn, PPC và Macs sử dụng Bộ xử lý Intel Core được hỗ trợ.


## Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh

Trình cài đặt HP cung cấp các tệp PostScript®Printer Description (PPD) và Printer Dialog Extensions (PDEs) để sử dụng cho các máy tính Macintosh.

Các PPD, kết hợp với các trình điều khiển PostScript dành cho Apple, cung cấp truy cập vào các tính năng của thiết bị. Sử dụng trình điều khiển PostScript dành cho Apple đi kèm với máy tính.

## Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh

Các thay đổi cho cài đặt in được đặt ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Bấm **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tệp) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Các cài đặt được thay đổi ở đây có thể ghi đè các cài đặt được thay đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tệp) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định cài đặt được sử dụng trong tất cả các nhiệm vụ in, *trừ khi* cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Cài đặt panen điều khiển máy in:** Cài đặt được thay đổi trong panen điều khiển của máy in có mức ưu tiên thấp hơn những thay đổi ở bất kỳ nơi nào khác.

## Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm

1. Trên menu **File** (Tệp tin), bấm **Print (In)**.
2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.

Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in

1. Trên menu **File** (Tệp tin), bấm **Print (In)**.
2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.
3. Trên menu **Presets** (Cài đặt Sẵn), bấm **Save as** (Lưu như) và nhập tên của cài đặt sẵn.

Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm

- Mac OS X V10.2.8**
1. Trong Finder (Trình Tìm), trên menu **Go** (Đến), bấm **Applications** (Ứng Dụng).
  2. Mở **Utilities** (Các Tiện ích), sau đó mở **Print Center** (Trung tâm In).
  3. Bấm vào xếp hàng in.

---

### Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm

### Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in

### Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm

---

Các cài đặt này được lưu trong menu **Presets** (Cài đặt sẵn). Để sử dụng cài đặt mới, bạn phải chọn tùy chọn cài đặt sẵn đã lưu mỗi lần mở một chương trình và in.

4. Trên menu **Printers** (Máy in), bấm **Configure** (Lập Cấu hình).
5. Bấm menu **Installable Options** (Tùy Chọn Có Thể Cài Đặt).

**GHI CHÚ:** Cài đặt cấu hình có thể không khả dụng ở chế độ Classic (Cổ Điển).

#### Mac OS X V10.3 hoặc Mac OS X V10.4

1. Từ menu của Apple, bấm **System Preferences** (Sở thích Hệ thống), sau đó bấm **Print & Fax** (In & Fax).
2. Bấm **Printer Setup** (Cài đặt Máy in).
3. Bấm menu **Installable Options** (Tùy chọn Có thể Cài đặt).

#### Mac OS X V10.5

1. Từ menu của Apple, bấm **System Preferences** (Sở thích Hệ thống), sau đó bấm **Print & Fax** (In & Fax).
  2. Bấm **Options & Supplies** (Tùy chọn & Nguồn Cung cấp).
  3. Bấm menu **Driver** (Trình Điều khiển).
  4. Chọn trình điều khiển có trong danh sách, và lập cấu hình các tùy chọn được cài đặt.
- 

## Các tiện ích được hỗ trợ cho Macintosh

### Xem máy chủ Web được nhúng bằng cách sử dụng Macintosh

Bạn truy cập vào máy chủ Web nhúng HP (EWS) bằng cách nhấp vào nút **Utility** (Tiện ích) khi xem dãy lệnh in. Thao tác này sẽ mở một trình duyệt Web, ví dụ như Safari, cho phép người sử dụng truy cập vào EWS. Bạn cũng có thể truy cập trực tiếp EWS bằng cách nhập địa chỉ IP mạng hoặc tên DNS của sản phẩm vào trình duyệt Web.

Phần mềm HP USB EWS Gateway, được cài đặt tự động, cũng cho phép trình duyệt Web truy cập vào sản phẩm nếu sản phẩm được kết nối bằng cáp USB. Bấm vào nút **Utility** (Tiện ích) khi sử dụng kết nối USB để truy cập EWS qua trình duyệt Web.

Sử dụng EWS để thực hiện các tác vụ sau:

- Xem tình trạng thiết bị và thay đổi cài đặt thiết bị.
- Xem và thay đổi các cài đặt mạng cho thiết bị.

- In các trang thông tin cho thiết bị.
- Xem nhật ký sự kiện của thiết bị.



# Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh

## Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh


Sử dụng các cài đặt sẵn để lưu cài đặt trình điều khiển máy in hiện thời để sử dụng lại.

### Tạo cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Chọn cài đặt in.
4. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), bấm **Save As...** (Lưu làm), và nhập tên cho cài đặt sẵn này.
5. Bấm **OK**.

### Sử dụng cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), chọn cài đặt sẵn in bạn muốn sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng các cài đặt mặc định của trình điều khiển máy in, chọn **Standard** (Chuẩn).

## Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh

Bạn có thể co giãn tài liệu cho vừa trên kích thước giấy khác.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Paper Handling** (Xử Lý Giấy).
3. Trong vùng cho **Destination Paper Size** (Kích Thước Giấy Đích), chọn **Scale to fit paper size** (Co giãn cho vừa kích thước giấy), và sau đó chọn kích thước giấy từ danh sách thả xuống.
4. Nếu bạn chỉ muốn sử dụng giấy nhỏ hơn tài liệu, chọn **Scale down only** (Chỉ giảm xuống).

## In trang bìa

Bạn có thể in một trang bìa riêng cho tài liệu có một thông báo (chẳng hạn như “Bí Mật”).

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu **Cover Page** (Trang bìa), sau đó chọn in trang bìa **Before Document** (Trước Tài liệu) hoặc **After Document** (Sau Tài liệu).
4. Trong menu **Cover Page Type** (Kiểu Trang bìa), chọn thông báo bạn muốn in trên trang bìa này.

 **GHI CHÚ:** Để in trang bìa trắng, chọn **Standard** (Chuẩn) làm **Cover Page Type** (Kiểu Trang Bìa).

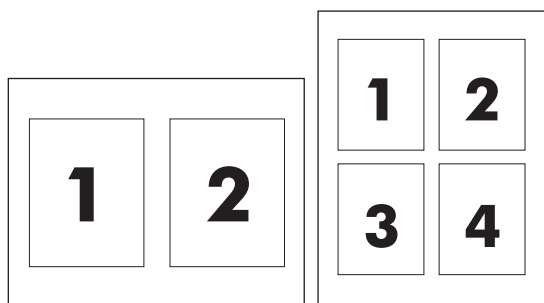
## Sử dụng các hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như “Bí Mật,” được in trên nền mỗi trang tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Watermarks** (Hình mờ).
3. Chọn **Mode** (Chế độ), chọn kiểu hình mờ bạn muốn sử dụng. Chọn **Watermark** (Hình mờ) để in một thông báo nửa trong suốt. Chọn **Overlay** (Phủ) để in một thông báo không trong suốt.
4. Chọn **Page** (Trang), chọn in hình mờ trên tất cả các trang hoặc chỉ trang đầu.
5. Chọn **Text** (Văn bản), chọn một trong những thông báo chuẩn, hoặc chọn **Custom** (Tùy chỉnh) và nhập một thông báo mới vào hộp.
6. Chọn các tùy chọn cho những cài đặt còn lại.

## In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy. Tính năng này cung cấp một cách hiệu quả để in các trang nháp.



1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu **Layout** (Bố cục).
4. Chọn **Pages per Sheet** (Trang trên mỗi Bản), chọn số trang tài liệu bạn muốn in trên mỗi trang giấy (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Chọn **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và bố cục của các trang tài liệu trên trang giấy.
6. Chọn **Borders** (Đường viền), chọn kiểu đường viền sẽ được in quanh mỗi trang tài liệu trên trang giấy.

## In trên cả hai mặt trang (in hai mặt)

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh bị kẹt, không nạp giấy nặng hơn 105 g/m<sup>2</sup> (28-lb bond).

## Sử dụng in hai mặt tự động

1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
  - Đối với khay 1, nạp giấy tiêu đề thư mặt quay lên trên với cạnh dưới cùng tiếp vào máy in trước.
  - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư mặt trước úp xuống với cạnh trên cùng ở phía sau khay.
2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
3. Mở menu **Layout** (Bố cục).
4. Cạnh **Two-Sided** (Hai Mặt), chọn **Long-Edge Binding** (Đóng Cạnh Dài) hoặc **Short-Edge Binding** (Đóng Cạnh Ngắn).
5. Nhấp **Print** (In).

## In hai mặt thủ công

1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
  - Đối với khay 1, nạp giấy tiêu đề thư mặt quay lên trên với cạnh dưới cùng tiếp vào máy in trước.
  - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư mặt trước úp xuống với cạnh trên cùng ở phía sau khay.
2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
3. Trên menu **Finishing** (Hoàn thành), chọn **Manually Print on 2nd Side** (In Thủ công trên Mặt Thứ 2).
4. Nhấp **Print** (In). Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong cửa sổ pop-up hiển thị trên màn hình máy tính trước khi lắp xếp giấy ra vào khay 1 để in phần thứ hai.
5. Đến máy in, và lấy mọi giấy trắng trong khay 1 ra.
6. Cho chồng giấy đã in mặt quay lên với cạnh dưới cùng tiếp vào máy in trước trong khay 1. Bạn *phải* in mặt thứ hai từ khay 1.
7. Nếu được nhắc, nhấn nút panen điều khiển thích hợp để tiếp tục.

## Cài đặt tùy chọn màu

Sử dụng menu sổ xuống **Color Options** (Tùy chọn Màu) để kiểm soát cách các màu này sẽ được xuất và in ra từ các chương trình phần mềm

1. Nhấp vào **Show Advanced Options**.
2. Điều chỉnh các cài đặt riêng cho chữ, hình đồ họa và hình chụp.

## Sử dụng menu **Services (Dịch Vụ)**

Nếu sản phẩm được nối mạng, hãy sử dụng menu **Services (Dịch vụ)** để xem thông tin về sản phẩm và tình trạng nguồn cung cấp.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print (In)**.
2. Mở menu **Services (Dịch Vụ)**.

---

## 5 Kết nối

- Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ
- Kết nối USB
- Các giao thức mạng được hỗ trợ
- Cấu hình sản phẩm trên mạng

# Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ

Các hệ điều hành sau hỗ trợ in mạng:

## Cài đặt toàn bộ phần mềm

- Windows 2003 Server (64-bit)
- Windows XP (32-bit and 64-bit)
- Windows Vista (32-bit and 64-bit)
- Mac OS X V10.2.8, V10.3, V10.4 và phiên bản mới hơn


## Chỉ có trình điều khiển máy in

- Windows 2000
- Windows 2003 Server (32-bit)
- Linux (chỉ có Web)
- UNIX model scripts (chỉ có Web)

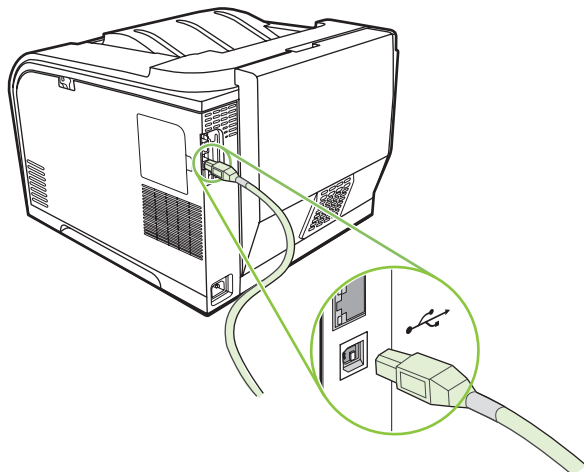
## Từ chối chia sẻ máy in

HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

## Kết nối USB

 **GHI CHÚ:** Không cắm cáp USB vào trước khi cài đặt phần mềm. Chương trình cài đặt sẽ thông báo với bạn khi có thể kết nối cáp USB.

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối USB 2.0. Bạn phải sử dụng cáp USB loại A-B để in.



## Các giao thức mạng được hỗ trợ

Sản phẩm hỗ trợ giao thức mạng TCP/IP. Nó được sử dụng rộng rãi nhất và là giao thức mạng được chấp nhận. Nhiều dịch vụ mạng sử dụng giao thức này. Sản phẩm này cũng hỗ trợ IPv4 và IPv6. Các bảng sau liệt kê các dịch vụ/giao thức mạng được hỗ trợ trong sản phẩm

**Bảng 5-1 In**

Tên dịch vụ	Mô tả
port9100 (Chế độ Trực tiếp)	Dịch vụ in
Daemon máy in dòng (LPD)	Dịch vụ in
ws-in	Giải pháp in cắm và chạy của Microsoft

**Bảng 5-2 Khám phá sản phẩm mạng**

Tên dịch vụ	Mô tả
SLP (Giao thức Địa điểm Dịch vụ)	Giao thức Khám phá Thiết bị, được sử dụng để tìm và cấu hình thiết bị mạng. Được sử dụng chủ yếu bởi các chương trình phần mềm có nền Microsoft.
mDNS (multicast Domain Name Service – cũng được biết đến như là “Rendezvous” hay “Bonjour”)	Giao thức Khám phá Thiết bị, được sử dụng để tìm và cấu hình thiết bị mạng. Được sử dụng chủ yếu bởi các chương trình phần mềm có nền Apple Macintosh.
ws-khám phá	Được sử dụng bởi các chương trình phần mềm có nền Microsoft

**Bảng 5-3 Nhắn tin và quản lý**

Tên dịch vụ	Mô tả
HTTP (giao thức truyền siêu văn bản)	Cho phép các trình duyệt Web liên lạc với máy chủ Web được nhúng.
EWS (máy chủ Web được nhúng)	Cho phép người dùng quản lý sản phẩm qua một trình duyệt Web.
SNMP (giao thức quản lý mạng đơn giản)	Được các chương trình mạng sử dụng để quản lý sản phẩm. Các đối tượng SNMP V1 và standard MIB-II (Cơ sở Thông tin Quản lý) được hỗ trợ.

**Bảng 5-4 Địa chỉ IP**

Tên dịch vụ	Mô tả
DHCP (giao thức cấu hình máy chủ năng động), IPv4, và IPv6	Để chỉ định địa chỉ IP Tự động. Máy chủ DHCP cung cấp một địa chỉ IP cho sản phẩm. Thường không cần sự can thiệp của người dùng cho việc sản phẩm nhận địa chỉ IP từ máy chủ DHCP.



**Bảng 5-4 Địa chỉ IP (còn tiếp)**


Tên dịch vụ	Mô tả
BOOTP (giao thức bootstrap)	Để chỉ định địa chỉ IP Tự động. Máy chủ BOOTP cung cấp một địa chỉ IP cho sản phẩm. Cần người quản lý nhập địa chỉ phần cứng sản phẩm MAC vào máy chủ BOOTP để sản phẩm nhận địa chỉ IP từ máy chủ đó.
IP Tự động	Để chỉ định địa chỉ IP Tự động. Nếu không có máy chủ DHCP hay BOOTP, dịch vụ này cho phép sản phẩm tạo một địa chỉ IP duy nhất.

## Cấu hình sản phẩm trên mạng

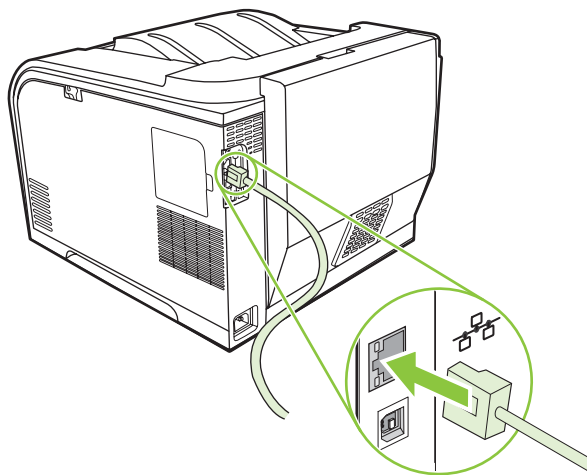
Để cấu hình các thông số mạng trên sản phẩm, sử dụng bảng điều khiển sản phẩm, hoặc máy chủ Web được nhúng. Với hệ điều hành Windows, sử dụng phần mềm HP ToolboxFX.. Đối với Mac OS X, sử dụng nút **Utility**(Tiện ích).

## Cài đặt sản phẩm vào mạng

Hewlett-Packard khuyến nghị bạn sử dụng bộ cài đặt phần mềm HP có trong đĩa CD để cài đặt trình điều khiển máy in cho các mạng.

 **GHI CHÚ:** Bạn *phải* kết nối máy in vào mạng trước khi bắt đầu cài đặt phần mềm.

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối mạng 10/100. Gắn cáp mạng vào sản phẩm và kết nối mạng.



## Xem cài đặt

### Trang cấu hình mạng

Trang cấu hình mạng liệt kê các cài đặt và đặc tính hiện có của thẻ mạng sản phẩm. Để in trang cấu hình mạng từ sản phẩm, hoàn tất các bước sau.

1. Trên bảng điều khiển, nhấn **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **báo cáo mạng**, rồi nhấn **OK**.

### Trang cấu hình

Trang cấu hình liệt kê các cài đặt và đặc tính hiện có của sản phẩm. Để in trang cấu hình mạng từ sản phẩm, hoàn tất các bước sau.

1. Trên bảng điều khiển, nhấn **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Báo cáo cấu hình**, rồi nhấn **OK**.

## địa chỉ IP

Bạn có thể cấu hình địa chỉ IP một cách thủ công hay tự động qua DHCP, BootP, hay AutoP.

### Cấu hình thủ công

1. Trên trình đơn bảng điều khiển, nhấn **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình TCP/IP**, rồi nhấn **OK**.
4. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Manual (Thủ công)**, rồi nhấn **OK**.
5. Nhấn nút **Mũi tên sang phải** (▶) để tăng giá trị phần đầu tiên của địa chỉ IP. Nhấn nút **Mũi tên sang trái** (◀) để giảm giá trị. Khi giá trị đã đúng, nhấn **OK**. Lập lại quy trình này cho ba phần khác của địa chỉ IP.
6. Nếu địa chỉ đã đúng, sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Có**, rồi nhấn **OK**. lập lại bước 5 cho mặt nạ mạng phụ và cài đặt cổng mặc định.

- hoặc -


Nếu địa chỉ IP không đúng, sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Không**, rồi nhấn **OK**. Lập lại bước 5 để thiết lập đúng địa chỉ IP, rồi lập lại bước 5 cho mặt nạ mạng phụ và cài đặt cổng mặc định.

### Cấu hình tự động


 **GHI CHÚ:** Automatic (Tự động) là cài đặt Cấu hình mạng Cấu hình TCP/IP mặc định.

1. Trên trình đơn bảng điều khiển, nhấn **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình TCP/IP**, rồi nhấn **OK**.
4. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Automatic (Tự động)**, rồi nhấn **OK**.

Có thể mất vài phút trước khi địa chỉ IP tự động sẵn sàng để sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để vô hiệu hoá hay kích hoạt các chế độ IP tự động (như BOOTP, DHCP, hay AutoIP), sử dụng máy chủ Web được nhúng hay HP ToolboxFX.

## Hiện thị hoặc ẩn địa chỉ IP trên bảng điều khiển

 **GHI CHÚ:** Khi **Show IP address** (Hiện thị địa chỉ IP) **On (Bật)**, địa chỉ IP sẽ xuất hiện tuần tự trên màn hình bảng điều khiển với các máy đo tình trạng hộp mực in.

1. Trên menu bảng điều khiển, hãy bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Hiện thị địa chỉ IP**, rồi nhấn **OK**.
4. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Có** hay **Không**, rồi nhấn **OK**.

## Cài chức năng tự động vượt

1. Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Automatic (Tự động) giao nhau**, rồi nhấn **OK**.
4. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **On (Bật)** hay **Off (Tắt)**, rồi nhấn **OK**.

## Cài dịch vụ mạng

1. Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Dịch vụ mạng**, rồi nhấn **OK**.
4. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **IPv4** hay **IPv6**, rồi nhấn **OK**.
5. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **On (Bật)** hay **Off (Tắt)**, rồi nhấn **OK**.

## Restore defaults (Khôi phục mặc định) (cài đặt mạng)

1. Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Restore defaults (Khôi phục mặc định)**, rồi nhấn **OK**.
4. Bấm **OK** để khôi phục cài đặt mạng mặc định gốc. Bấm **X** để thoát ra khỏi menu mà không khôi phục cài đặt mạng mặc định gốc.

## TCP/IP


Tương tự như ngôn ngữ thông thường mà mọi người sử dụng để giao tiếp với nhau, TCP/IP (Giao thức Kiểm soát truyền thông/Giao thức Internet) là một bộ các giao thức được thiết kế để xác định cách các máy tính và các thiết bị khác giao tiếp với nhau qua mạng.

## Địa chỉ IP

Mỗi máy chủ (máy trạm hoặc nút) trên mạng IP yêu cầu một địa chỉ IP duy nhất cho từng giao diện mạng. Địa chỉ này là một địa chỉ phần mềm được sử dụng để nhận dạng cả máy chủ mạng và máy chủ riêng biệt được định vị trên mạng đó. Máy chủ có thể yêu cầu server địa chỉ IP động mỗi lần thiết bị khởi động (ví dụ sử dụng DHCP và BOOTP).

Một địa chỉ IPv4 chứa bốn byte thông tin, được chia thành các phần, mỗi phần chứa một byte. Địa chỉ IP có định dạng sau:

xxx . xxx . xxx . xxx

 **GHI CHÚ:** Khi gán địa chỉ IP, hãy tham vấn nhà quản trị địa chỉ IP. Việc cài đặt sai địa chỉ IP có thể làm tắt hoạt động của thiết bị khác trên mạng hoặc gây trở ngại cho việc liên lạc.

## Cấu hình thông số IP

Các thông số cấu hình IP có thể được cấu hình thủ công, hay có thể được tự động tải về bằng cách sử dụng DHCP hay BOOTP mỗi khi sản phẩm được bật lên.

Khi bật, sản phẩm sẽ tự gán một địa chỉ IP mặc định nếu không thể tải một địa chỉ IP hợp lệ từ mạng. Trên một mạng riêng nhỏ, địa chỉ IP duy nhất có thể được gán trong khoảng từ 169.254.1.0 đến 169.254.254.255. Địa chỉ IP của sản phẩm được liệt kê trên trang Cấu hình sản phẩm và cổng Mạng. Xem [Trình đơn bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

## Giao thức Cấu hình Host động (DHCP)

DHCP cho phép một nhóm các thiết bị sử dụng một bộ các địa chỉ IP do một máy chủ DHCP lưu trữ. Thiết bị sẽ gửi một yêu cầu đến máy chủ, và nếu có sẵn địa chỉ IP, máy chủ sẽ gán địa chỉ đó cho thiết bị.

## BOOTP

BOOTP là một giao thức tự khởi động được sử dụng để tải xuống các thông số cấu hình và thông tin máy chủ từ máy chủ mạng.

Máy khách sẽ phát đi một gói dữ liệu yêu cầu khởi động có chứa địa chỉ phần cứng của sản phẩm. Máy chủ sẽ trả lời với một gói dữ liệu trả lời khởi động có chứa thông tin mà thiết bị cần để cấu hình.

## Mạng phụ

Khi một địa chỉ mạng IP dành cho một loại mạng riêng biệt được gán cho một tổ chức, không một điều khoản nào được thực hiện cho phép hiển thị nhiều mạng tại vị trí đó. Các nhà quản trị mạng địa phương sẽ sử dụng mạng phụ để phân chia mạng thành nhiều mạng phụ khác nhau. Việc tách mạng ra thành nhiều mạng phụ có thể làm cho sản phẩm hoạt động tốt hơn và việc sử dụng các khoảng trống địa chỉ mạng giới hạn được cải thiện.

## Mặt nạ mạng phụ

Mặt nạ mạng phụ là một công cụ được sử dụng để chia một mạng IP thành nhiều mạng phụ khác nhau. Với một lớp mạng đã định, một phần của địa chỉ IP thay vì được sử dụng để nhận dạng một nút sẽ được sử dụng để nhận dạng mạng phụ. Một mặt nạ mạng phụ được áp dụng cho mỗi địa chỉ IP để xác định phần được sử dụng cho mạng phụ đó, và phần được sử dụng để nhận dạng nút.

## Cổng nối

Cổng nối (cầu dẫn) được sử dụng để kết nối các mạng với nhau. Cổng nối là thiết bị có chức năng tương tự như bộ chuyển ngữ giữa các hệ thống không sử dụng giao thức giao tiếp, định dạng dữ liệu, cấu trúc, ngôn ngữ hoặc kiến trúc. Cổng nối sẽ nối các gói dữ liệu lại và thay đổi cú pháp cho phù hợp với cú pháp của hệ thống đến. Khi mạng được chia ra thành nhiều mạng phụ, cổng nối sẽ được yêu cầu để kết nối một mạng phụ với mạng khác.

## Cổng nối mặc định

Cổng mặc định là địa chỉ IP của cổng hay cầu dẫn di chuyển các gói giữa các mạng.

Nếu có nhiều cổng nối hoặc cầu dẫn tồn tại, lúc đó cổng nối mặc định sẽ mặc nhiên là địa chỉ của cổng nối hoặc cầu dẫn đầu tiên hoặc gần nhất. Nếu không có cổng nối hoặc cầu dẫn tồn tại, lúc đó cổng nối mặc định sẽ mặc nhiên thừa nhận địa chỉ IP của nút mạng (ví dụ như máy trạm hoặc sản phẩm).

---

## 6 Giấy và Phương tiện In

- [Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in](#)
- [Các kích thước trang và phương tiện in được hỗ trợ](#)
- [Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ](#)
- [Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt](#)
- [Nạp giấy và phương tiện in](#)

## Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều loại giấy và các phương tiện khác phù hợp với nguyên tắc sử dụng được nêu ở đây. Giấy hay phương tiện in không đáp ứng các nguyên tắc này có thể gây ra những vấn đề sau:

- Chất lượng in kém
- Hay kẹt giấy
- Máy bị mòn sớm, cần sửa chữa

Để có được kết quả tốt nhất, chỉ sử dụng giấy và phương tiện in có nhãn hiệu HP được thiết kế cho các máy in laser hoặc đa dụng. Không sử dụng phương tiện in dành cho các máy in inkjet. Công ty Hewlett-Packard khuyên bạn không nên sử dụng phương tiện của các thương hiệu khác vì HP không thể kiểm soát chất lượng của chúng.

Vẫn có khả năng là giấy đáp ứng tất cả nguyên tắc hướng dẫn sử dụng mà vẫn không thể cho kết quả đáng hài lòng. Đây có thể là hậu quả của việc xử lý không thích đáng, nhiệt độ và/hay độ ẩm không thể chấp nhận, hay các thay đổi mà Hewlett-Packard không kiểm soát được.

---


△ **THẬN TRỌNG:** Sử dụng giấy hay phương tiện in không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của Hewlett-Packard có thể gây ra các vấn đề về sản phẩm, cần sửa chữa. Việc sửa chữa này không nằm trong thỏa thuận bảo hành hay dịch vụ của Hewlett-Packard.

---



## Các kích thước trang và phương tiện in được hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ một số kích thước giấy, và nó điều chỉnh theo các phương tiện khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, chọn kích thước giấy thích hợp và gỡ trình điều khiển in của bạn vào trước khi in.

**Bảng 6-1 Các kích thước phương tiện và giấy in được hỗ trợ**

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2 hay khay 3 tùy chọn
Thư	216 x 279 mm	✓	✓
Pháp lý	216 x 356 mm	✓	✓
A4	210 x 297 mm	✓	✓
Quản lý	184 x 267 mm	✓	✓
A3	297 x 420 mm		
A5	148 x 210 mm	✓	✓
A6	105 x 148 mm	✓	✓
B4 (JIS)	257 x 364 mm		
B5 (JIS)	182 x 257 mm	✓	✓
B5 (ISO)	176 x 250 mm		
B6 (ISO)	125 x 176 mm		
16k	184 x 260 mm		
	195 x 270 mm	✓	✓
	197 x 273 mm		
8.5 x 13	216 x 330 mm	✓	✓
4 x 6	107 x 152 mm	✓	✓
5 x 8	127 x 203 mm	✓	✓
10 x 15 cm	100 x 150 mm	✓	✓
Tùy chỉnh	(76 - 216) x (127 - 356) mm	✓	
Tùy chỉnh	(102 - 216) x (153 - 356) mm		✓

**Bảng 6-2 Phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ**

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2
Phong bì #10	105 x 241 mm	✓	✓

**Bảng 6-2 Phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ (còn tiếp)**

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2
Phong bì DL	110 x 220 mm	✓	✓
Phong bì C5	162 x 229 mm	✓	✓
Phong bì B5	176 x 250 mm	✓	✓
Phong bì Quân chủ	98 x 191 mm	✓	✓
Bưu thiếp	100 x 148 mm	✓	✓
Bưu thiếp kép	148 x 200 mm	✓	✓

# Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ

**Bảng 6-3 Khay 1**

Loại phương tiện	Nặng	Khả năng chứa giấy <sup>1</sup>	Hướng giấy
Hàng ngày: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thường</li> <li>• Sáng</li> <li>• Liên kết</li> <li>• Tái chế</li> </ul>	60 to 90 g/m <sup>2</sup> (16 đến 24 pao)	Tối đa 50 tờ	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Thuyết trình: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy mờ, hạng vừa đến nặng</li> <li>• Giấy bóng, hạng vừa đến nặng</li> </ul>	Tối đa 176 g/m <sup>2</sup> (47 lb) <sup>2</sup>	Tối đa 5 mm (0,2 inch) chiều cao của xếp	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Sách mỏng: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy mờ, hạng vừa đến nặng</li> <li>• Giấy bóng, hạng vừa đến nặng</li> </ul>	Tối đa 176 g/m <sup>2</sup> (47 lb) <sup>2</sup>	Tối đa 5 mm (0,2 inch) chiều cao của xếp	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Ảnh/bìa <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy bìa mờ</li> <li>• Giấy bìa bóng</li> <li>• Giấy ảnh mờ</li> <li>• Giấy ảnh bóng</li> <li>• Tập thẻ</li> </ul>	Tối đa 176 g/m <sup>2</sup> (47 lb) <sup>2</sup>	Tối đa 5 mm (0,2 inch) chiều cao của xếp	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trang suốt laser màu</li> <li>• Nhãn</li> <li>• Tiêu đề thư, phong bì</li> <li>• Phong bì nặng</li> <li>• In sẵn</li> <li>• Dập lỗ trước</li> <li>• Màu</li> <li>• Ráp</li> <li>• Ráp</li> </ul>		Tối đa 50 tờ, hoặc 10 phong bì	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay hoặc cạnh dán tem hướng về phía sau khay

<sup>1</sup> Khả năng chứa giấy tùy thuộc vào trọng lượng và độ dày của giấy, và điều kiện môi trường.

<sup>2</sup> Thiết bị này hỗ trợ tối đa 220 g/m<sup>2</sup> (59 lb) đối với giấy bóng và giấy ảnh bóng.

**Bảng 6-4 Khay 2 và Khay 3.**

Loại phương tiện	Nặng	Khả năng chứa giấy <sup>1</sup>	Hướng giấy
Hàng ngày: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thường</li> <li>• Sáng</li> <li>• Liên kết</li> <li>• Tái chế</li> </ul>	60 to 90 g/m <sup>2</sup> (16 đến 24 pao)	Tối đa 250 tờ	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Thuyết trình: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy mờ, hạng vừa đến nặng</li> <li>• Giấy bóng, hạng vừa đến nặng</li> </ul>	Tối đa 176 g/m <sup>2</sup> (47 lb) <sup>2</sup>	Tối đa 12,5 mm (0,5 inch) chiều cao của xếp	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Sách mỏng: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy mờ, hạng vừa đến nặng</li> <li>• Giấy bóng, hạng vừa đến nặng</li> </ul>	Tối đa 176 g/m <sup>2</sup> (47 lb) <sup>2</sup>	Tối đa 12,5 mm (0,5 inch) chiều cao của xếp	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Ảnh/bìa <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy bìa mờ</li> <li>• Giấy bìa bóng</li> <li>• Giấy ảnh mờ</li> <li>• Giấy ảnh bóng</li> <li>• Tập thẻ</li> </ul>	Tối đa 176 g/m <sup>2</sup> (47 lb) <sup>2</sup>	Tối đa 12,5 mm (0,5 inch) chiều cao của xếp	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trang suốt laser màu</li> <li>• Nhãn</li> <li>• Tiêu đề thư, phong bì</li> <li>• Phong bì nặng</li> <li>• In sẵn</li> <li>• Dập lỗ trước</li> <li>• Colored (Màu)</li> <li>• Ráp</li> <li>• Ráp</li> </ul>		Tối đa 50 tờ, hoặc 10 phong bì	Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay hoặc cạnh dán tem hướng về phía sau khay

<sup>1</sup> Khả năng chứa giấy tùy thuộc vào trọng lượng và độ dày của giấy, và điều kiện môi trường.

<sup>2</sup> Thiết bị này hỗ trợ tối đa 220 g/m<sup>2</sup> (59 lb) đối với giấy bóng và giấy ảnh bóng.

# Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt

Sản phẩm này hỗ trợ in trên các vật liệu đặc biệt. Sử dụng các nguyên tắc sau để có kết quả như ý. Khi sử dụng giấy hay vật liệu in đặc biệt, nhớ cài loại và cỡ trong chương trình điều khiển in để có kết quả in tốt nhất.

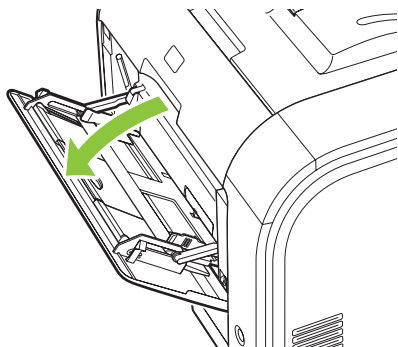
- △ **THẬN TRỌNG:** Các máy in HP LaserJet sử dụng bộ phận làm nóng chảy để làm dính các hạt mực khô lên giấy ở các điểm rất chính xác. Giấy in la-de của HP được thiết kế để chịu được nhiệt độ cực cao này. Sử dụng giấy dành cho máy in phun không được thiết kế cho công nghệ này có thể làm hư máy in của bạn.

Loại vật liệu	Nên	Không nên
Các phong bì	<ul style="list-style-type: none"><li>Ngăn chứa phong bì.</li><li>Sử dụng các phong bì có đường nối kéo dài đến góc của phong bì.</li><li>Sử dụng các loại băng dính lột ra để dán được chấp nhận sử dụng cho các máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Không sử dụng các phong bì nhân nheo, bị cắt, bị dính với nhau, hay các dạng hư hỏng khác.</li><li>Không sử dụng các phong bì có móc cài, khóa, cửa sổ, hay phủ các lớp lót.</li><li>Đừng sử dụng các băng tự dính hay các vật liệu tổng hợp khác.</li></ul>
Các nhãn	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng các nhãn không có phần lưng phơi ra giữa chúng.</li><li>Sử dụng các Nhãn nằm thật sát.</li><li>Chỉ sử dụng các tờ có đầy nhãn.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các nhãn bị nhăn hay có chỗ phồng, hay bị hư hỏng.</li><li>Đừng in từng phần các tờ chứa nhãn.</li></ul>
Phim đèn chiếu	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng các phim đèn chiếu được chấp nhận sử dụng trong các máy in la-de.</li><li>Đặt phim đèn chiếu lên một mặt phẳng sau khi lấy chúng ra khỏi máy.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các tấm phim đèn chiếu không được chấp nhận cho các máy in la-de.</li></ul>
Đầu đề trang hay các mẫu in sẵn	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng đầu đề trang hay các mẫu được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các đầu đề trang nổi lên hay có kim loại.</li></ul>
Giấy dày	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng giấy dày được chấp nhận sử dụng trong máy in la-de đáp ứng các đặc điểm về trọng lượng của máy in này.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng giấy nặng hơn đặc điểm kỹ thuật được đề nghị cho máy, trừ khi nó là giấy HP được chấp nhận sử dụng trong máy in này.</li></ul>
Giấy láng hay có phủ	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng giấy láng hay có phủ được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng giấy láng hay có phủ được thiết kế để sử dụng trong máy in phun.</li></ul>

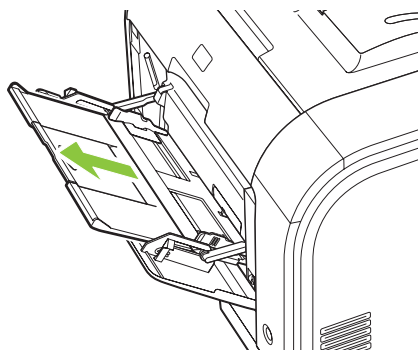
# Nạp giấy và phương tiện in

## Nạp khay 1

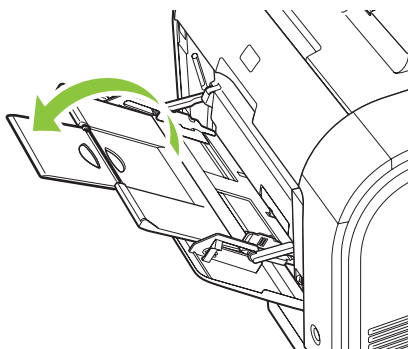
1. Mở khay 1.



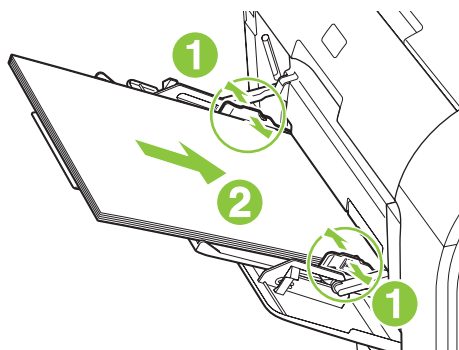
2. Nếu nạp khổ giấy dài, kéo phần nổi dài của khay ra.




3. Nếu cần, lật phần nổi dài ra.



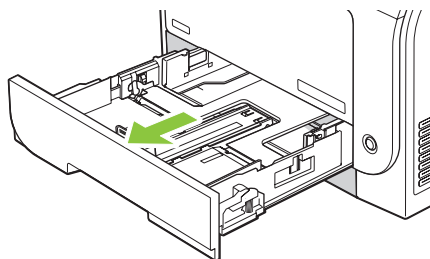
4. Mở rộng hết bộ phận dẫn hướng giấy (ghi chú 1) rồi nạp xấp giấy vào khay 1 (ghi chú 2). Điều chỉnh dẫn hướng giấy theo kích thước giấy.



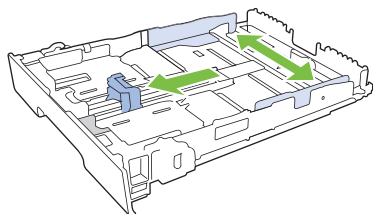
 **GHI CHÚ:** Đặt giấy vào khay 1, mặt được in ngửa lên và đầu trang hướng vào sản phẩm.

### Nạp khay 2 hay 3

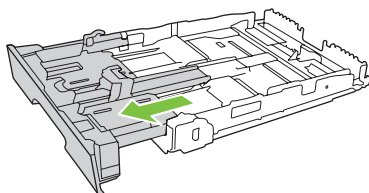
1. Kéo khay ra khỏi sản phẩm.




2. Trượt để mở rộng các thanh dẫn dọc và ngang.

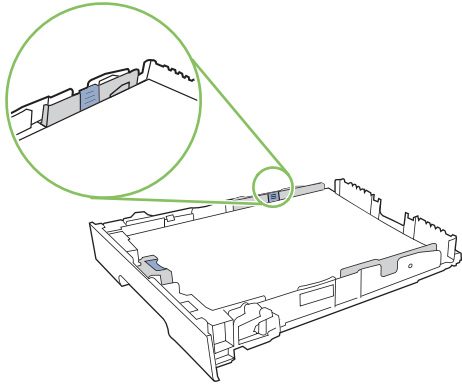


- Để nạp giấy có kích thước Pháp lý, kéo dài khay bằng cách nhấn và giữ vấu kéo dài trong khi kéo mặt trước của khay ra ngoài.

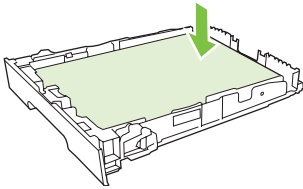


 **GHI CHÚ:** Khi nạp giấy kích thước Pháp lý, kéo dài khay ra phía trước sản phẩm khoảng 64 mm (2,5 inch).

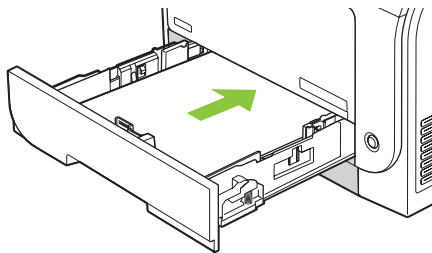
3. Cho giấy vào khay và nhớ để giấy thật phẳng ở tất cả các góc. Trượt các thanh dẫn dọc và ngang sao cho chúng sát với chông giấy.



4. Ấn xuống giấy để đảm bảo chông giấy nằm ở dưới các vấu giới hạn bên cạnh khay giấy.



5. Trượt khay vào trong sản phẩm.





---


## 7 Các tác vụ in

- Hủy công việc in
- Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows

## Hủy công việc in

Bạn có thể dừng yêu cầu in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm hoặc sử dụng chương trình phần mềm. Để có các hướng dẫn về cách dừng một yêu cầu in từ một máy tính trên mạng, xem phần Trợ giúp trực tuyến dành cho phần mềm mạng cụ thể.

---


 **GHI CHÚ:** Có thể mất vài phút để xóa việc in ẩn sau khi bạn đã hủy lệnh in.

---

### Hủy công việc in hiện thời trên bảng điều khiển sản phẩm

Bấm nút **Cancel Job (X)** (Hủy lệnh in) trên bảng điều khiển.

---

 **GHI CHÚ:** Nếu lệnh in đã được tiến hành quá lâu, có thể bạn sẽ không có tùy chọn hủy lệnh in.

---

### Hủy công việc in hiện thời từ chương trình phần mềm

Một hộp thoại có thể xuất hiện nhanh trên màn hình, cho bạn tùy chọn hủy lệnh in.

Nếu nhiều yêu cầu được gửi tới sản phẩm qua phần mềm của bạn, các yêu cầu này có thể đang chờ trong dãy lệnh in (ví dụ trong Windows Print Manager). xem trong tài liệu phần mềm để có hướng dẫn cụ thể về việc hủy một yêu cầu in từ máy tính.

Nếu một lệnh in đang xếp hàng trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong bộ in nền (Windows 2000, XP, hoặc Vista), hãy xóa lệnh in tại đó.

Đối với Windows 2000, Windows XP, hoặc Windows Vista, nhấp **Start** (Bắt đầu) và sau đó nhấp **Printers and Faxes** (Máy in và Fax) hoặc nhấp **Start** (Bắt đầu), **Control Panel** (Bảng Điều khiển) và sau đó nhấp **Printers and Faxes** (Máy in và Fax) Nhấp đúp vào biểu tượng máy in để mở bộ in nền. Chọn lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó bấm **Cancel** (Hủy) hoặc **Delete** (Xóa) trong menu **Document** (Tài liệu). Nếu lệnh in chưa bị hủy, bạn cần phải tắt và khởi động lại máy tính.


# Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows

## Mở trình điều khiển máy in

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Mở trình điều khiển máy in	Trên menu <b>File</b> (Tập) trong chương trình phần mềm, bấm <b>Print</b> (In). Chọn trình điều khiển, sau đó bấm <b>Properties</b> (Đặc tính) hoặc <b>Preferences</b> (Sở thích).
Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ẩn	Bấm biểu tượng ? nằm ở góc trên bên phải của trình điều khiển máy in, sau đó bấm vào bất kỳ mục nào trong trình điều khiển máy in. Một thông báo dạng bật lên (pop-up) sẽ xuất hiện, cho biết thông tin về mục đó. Nếu không, bấm <b>Help</b> (Trợ giúp) để mở phần Trợ giúp trực tuyến.

## Sử dụng các lối tắt in

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Printing Shortcuts** (Lối tắt In).

 **GHI CHÚ:** Trong các trình điều khiển máy in HP thế hệ trước, tính năng này được gọi là **Quick Sets** (Thiết lập Nhanh).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Sử dụng lối tắt in	Chọn một trong các lối tắt, sau đó bấm <b>OK</b> để in nhiệm vụ với các thông số đã được xác định trước.
Tạo lối tắt in tùy chỉnh	a) Chọn một lối tắt in hiện có để làm cơ sở. b) Chọn các tùy chọn in cho lối tắt mới. c) Bấm <b>Save As</b> (Lưu Như), gõ tên cho lối tắt, sau đó bấm <b>OK</b> .

## Đặt các tùy chọn chất lượng và giấy in

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn kích thước giấy	Chọn một kích thước từ danh sách <b>Paper size</b> (Kích thước giấy) thả xuống.
Chọn kích thước giấy tùy chỉnh	a) Bấm <b>Custom</b> (Tùy chỉnh). Hộp thoại <b>Custom Paper Size</b> (Kích thước Giấy Tùy chỉnh) sẽ xuất hiện. b) Gõ tên cho kích thước tùy chỉnh, xác định các chiều và bấm <b>OK</b> .
Chọn nguồn giấy	Chọn một khay từ danh sách <b>Paper source</b> (Nguồn giấy) thả xuống.
Chọn loại giấy	Chọn một loại từ danh sách <b>Paper type</b> (Loại giấy) thả xuống.
In trang bìa trên giấy khác nhau	a) Trong khu vực <b>Special pages</b> (Các trang đặc biệt), bấm <b>Covers</b> (Trang bìa) hoặc <b>Print pages on different paper</b> (In các trang trên giấy khác nhau), sau đó bấm <b>Settings</b> (Cài đặt).
In trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác nhau	b) Chọn tùy chọn để in trang bìa trước để trắng hoặc in sẵn,

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
	trang bìa sau hoặc cả hai. Hoặc, chọn tùy chọn để in trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác nhau. c) Chọn các tùy chọn từ các danh sách <b>Paper source</b> (Nguồn giấy) và <b>Paper type</b> (Loại giấy) thả xuống, sau đó bấm <b>Add</b> (Thêm). d) Bấm <b>OK</b> .

## Đặt các hiệu ứng cho tài liệu

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Effects** (Hiệu ứng).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Co giãn trang cho vừa kích thước giấy được chọn	Bấm <b>Print document on</b> (In tài liệu trên), sau đó chọn kích thước từ danh sách thả xuống.
Co giãn trang theo tỷ lệ phần trăm của kích thước thực	Bấm <b>% of actual size</b> (% của kích thước thực), sau đó gõ tỷ lệ phần trăm hoặc điều chỉnh thanh trượt.
In hình mờ	a) Chọn hình mờ từ danh sách <b>Watermarks</b> (Hình mờ) thả xuống. b) Để in hình mờ chỉ trên trang đầu tiên, bấm <b>First page only</b> (Chỉ trang đầu tiên). Nếu không, hình mờ sẽ được in trên mỗi trang.
Thêm hoặc chỉnh sửa hình mờ	a) Trong khu vực <b>Watermarks</b> (Hình mờ), bấm <b>Edit</b> (Sửa). Hộp thoại <b>Watermark Details</b> (Chi tiết Hình mờ) sẽ mở ra. b) Xác định các thông số cho hình mờ, sau đó bấm <b>OK</b> .

**GHI CHÚ:** Để sử dụng tính năng này, trình điều khiển máy in phải được lưu trên máy tính của bạn.

## Đặt các tùy chọn hoàn thành tài liệu

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Finishing** (Hoàn thành).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
In trên cả hai mặt (In hai mặt)	Bấm <b>Print On Both Sides</b> (In trên Cả Hai mặt). Nếu bạn đóng tài liệu dọc theo gờ trên, bấm <b>Flip pages up</b> (Lật trang lên).
In sách nhỏ	a) Bấm <b>Print on both sides</b> (In trên cả hai mặt). b) Trong danh sách <b>Booklet layout</b> (Bố cục sách nhỏ) thả xuống, bấm <b>Left binding</b> (Đóng trái) hoặc <b>Right binding</b> (Đóng phải). Tùy chọn <b>Pages per sheet</b> (Trang trên một tờ) sẽ tự động chuyển sang <b>2 pages per sheet</b> (2 trang trên một tờ).
In nhiều trang một tờ	a) Chọn số lượng trang trên một tờ từ danh sách <b>Pages per sheet</b> (Trang trên một tờ) thả xuống. b) Chọn đúng tùy chọn cho <b>Print page borders</b> (In đường viền trang), <b>Page order</b> (Thứ tự trang) và <b>Orientation</b> (Định hướng).
Chọn hướng của trang	a) Trong khu vực <b>Orientation</b> (Định hướng), bấm <b>Portrait</b> (Dọc) hoặc <b>Landscape</b> (Ngang). b) Để in hình ảnh trang theo chiều lật ngược từ trên xuống, bấm <b>Rotate by 180 degrees</b> (Xoay 180 độ).

## Xem thông tin hỗ trợ và thông tin về tình trạng sản phẩm

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Services** (Dịch vụ).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Xem thông tin hỗ trợ dành cho sản phẩm và đặt mua các nguồn cung cấp trực tuyến	Trong danh sách <b>Internet Services</b> (Dịch vụ Internet) thả xuống, chọn một tùy chọn hỗ trợ và bấm <b>Go!</b> (Bắt đầu!)
Kiểm tra tình trạng của sản phẩm, bao gồm mức độ các nguồn cung cấp	Bấm biểu tượng <b>Device and Supplies Status</b> (Tình trạng Thiết bị và Nguồn Cung cấp). Trang <b>Device Status</b> (Tình trạng Thiết bị) của máy chủ Web nhúng HP sẽ mở ra.

## Đặt các tùy chọn in nâng cao

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Advanced** (Nâng cao).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn các tùy chọn in nâng cao	Trong bất kỳ mục nào, bấm một cài đặt hiện tại để kích hoạt danh sách thả xuống. Bạn có thể thay đổi thông số cài đặt từ danh sách này.
Thay đổi số lượng bản sao chép được in ra  <b>GHI CHÚ:</b> Nếu phần mềm bạn đang sử dụng không hỗ trợ tính năng in các bản sao với một số lượng cụ thể, bạn có thể thay đổi số lượng các bản sao trong trình điều khiển.  Khi bạn thay đổi thông số cài đặt này, sẽ tác động đến số lượng các bản sao chép của tất cả các nhiệm vụ in. Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ in, hãy khôi phục lại thông số cài đặt này về giá trị gốc.	Mở mục <b>Paper/Output</b> (Giấy/Giấy ra) và nhập số lượng bản sao cần in. Nếu bạn chọn nhiều hơn 1 bản sao, bạn có thể chọn tùy chọn đối chiếu các trang.
In chữ màu thành đen trắng chứ không phải là đen xám	a) Mở mục <b>Document Options</b> (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục <b>Printer Features</b> (Tính năng Máy in). b) Trong danh sách <b>Print All Text as Black</b> (In Tất cả Chữ thành Đen trắng) thả xuống, chọn <b>Enabled</b> (Bật).
Nạp giấy in sẵn đầu đề hoặc giấy in sẵn theo cùng một cách giống như nhiệm vụ in bình thường, bất kể in trên một mặt hay hai mặt giấy	a) Mở mục <b>Document Options</b> (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục <b>Printer Features</b> (Tính năng Máy in). b) Trong danh sách <b>Alternative Letterhead Mode</b> (Chế độ In sẵn Đầu đề Khác) thả xuống, chọn <b>On</b> (Bật). c) Nạp giấy in vào sản phẩm theo cùng một cách giống như cách bạn nạp giấy vào khi in trên cả hai mặt.
Thay đổi thứ tự các trang sẽ được in	a) Mở mục <b>Document Options</b> (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục <b>Layout Options</b> (Tùy chọn Bố cục). b) Trong danh sách <b>Page Order</b> (Thứ tự Trang) thả xuống, chọn <b>Front to Back</b> (Trước đến Sau) để in các trang theo thứ tự giống như khi trong tài liệu, hoặc chọn <b>Back to Front</b> (Sau đến Trước) để in các trang theo thứ tự ngược lại.



---

## 8 Màu sắc cho Windows


- [Quản lý màu](#)
- [Khớp màu](#)
- [Các cài đặt sử dụng màu](#)

# Quản lý màu

Quản lý màu bằng cách thay đổi cài đặt trên tab Màu trong trình điều khiển máy in.

## Tự động

Việc cài đặt tùy chọn mang sang chế độ **Tự động** thường cho chất lượng in tốt nhất đối với tài liệu màu. Tùy chọn điều chỉnh màu **Tự động** sẽ tối ưu hoá việc xử lý màu xám trung tính, bán sắc, và nâng cao cạnh cho từng yếu tố trong một tài liệu. Để biết thêm thông tin, xem Trợ giúp trực tuyến về trình điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** **Tự động** là cài đặt mặc định và được đề nghị cho việc in tất cả tài liệu màu.

## In ở Sắc Độ Xám

Chọn tùy chọn **Print in Grayscale** (In ở Sắc độ xám) từ trình điều khiển máy in để in tài liệu màu ở dạng đen trắng. Tùy chọn này hữu ích khi in tài liệu màu sẽ được photocopy hoặc fax.

Khi chọn **In ở Sắc độ xám**, máy in sẽ sử dụng chế độ đen trắng, giảm việc sử dụng các hộp mực màu.

## Điều chỉnh màu thủ công

Sử dụng tùy chọn điều chỉnh màu **Manual** (Thủ công) để điều chỉnh xử lý màu xám trung tính, bán sắc và nâng cao cạnh cho văn bản, đồ họa và ảnh. Để truy cập vào tùy chọn màu thủ công, từ tab **Color** (Màu), chọn **Manual** (Thủ công) và sau đó chọn **Settings** (Cài đặt).

## Tùy chọn màu thủ công

Sử dụng các tùy chọn màu thủ công để điều chỉnh các tùy chọn **Neutral Grays** (Độ Xám Trung tính), **Halftone** (Bán sắc) và **Edge Control** (Kiểm soát Cạnh) cho văn bản, hình đồ họa và hình chụp.

**Bảng 8-1** Tùy chọn màu thủ công

Mô tả cài đặt	Đặt tùy chọn
<b>Bán sắc</b>  Tùy chọn <b>Halftone</b> (Bán sắc) tác động đến độ phân giải và độ sắc nét của màu được in ra .	<ul style="list-style-type: none"><li>Tùy chọn <b>Smooth</b> (Nhấn) tạo ra hiệu quả tốt hơn cho những vùng lớn, màu liền khối và nâng cao ảnh bằng cách làm nhẵn các phần tô dốc màu. Chọn tùy chọn này khi vùng tô đều và nhấn là ưu tiên số một.</li><li>Tùy chọn <b>Detail</b> (Chi tiết) hữu ích cho văn bản và đồ họa yêu cầu độ sắc nét rõ ràng giữa các dòng hoặc những hình có một mẫu hình hoặc nhiều chi tiết. Chọn tùy chọn này khi các cạnh sắc và chi tiết là ưu tiên cao nhất.</li></ul>



## Bảng 8-1 Tùy chọn màu thủ công (còn tiếp)

Mô tả cài đặt	Đặt tùy chọn
<p><b>Độ Xám Trung Tính</b></p> <p>Cài đặt <b>Neutral Grays</b> (Độ Xám Trung tính) xác định phương pháp để tạo màu xám được sử dụng trong văn bản, hình đồ họa và hình chụp.</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ có <b>Màu đen</b> tạo màu trung tính (xám và đen) bằng cách chỉ sử dụng mực đen. Điều này bảo đảm các màu trung tính không cần bố trí màu. Cài đặt này tốt nhất cho các tài liệu và hình chụp độ xám.</li><li>Tùy chọn <b>4-Color</b> (4 Màu) tạo ra các màu trung tính (xám và đen) bằng cách kết hợp bốn màu của bột mực. Phương pháp này tạo ra các phần tô dốc và chuyển tiếp màu mịn hơn so với các màu khác, và nó tạo ra màu đen đậm nhất.</li></ul>
<p><b>Kiểm Soát Cạnh</b></p> <p>Cài đặt <b>Edge Control</b> (Kiểm soát Cạnh) xác định cách render các cạnh. Kiểm soát cạnh có hai thành phần: bẫy và bán sắc thích ứng. Bán sắc thích ứng tăng độ sắc của cạnh. Bẫy giảm hiệu ứng của sự đăng ký sai mặt phẳng màu bằng cách chồng một chút lên các cạnh của các đối tượng gần kề.</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>Cài đặt <b>Maximum</b> (Tối đa) là cài đặt bẫy mạnh nhất. Bán sắc thích ứng bật.</li><li><b>Normal</b> (Thường) sẽ cài đặt bẫy ở mức trung bình. Bán sắc thích ứng bật.</li><li><b>Light</b> (Đèn) sẽ cài đặt bẫy ở mức độ tối thiểu. Bán sắc thích ứng bật.</li><li><b>Off</b> (Tắt) sẽ tắt cả bẫy và bán sắc thích ứng.</li></ul>

## Chủ đề màu

Sử dụng chủ đề màu để điều chỉnh các tùy chọn **RGB Color** (Màu RGB) cho trang hiện tại.

Mô tả cài đặt	Tùy chọn cài đặt
<p><b>Màu RGB</b></p>	<ul style="list-style-type: none"><li><b>Default (sRGB)</b> ((sRGB) Mặc định) chỉ thị cho sản phẩm dịch màu RGB ra sRGB. Chuẩn sRGB là chuẩn được chấp nhận của Microsoft và the World Wide Web Consortium (<a href="http://www.w3.org">http://www.w3.org</a>).</li><li>Tùy chọn <b>Vivid</b> (Sắc sỡ) chỉ thị cho sản phẩm tăng độ đậm màu trong các tông trung. Những đối tượng ít màu được render nhiều màu hơn. Bạn nên sử dụng cài đặt này để in đồ họa sử dụng trong văn phòng.</li><li>Tùy chọn <b>Photo</b> (Ảnh) dịch màu RGB như được in dưới dạng ảnh chụp sử dụng mini-lab kỹ thuật số. Tùy chọn này render màu sâu hơn, đậm hơn so với chế độ (sRGB) Mặc định. Sử dụng cài đặt này để in ảnh.</li><li>Tùy chọn <b>Photo (AdobeRGB 1998)</b> (Ảnh (AdobeRGB 1998)) dành cho ảnh kỹ thuật số sử dụng khoảng màu AdobeRGB thay vì sRGB. Khi in từ một chương trình phần mềm chuyên nghiệp sử dụng AdobeRGB, việc quan trọng là bạn phải tắt quản lý màu trong chương trình phần mềm này và để sản phẩm quản lý khoảng màu.</li><li>Tùy chọn <b>None</b> (Không) đặt máy in in dữ liệu RGB ở chế độ thiết bị thô. Để render ảnh chụp một cách chính xác khi tùy chọn này được chọn, bạn phải quản lý màu trong chương trình đang làm việc hoặc trong hệ điều hành.</li></ul>

## Khớp màu

Đối với hầu hết người dùng, phương pháp tốt nhất cho việc kết hợp màu là in các màu sRGB.

Quá trình khớp màu in từ máy in với màn hình máy tính là một quá trình phức tạp, vì máy in và màn hình máy tính sử dụng các phương tiện tạo màu khác nhau. Màn hình *hiển thị* màu bằng cách sử dụng các pixel sáng, các pixel này sử dụng quá trình màu RGB (đỏ, xanh lá cây, xanh da trời), trong khi đó máy in *in* màu bằng cách sử dụng quá trình CMYK (xanh lá mạ, đỏ tươi, vàng, và đen).

Một vài yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng khớp màu được in với màu trên màn hình:

- Phương tiện in
- Các thành phần tạo màu của máy in (ví dụ mực hoặc bột mực)
- Quá trình in (ví dụ inkjet, báo chí, hoặc công nghệ laser)
- Ánh sáng trên đầu
- Sự khác biệt trong cảm nhận màu của mỗi cá nhân
- Chương trình phần mềm
- Trình điều khiển máy in
- Hệ điều hành của máy tính
- Màn hình
- Video card và trình điều khiển
- Môi trường sử dụng (ví dụ độ ẩm)

Hãy lưu ý tới các yếu tố này khi màu trên màn hình không hoàn toàn khớp với màu in ra.

## Kết hợp màu bằng cách sử dụng bảng màu Microsoft Office Basic Colors

Bạn có thể sử dụng HP ToolboxFX để in bảng màu của Microsoft Office Basic Colors. Sử dụng bảng màu này để chọn màu bạn muốn sử dụng trong các tài liệu được in. Nó hiển thị màu thực sẽ in ra khi bạn chọn các màu cơ bản này trong một chương trình của Microsoft Office.

1. Trong HP ToolboxFX, chọn thư mục **Help** (Trợ giúp).
2. Trong phần **Công cụ In Màu**, chọn **In Màu Căn bản**.
3. Điều chỉnh màu trong tài liệu của bạn để thích hợp với việc chọn màu trên bảng màu đã in.

## Kết hợp các màu bằng cách sử dụng công cụ HP Basic Color Match

Công cụ HP Basic Color Match cho phép bạn điều chỉnh điểm màu ở sản phẩm được in. Ví dụ, bạn có thể kết hợp màu của biểu tượng công ty bạn trên sản phẩm được in. Bạn có thể lưu và sử dụng các bảng màu mới cho các tài liệu đặc biệt hay tất cả tài liệu được in, hay bạn có thể tạo nhiều bảng màu để có thể chọn sau này.

Công cụ phần mềm này hiện có cho tất cả người dùng sản phẩm này. Trước khi có thể sử dụng công cụ, bạn phải tải nó về từ trang Web HP ToolboxFX hay CD phần mềm đi kèm với sản phẩm của bạn.

Sử dụng quy trình sau để tải về công cụ HP Basic Color Match qua CD phần mềm.

1. Đưa CD vào ổ đĩa CD-ROM. CD sẽ tự động chạy.
2. Chọn **Cài đặt thêm phần mềm**.
3. Chọn **HP Basic Color Match**. Công cụ sẽ tự tải về và tự cài đặt. Một biểu tượng trên desktop cũng sẽ được tạo.

Sử dụng quy trình sau để tải về công cụ HP Basic Color Match qua HP ToolboxFX.

1. Mở HP ToolboxFX.
2. Chọn thư mục **Trợ giúp**.
3. Trong phần **Color Printing Tools**, chọn **Basic Color Match**. Công cụ sẽ tự tải về và tự cài đặt. Một biểu tượng trên desktop cũng sẽ được tạo.

Sau khi công cụ HP Basic Color Match đã được tải về và cài đặt, bạn có thể chạy nó từ biểu tượng trên desktop hay từ HP ToolboxFX (bấm vào thư mục **Trợ giúp**, rồi đến **Color Printing Tools**, rồi đến **Basic Color Match**). Công cụ sẽ đưa bạn đến phần chọn màu. Tất cả kết hợp màu được chọn sẽ được lưu làm một bảng màu và có thể truy cập chúng trong tương lai.

## Kết hợp màu bằng cách sử dụng View Custom Colors

Bạn có thể sử dụng HP ToolboxFX để in một bảng màu tùy chỉnh. Trong phần **Toolbox Color Printing Tools**, bấm vào **View Custom Colors**. Tab đến trang màu bạn muốn và in trang hiện thời. Trong tài liệu của bạn, gõ các giá trị đỏ, xanh lá mạ, và xanh dương trong trình đơn màu tùy chỉnh của phần mềm để thay đổi chúng cho phù hợp với màu trên bảng màu.

## Các cài đặt sử dụng màu

Sản phẩm cung cấp các tính năng màu tự động để tạo các kết quả màu hoàn hảo. Các bảng màu được thiết kế và kiểm tra cẩn thận cung cấp sự thể hiện màu mịn, chính xác cho tất cả màu có thể in.

Sản phẩm cũng cung cấp các công cụ tinh xảo cho những chuyên gia có kinh nghiệm.

### Mực HP ColorSphere

HP thiết kế hệ thống in (máy in, hộp mực, mực, và giấy) để cùng hoạt động để tối ưu hoá chất lượng in, độ tin cậy của sản phẩm, và năng suất của người dùng. Các hộp mực in nguyên thủy của HP chứa mực HP ColorSphere để kết hợp đặc biệt với máy in để sản sinh thật nhiều màu rực rỡ. Điều này giúp bạn tạo các tài liệu trông thật chuyên nghiệp chứa văn bản và đồ hoạ rõ ràng, sắc nét và các bức ảnh in thật sống động.

Mực HP ColorSphere cho chất lượng và cường độ in đồng nhất mà bạn có thể tin cậy trên nhiều loại giấy khác nhau. Có nghĩa là bạn có thể in các tài liệu giúp bạn tạo được ấn tượng đúng. Hơn nữa, các loại giấy đặc biệt hàng ngày và chất lượng chuyên nghiệp của HP (bao gồm rất nhiều loại phương tiện và trọng lượng của HP) được thiết kế theo công việc của bạn.

### HP ImageREt 3600

ImageREt 3600 cung cấp chất lượng in màu laser với 3600 điểm trên mỗi inch (dpi) qua quy trình đa cấp. Quy trình này kiểm soát màu chính xác bằng cách kết hợp đến bốn màu trong một điểm và bằng cách thay đổi lượng mực trên một vùng đã định. ImageREt 3600 đã được cải thiện cho sản phẩm này. Việc cải thiện cung cấp các kỹ thuật này, kiểm soát nhiều hơn việc sắp xếp điểm, và kiểm soát chính xác hơn chất lượng mực trong một điểm. Các kỹ thuật mới này, cùng với quy trình in đa cấp của HP, dẫn đến một máy in 600 x 600 dpi cung cấp chất lượng laser màu 3600 dpi với hàng triệu màu mịn.

### Chọn phương tiện

Để có chất lượng hình ảnh và màu tốt nhất, chọn loại phương tiện thích hợp từ trình đơn phần mềm máy in hay từ trình điều khiển máy in.


### Color options

Các tùy chọn màu tự động cung cấp bản in màu tối ưu. Các tùy chọn này sử dụng việc gắn thẻ vật thể, cung cấp các cài đặt bán sắc và màu tối ưu cho các vật thể khác nhau (văn bản, đồ hoạ, hình ảnh) trên một trang. Trình điều khiển máy in xác định vật thể nào xuất hiện trên trang và sử dụng cài đặt bán sắc và màu để cung cấp chất lượng in tốt nhất cho từng vật thể.

Trong môi trường Windows, các tùy chọn màu **Tự động** và **Thủ công** nằm trên tab **Màu** trong trình điều khiển máy in.

### Standard red-green-blue (sRGB)

Standard red-green-blue (sRGB) là chuẩn màu trên toàn thế giới mà HP và Microsoft đã phát triển thành ngôn ngữ màu phổ biến cho màn hình, các thiết bị dữ liệu vào (máy quét và máy ảnh kỹ thuật số), và thiết bị dữ liệu ra (máy in và máy vẽ). Nó là không gian màu mặc định được sử dụng cho sản phẩm HP, hệ điều hành Microsoft, World Wide Web, và hầu hết phần mềm văn phòng. Chuẩn sRGB tương trưng cho màn hình Windows điển hình và là chuẩn hội tụ cho tivi độ nét cao.

 **GHI CHÚ:** Các yếu tố như loại màn hình bạn sử dụng và ánh sáng trong phòng có thể ảnh hưởng đến sự thể hiện màu trên màn hình của bạn. Để biết thêm thông tin, xem [Khớp màu thuộc trang 64](#).

Các phiên bản Adobe PhotoShop mới nhất<sup>®</sup>, CorelDRAW<sup>®</sup>, Microsoft Office, và nhiều chương trình khác sử dụng sRGB để liên lạc màu. Vì nó là không gian màu mặc định trong hệ điều hành Microsoft, sRGB đã được thừa nhận rộng rãi. Khi các chương trình và thiết bị sử dụng sRGB để trao đổi thông tin màu, thì kinh nghiệm điển hình của người dùng cải thiện rất nhiều cho kết hợp màu.

Chuẩn sRGB cải thiện khả năng kết hợp màu giữa sản phẩm, màn hình máy tính, và các thiết bị dữ liệu nhập khác một cách tự động, và loại trừ nhu cầu phải trở thành một chuyên gia về màu.



---

## 9 Quản lý và bảo trì

- [Trang thông tin](#)
- [HP ToolboxFX](#)
- [Máy chủ Web được nhúng](#)
- [Quản lý nguồn cung cấp](#)
- [Thay hộp mực](#)
- [Bộ nhớ và font DIMMs](#)
- [Lau dọn sản phẩm](#)
- [Cập nhật phần sun](#)

# Trang thông tin

Sử dụng bảng điều khiển để in trang thông tin cho biết chi tiết về sản phẩm và cài đặt hiện thời của nó.

1. Bấm **OK** để mở các menu.
2. Nhấn nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chuyển sang **Báo cáo**, rồi nhấn **OK**.
3. Nhấn nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chuyển sang báo cáo, rồi nhấn **OK** để in báo cáo.
4. Bấm **X** để thoát khỏi các menu.

Các trang thông tin sau hiện có:


- Trang giới thiệu
- Cấu trúc trình đơn
- Trang cấu hình
- Trang tình trạng cung cấp
- Trang cấu hình mạng
- Báo cáo sử dụng
- Danh sách font PCL
- Danh sách font PS
- Danh sách font PCL6
- Báo cáo sử dụng màu
- Báo cáo dịch vụ
- Báo cáo triệu chứng



# HP ToolboxFX

## Mở HP ToolboxFX

Mở HP ToolboxFX theo một trong các cách sau:

- Trong khay hệ thống Windows, nhấp kép vào HP ToolboxFX biểu tượng .
- Trong menu **Start** (Bắt đầu) của Windows, nhấp vào **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP và Vista), nhấp **HP**, nhấp **HP Color LaserJet CP2020 Series**, và sau đó nhấp **HP ToolboxFX**.

HP ToolboxFX chứa các thư mục sau:

- [Tình trạng thuộc trang 72](#)
- [Cảnh báo thuộc trang 73](#)
- [Thông tin sản phẩm thuộc trang 73](#)
- [Trợ giúp thuộc trang 74](#)
- [Cài đặt Thiết bị thuộc trang 75](#)
- [Cài đặt Mạng thuộc trang 78](#)

## Tình trạng

Thư mục **Status** (Tình trạng) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device status** (Tình trạng thiết bị). Trang này cho biết các trạng thái của sản phẩm như là kẹt giấy hoặc hết giấy. Sau khi khắc phục sự cố, hãy nhấp vào **Refresh status** (Cập nhật tình trạng) để cập nhật tình trạng của sản phẩm.
- **Tình trạng cung cấp**. Xem các chi tiết như ước lượng phần trăm mực còn trong hộp mực và số trang đã in với hộp mực hiện thời. Trang này cũng có các liên kết để đặt hàng cần cung cấp và tìm thông tin tái chế sản phẩm.
- **Device configuration** (Cấu hình thiết bị). Xem mô tả chi tiết về cấu hình hiện thời của sản phẩm, bao gồm lượng bộ nhớ đã cài đặt và máy đã được lắp khay tùy chọn hay chưa.
- **Tóm tắt mạng**. Xem mô tả chi tiết cấu hình mạng hiện thời, bao gồm địa chỉ IP và tình trạng mạng.
- **Print info pages** (In các trang thông tin). In trang cấu hình và các trang thông tin khác, ví dụ như trang tình trạng Nguồn cung cấp. Xem [Trang thông tin thuộc trang 70](#).
- **Color usage job log**. Xem thông tin sử dụng màu cho các tài liệu mới in gần đây.
- **Bản ghi sự kiện**. Xem lịch sử các sự kiện sản phẩm. Sự kiện gần nhất được liệt kê trước.

## Event log (Nhật ký sự kiện)

Nhật ký sự kiện là một bảng có chứa các mã tương ứng với các thông báo lỗi đã hiển thị trên màn hình bảng điều khiển, mô tả ngắn gọn từng lỗi, và số các trang in khi xảy ra lỗi. Để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi, xem [Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng thuộc trang 97](#).

## Cảnh báo

Thư mục **Alerts** (Cảnh báo) có chứa các liên kết đến các trang chính sau:

- **Cài đặt Tình trạng Cảnh báo.** Cài đặt sản phẩm để gửi cho bạn pop-up cảnh báo cho các sự kiện nhất định, như hộp mực sắp hết.
- **Cài đặt E-mail Cảnh báo.** Cài đặt sản phẩm để gửi cho bạn e-mail cảnh báo cho các sự kiện nhất định, như hộp mực sắp hết.


## Set up Status Alerts (Cài đặt Cảnh báo Tình trạng)

Sử dụng phần này để cài đặt sản phẩm để nó gửi cảnh báo vào máy tính của bạn khi kẹt giấy, mực trong hộp mực HP sắp hết, một hộp mực không phải của HP đang được sử dụng, khay giấy nhập rỗng, và các tin báo lỗi cụ thể khác.

Chọn để nhận pop-up, biểu tượng khay hệ thống, cảnh báo trên màn hình, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của các chức năng này. Các cảnh báo pop-up và cảnh báo trên màn hình chỉ xuất hiện khi sản phẩm đang in dữ liệu từ máy tính mà bạn cài đặt cảnh báo. Các cảnh báo trên màn hình chỉ hiển thị trong giây lát và sẽ tự động biến mất.

Thay đổi cài đặt **Cartridge low threshold** (Ngưỡng hộp mực sắp hết), mức bột mực sẽ dẫn đến cảnh báo tình trạng mực sắp cạn, trên trang **System setup** (Cài đặt hệ thống).

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Cài đặt E-mail Cảnh báo

Sử dụng chức năng này để cấu hình tối đa hai địa chỉ e-mail dùng để nhận các cảnh báo khi có sự kiện nhất định xảy ra. Bạn có thể xác định các sự kiện khác nhau cho từng địa chỉ e-mail. Sử dụng thông tin cho máy chủ e-mail, nơi gửi các thông báo cảnh báo bằng e-mail dành cho sản phẩm.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn chỉ có thể cấu hình các cảnh báo e-mail sẽ được gửi từ máy chủ không yêu cầu xác nhận người dùng. Nếu máy chủ e-mail của bạn yêu cầu bạn đăng nhập tên người dùng và mật khẩu, bạn không thể bật chức năng cảnh báo e-mail.

---

**GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Thông tin sản phẩm

Thư mục **Product information** (Thông tin sản phẩm) có chứa các liên kết đến trang sau:

- **Demonstration Pages** (Các trang Giới thiệu). In các trang thể hiện tiềm năng chất lượng in màu và các đặc điểm in tổng thể của sản phẩm.


## Cài mật khẩu

Sử dụng HP ToolboxFX hay máy chủ Web được nhúng để cài mật khẩu hệ thống.

1. Trong máy chủ Web được nhúng, bấm vào tab **Cài đặt**.

Trong HP ToolboxFX, bấm vào tab **Cài đặt Thiết bị**.

---

 **GHI CHÚ:** Nếu mật khẩu đã được cài, bạn sẽ được nhắc về việc đó. Gõ mật khẩu vào, rồi bấm vào **Áp dụng**.

---

2. Bấm vào **Mật khẩu**.

3. Trong hộp **Mật khẩu**, gõ mật khẩu bạn muốn cài, rồi trong hộp **Xác nhận mật khẩu**, gõ lại cùng một mật khẩu để xác nhận lựa chọn của bạn.
4. Bấm vào **Áp dụng** để lưu mật khẩu.

## Trợ giúp

Thư mục **Help** (Trợ giúp) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Troubleshooting** (Xử lý sự cố). Xem các chủ đề trợ giúp xử lý sự cố, in các trang xử lý sự cố, lau chùi sản phẩm, và mở Microsoft Office Basic Colors. Để biết thêm thông tin về Microsoft Office Basic Colors, xem [Khớp màu thuộc trang 64](#).
- **Paper and Print Media** (Giấy và Phương tiện In). In thông tin về cách nhận các kết quả tối ưu từ sản phẩm của bạn bằng cách sử dụng nhiều loại giấy và phương tiện in khác nhau.
- **Các công cụ in màu**. Mở Microsoft Office Basic Colors hay toàn bộ bảng màu với các giá trị RGB được kết hợp. Để biết thêm thông tin về Microsoft Office Basic Colors, xem [Khớp màu thuộc trang 64](#). Sử dụng HP Basic Color Match để điều chỉnh các điểm màu cho bản in của bạn.
- **Hình ảnh động**. Xem ảnh động minh họa cách thực hiện các thao tác thông thường trên thiết bị của bạn, như cách nhận được chất lượng in tốt nhất, cách gỡ giấy kẹt, và cách thay hộp mực.
- **User Guide** (Hướng dẫn Sử dụng). Xem thông tin về việc sử dụng sản phẩm, bảo hành, thông số kỹ thuật, và hỗ trợ. Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng hiện có ở cả hai dạng HTML và PDF.

## Cài đặt Thiết bị


Thư mục **Cài đặt Thiết bị** chứa các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device Information** (Thông Tin Thiết Bị). Xem các thông tin như mô tả sản phẩm và người liên hệ.
- **Paper Handling** (Quản lý Giấy in). Cấu hình các khay hoặc thay đổi các cài đặt xử lý giấy, ví dụ như kích thước giấy mặc định và loại giấy mặc định.
- **Printing** (Đang in). Thay đổi các thông số cài đặt in mặc định của sản phẩm, như số lượng bản sao và chiều giấy in.
- **PCL5c**. Thay đổi cài đặt PCL.
- **PostScript**. Thay đổi cài đặt PS.
- **Print Quality** (Chất lượng In). Thay đổi các cài đặt chất lượng in.
- **Print Density** (Mật độ In). Thay đổi cài đặt mật độ in, chẳng hạn như độ tương phản, đánh dấu, các tông trung và bóng.
- **Paper Types** (Loại Giấy). Thay đổi cài đặt chế độ cho từng loại phương tiện, ví dụ như tiêu đề thư, đục lỗ sẵn, hoặc giấy bóng.
- **System Setup** (Cài đặt Hệ thống). Thay đổi các cài đặt hệ thống, ví dụ như khôi phục kẹt giấy và tự động tiếp tục. Thay đổi cài đặt **Cartridge low threshold** (Ngưỡng hộp mực sắp hết), mức bột mực sẽ dẫn đến cảnh báo tình trạng mực sắp cạn.
- **Save/Restore Settings** (Lưu/Khôi phục Cài đặt). Lưu lại các cài đặt hiện tại của sản phẩm vào một tập tin trên máy tính. Dùng tập tin này để nạp cùng thông số cài đặt vào sản phẩm khác hoặc khôi phục các thông số này vào sản phẩm sau này.
- **Password** (Mật khẩu). Cài mật khẩu để bảo vệ cài đặt thiết bị. Khi đã cài mật khẩu, người sử dụng sẽ được yêu cầu nhập mật khẩu trước khi được phép thay đổi các cài đặt thiết bị. Mật khẩu này tương tự với mật khẩu của máy chủ Web nhúng.

## Thông tin Thiết bị

Trang Thông tin Thiết bị chứa các dữ liệu về sản phẩm để bạn tham khảo sau này. Thông tin mà bạn nhập vào các trường trên trang này sẽ xuất hiện trên trang Cấu hình. Bạn có thể gỡ bất kỳ ký tự nào vào từng vùng này.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Quản lý Giấy


Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các cài đặt mặc định. Các tùy chọn này tương tự với các tùy chọn hiện có trên các menu trên bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Trình đơn bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

Các tùy chọn sau hiện đang có để xử lý các lệnh in khi sản phẩm hết phương tiện in:

- Chọn **Wait for paper to be loaded** (Đợi đến khi máy nạp thêm giấy).
- Chọn **Cancel** (Hủy) trong danh sách **Paper out action** (Hoạt động khi hết giấy) để hủy lệnh in.
- Chọn **Override** (In tràn) trong danh sách sổ xuống **Paper out time** (Hoạt động khi hết giấy) để gửi tác vụ in đến khay giấy khác.

Trường **Paper out time** (Thời gian chờ hết giấy) xác định khoảng thời gian sản phẩm sẽ chờ trước khi có tác động đối với lựa chọn của bạn. Bạn có thể chọn từ 0 đến 3600 giây.

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Đang in

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình cài đặt cho tất cả các chức năng in. Các tùy chọn này tương tự như các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Trình đơn bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## PCL5c

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình cài đặt khi bạn đang sử dụng tính năng in PCL cá nhân.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## PostScript

Sử dụng tùy chọn này khi bạn đang sử dụng đặc tính in ấn PostScript. Khi tùy chọn **Print PostScript error** (In Lỗi PostScript) bật, sản phẩm sẽ tự động in trang lỗi PostScript khi xảy ra lỗi PostScript.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---


## Chất lượng In

Sử dụng các tùy chọn này để cải thiện chất lượng của các lệnh in. Các tùy chọn này tương tự với các tùy chọn hiện có trên các menu bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Trình đơn bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

### Hiệu chỉnh Màu

- **Định cỡ Bật nguồn.** Xác định sản phẩm có cần định cỡ khi bạn bật máy hay không.
- **Calibration Timing** (Thời điểm Hiệu chỉnh). Xác định tần suất hiệu chỉnh sản phẩm.
- **Calibrate Now** (Hiệu chỉnh Ngay bây giờ). Cài đặt sản phẩm hiệu chỉnh ngay lập tức.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

### Mật độ In


Sử dụng các cài đặt này để điều chỉnh lượng màu cho từng màu của bột mực được sử dụng cho các tài liệu in ấn của bạn.

- **Contrasts** (Độ tương phản). Độ tương phản là khoảng khác biệt giữa màu sáng (tô sáng) và tối (bóng). Để tăng khoảng chung giữa màu sáng và tối, hãy tăng cài đặt **Contrasts** (Tương phản).
- **Highlights** (Tô sáng). Tô sáng là các màu gần màu trắng. Để làm đậm màu tô sáng, hãy tăng cài đặt **Highlights** (Tô sáng). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến tông màu trung hoặc màu của bóng.
- **Midtones** (Tông màu trung). Các tông màu trung là các màu giữa mật độ trắng và liền khối. Để làm đậm màu thuộc tông màu trung, hãy tăng cài đặt **Midtones** (Tông màu trung). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến các màu tô sáng hoặc bóng.
- **Shadows** (Bóng). Bóng là các màu gần mật độ liền khối. Để làm đậm màu bóng, tăng cài đặt **Shadows** (Bóng). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến tô sáng hoặc màu thuộc tông trung.

### Loại Giấy

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại vật liệu in khác nhau. Để cài đặt lại tất cả các chế độ trở về cài đặt mặc định gốc, chọn **Restore modes** (Khôi phục các chế độ).

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

### Cài đặt Hệ thống

Sử dụng các cài đặt hệ thống này để cấu hình các cài đặt in khác. Các cài đặt này không có trên bảng điều khiển.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

### Lưu/Phục hồi Cài đặt

Lưu cài đặt hiện thời cho sản phẩm vào một tập tin trên máy tính của bạn. Sử dụng tập tin này để tải cùng một cài đặt vào một sản phẩm khác hay để phục hồi các cài đặt này vào sản phẩm để sử dụng về sau.

## Mật khẩu

Cài mật khẩu để bảo vệ cài đặt thiết bị. Sau khi cài mật khẩu, người dùng sẽ được nhắc nhập mật khẩu trước khi có thể truy cập HP ToolboxFX các trang đọc hay ghi dữ liệu từ thiết bị. Mật khẩu này giống như mật khẩu máy chủ Web được nhúng.

## Dịch vụ

Trong quy trình in, giấy, mực, và hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, sự tích tụ này có thể ảnh hưởng đến chất lượng in như mực có đốm hay bị nhoè. HP ToolboxFX cung cấp một phương pháp dễ dàng để lau rãnh giấy.

## Cài đặt Mạng

Nhà quản trị mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát các cài đặt của sản phẩm liên quan đến mạng khi sản phẩm được kết nối với một mạng dựa trên địa chỉ IP.

## Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp)

Nút này, ở phía trên cùng của mỗi trang, liên kết đến một trang Web, nơi bạn có thể đặt hàng các nguồn cung cấp thay thế. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng tính năng này.

## Other links (Các liên kết khác)


Mục này bao gồm các liên kết sẽ kết nối bạn vào Internet. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng bất kỳ liên kết nào trong các liên kết này. Nếu bạn sử dụng kết nối dạng quay số và không kết nối khi mở HP ToolboxFX trước, bạn phải kết nối trước khi có thể truy cập vào các trang Web này. Việc kết nối có thể yêu cầu bạn đóng và mở lại HP ToolboxFX.

- **Hỗ trợ Tức thì của HP.** Kết nối với trang Web Hỗ trợ Tức thì của HP .
- **Hỗ trợ và Xử lý sự cố.** Kết nối vào trang web hỗ trợ dành cho sản phẩm, nơi bạn có thể tìm kiếm trợ giúp về một vấn đề cụ thể.
- **Product Registration** (Đăng ký Sản phẩm). Kết nối vào trang Web đăng ký sản phẩm của HP.



## Máy chủ Web được nhúng

Khi sản phẩm được nối mạng, máy chủ Web được nhúng sẽ tự động sẵn sàng. Có thể truy cập máy chủ Web được nhúng từ một trình duyệt web chuẩn

 **GHI CHÚ:** Khi sản phẩm được kết nối trực tiếp với máy tính, sử dụng HP ToolboxFX để xem tình trạng của sản phẩm.


Sử dụng máy chủ Web được nhúng để xem tình trạng sản phẩm và mạng và quản lý tính năng in từ máy tính của bạn thay vì từ bảng điều khiển sản phẩm.

- Xem thông tin về tình trạng kiểm soát sản phẩm.
- Cài đặt loại giấy sẽ được nạp vào từng khay.
- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt hàng nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi các cài đặt của sản phẩm.
- Xem và thay đổi cấu hình mạng.
- Xem nội dung hỗ trợ cụ thể về tình trạng hiện thời của sản phẩm.
- Hạn chế truy cập vào các tin nhắn in màu.

Để sử dụng máy chủ Web nhúng, bạn phải có Microsoft Internet Explorer 6 hoặc phiên bản mới hơn, Netscape Navigator 7 hoặc phiên bản mới hơn, Safari 1.2 hoặc phiên bản mới hơn, Konqueror 3.2 hoặc phiên bản mới hơn, Firefox 1.0 hoặc phiên bản mới hơn, Mozilla 1.6 hoặc phiên bản mới hơn, hoặc Opera 7 hoặc phiên bản mới hơn. Máy chủ Web nhúng sẽ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với mạng dựa trên IP. Máy chủ Web nhúng không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX hoặc AppleTalk. Bạn không cần truy cập Internet để mở và sử dụng máy chủ Web nhúng.

## Xem máy chủ Web được nhúng của HP

1. Trong một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính, hãy nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào trường địa chỉ/URL. (Để tìm địa chỉ IP, hãy in một trang cấu hình. Xem [Trang thông tin thuộc trang 70.](#))

 **GHI CHÚ:** Sau khi mở địa chỉ URL, bạn có thể đánh dấu để có thể nhanh chóng quay trở lại địa chỉ này về sau.

2. Máy chủ Web nhúng có ba tab chứa các cài đặt và thông tin về sản phẩm: tab **Status** (Tình trạng), tab **Settings** (Cài đặt) và tab **Networking** (Hoạt động mạng). Nhấp vào tab mà bạn muốn xem.

Xem mục sau để biết thêm thông tin của từng tab.

## Các mục máy chủ Web nhúng

Bảng bên dưới mô tả các màn hình cơ bản của máy chủ Web nhúng.

Tab hoặc mục	Mô tả
<b>Tab Status (Tình trạng)</b>  Cung cấp thông tin sản phẩm, thông tin tình trạng và cấu hình.	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Tính trạng Thiết bị</b> : Hiển thị tình trạng sản phẩm và lượng nguồn cung cấp HP còn lại, trong đó 0% biểu thị nguồn cung cấp đã hết.</li><li>• <b>Tính trạng Cung cấp</b> : Hiển thị ước lượng nguồn cung cấp HP còn lại, trong đó 0 phần trăm biểu thị nguồn cung cấp đã hết. Trang này cũng cung cấp số mục của nguồn cung cấp.</li><li>• <b>Device Configuration</b> (Cấu hình Thiết bị): Hiển thị Thông tin được tìm thấy trên trang Cấu hình của sản phẩm.</li><li>• <b>Network Summary</b> (Tóm tắt thông tin Mạng): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang Cấu hình Mạng của sản phẩm.</li><li>• <b>Print Info Pages</b> (In các Trang Thông tin): Cho phép bạn in các Danh sách Kiểu chữ PCL, PCL6, PS và trang tình trạng nguồn cung cấp mà sản phẩm tạo ra.</li><li>• <b>Color Usage Job Log</b> (Nhật ký Sử dụng Lệnh in Màu): Hiển thị các lệnh in màu của người sử dụng trên từng tác vụ in riêng biệt.</li><li>• <b>Event Log</b> (Nhật ký Sự kiện): Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của sản phẩm.</li><li>• <b>Nút Hỗ trợ</b>: Cung cấp một liên kết đến trang hỗ trợ sản phẩm. Nút <b>Hỗ trợ</b> có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Cài đặt mật khẩu thuộc trang 73</a></li><li>• <b>Nút mua phụ tùng</b>: Cung cấp một liên kết đến trang mà bạn có thể đặt mua phụ tùng cho sản phẩm. Nút <b>Mua Phụ tùng</b> có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Cài đặt mật khẩu thuộc trang 73</a></li></ul>
<b>Tab Settings (Cài đặt)</b>  Cung cấp khả năng cấu hình sản phẩm từ máy tính của bạn.	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Device Information</b> (Thông Tin Thiết Bị): Cho phép bạn đặt tên sản phẩm và gán một mã số tài sản cho sản phẩm này. Nhập tên cho liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về sản phẩm.</li><li>• <b>Paper Handling</b> (Quản lý Giấy in): Cho phép bạn thay đổi quản lý giấy in mặc định của sản phẩm.</li><li>• <b>Đang in</b>: Cho phép bạn thay đổi chế độ in mặc định của sản phẩm.</li><li>• <b>PCL 5c</b>: Cho phép bạn thay đổi PCL 5c PostScript mặc định của sản phẩm.</li><li>• <b>PostScript</b>: Cho phép bạn thay đổi PostScript mặc định của sản phẩm.</li><li>• <b>Print Quality</b> (Chất lượng In): Cho phép bạn thay đổi chất lượng in mặc định của sản phẩm, kể cả các cài đặt hiệu chỉnh.</li><li>• <b>Print Density</b> (Mật độ In): Cho phép bạn thay đổi các giá trị độ tương phản, tô sáng, tông màu trung, và bóng cho từng nguồn cung cấp.</li><li>• <b>Paper Types</b> (Loại Giấy): Cho phép bạn cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại phương tiện mà sản phẩm chấp nhận.</li><li>• <b>System Setup</b> (Cài đặt Hệ thống): Cho phép bạn thay đổi hệ thống mặc định của sản phẩm.</li><li>• <b>Service</b>(Dịch vụ): Cho phép bạn bắt đầu quá trình lau dọn sản phẩm.</li></ul>

Tab hoặc mục	Mô tả
	<ul style="list-style-type: none"> <li>● <b>Nút Support</b> (Hỗ trợ): Cung cấp liên kết đến trang hỗ trợ sản phẩm. Nút <b>Support</b> (Hỗ trợ) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.</li> <li>● <b>Nút Shop for Supplies</b> (Mua Nguồn Cung cấp): Cung cấp liên kết đến một trang, nơi bạn có thể đặt hàng nguồn cung cấp cho sản phẩm. Nút <b>Shop for Supplies</b> (Mua Nguồn Cung cấp) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.</li> </ul> <p><b>GHI CHÚ:</b> Tab <b>Cài đặt</b> có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Cài mật khẩu thuộc trang 73</a>. Nếu sản phẩm này có trên mạng, luôn luôn tham vấn người quản lý máy in để thay đổi cài đặt trên tab.</p>
<p><b>Tab Networking</b> (Hoạt động mạng)</p>	<p>Người quản lý mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát cài đặt mạng cho sản phẩm khi nó được kết nối với một mạng có nền IP.</p>
<p>Cung cấp khả năng để thay đổi cài đặt mạng từ máy tính của bạn.</p>	<p><b>GHI CHÚ:</b> Tab <b>Mạng</b> có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Cài mật khẩu thuộc trang 73</a>.</p>

# Quản lý nguồn cung cấp

## Tuổi thọ hàng được cung cấp

Hộp mực in sử dụng mực HP ColorSphere. Để biết thông tin về số trang mà hộp mực có thể in, xem [www.hp.com/go/pageyield](http://www.hp.com/go/pageyield). Sản lượng thật sự tùy thuộc vào sự sử dụng cụ thể.

## Lưu giữ hộp mực

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để nó tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút.

## Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP

Công ty Hewlett-Packard không thể khuyến bạn sử dụng các loại hộp mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế.

✍ **GHI CHÚ:** Mọi hư hỏng gây ra bởi hộp mực không phải của HP sẽ không được bao gồm trong bảo hành và thỏa thuận dịch vụ của HP.

Để lắp hộp mực HP mới, xem [Thay hộp mực thuộc trang 84](#). Để tái sử dụng hộp mực cũ, hãy thực hiện theo hướng dẫn đi kèm với hộp mực mới.

## Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP

Hãy gọi cho đường dây nóng về gian lận của HP (1-877-219-3183, số gọi miễn phí ở Bắc Mỹ) hoặc truy cập vào trang web [www.hp.com/go/anticounterfeit](http://www.hp.com/go/anticounterfeit) khi bạn lắp hộp mực HP và panen điều khiển hiển thị thông báo nói rằng hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem hộp mực này có phải là chính hãng không và thực hiện các bước để khắc phục vấn đề.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Bạn gặp phải nhiều vấn đề với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như chúng thường thấy (ví dụ, không có vấu kéo màu da cam, hoặc bao gói khác với bao gói của HP).

## In khi hộp mực đã hết.

Một tin nhắn **Đặt hàng Cung cấp** xuất hiện khi hộp mực sắp hết. Một thông báo **Thay các nguồn cung cấp** sẽ hiển thị khi hộp mực in đã hết. Để đảm bảo chất lượng in tối ưu, HP khuyên bạn nên thay hộp mực khi thông báo **Thay các nguồn cung cấp** hiển thị. Các vấn đề về chất lượng in có thể xuất hiện khi sử dụng hộp mực đã hết, gây ra lãng phí giấy in và lãng phí bột mực trong các hộp mực khác. Thay hộp mực khi thông báo **Thay các nguồn cung cấp** hiển thị sẽ tránh được sự lãng phí này.

Tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động) trong HP ToolboxFX cho phép sản phẩm tiếp tục in sử dụng hộp mực đã đạt tới thời điểm thay thế được đề xuất.

⚠ **CẢNH BÁO!** Việc sử dụng tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động) có thể tạo ra chất lượng in không mong muốn.

**CẢNH BÁO!** Tất cả lỗi in hay trục trặc ở chi tiết có thể xảy ra khi nguồn cung cấp HP được sử dụng ở chế độ chùng lên hộp mực hết không được xem là lỗi ở vật liệu hay sự cung cấp theo Tuyên bố Bảo đảm Hộp mực In của HP. Đối với thông tin bảo đảm, xem [Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực thuộc trang 132](#).

Bạn có thể bật hoặc tắt tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động) bất cứ lúc nào, và bạn không phải bật lại tính năng này khi lắp hộp mực mới. Khi bật tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động), sản phẩm sẽ tự động tiếp tục in khi hộp mực đạt tới mức thay thế được đề xuất. Một thông báo **Replace Supplies Override In Use** (Ghi đè Thay thế Nguồn cung cấp Đang Sử dụng) sẽ xuất hiện khi hộp mực được sử dụng ở chế độ ghi đè. Khi bạn thay hộp mực bằng một nguồn cung cấp mới, sản phẩm sẽ hủy kích hoạt chế độ ghi đè cho tới khi một hộp mực khác đạt tới mức thay thế được đề xuất.

### Bật hoặc tắt tính năng Cartridge out override (Ghi đè hết hộp mực)

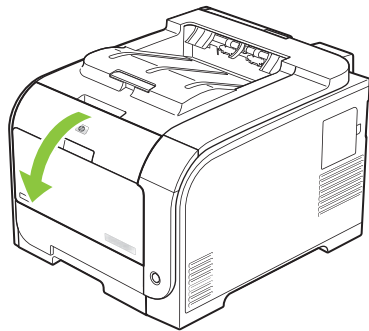
1. Mở HP ToolboxFX.
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào **System Setup** (Cài đặt Hệ thống).
3. Kế bên **Auto continue** (Tiếp tục tự động), chọn **On** (Bật) để bật tính năng này. Chọn **Off** (Tắt) để tắt tính năng này.

### Kích hoạt hay vô hiệu hoá tính năng chùng lên Hộp mực hết từ bảng điều khiển

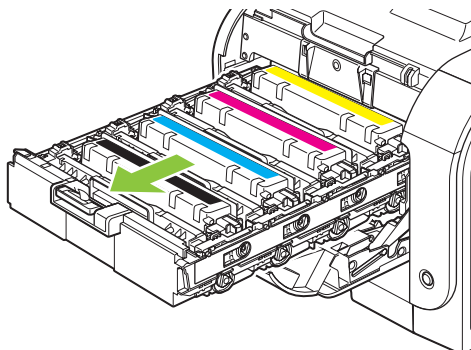
1. Trên trình đơn bảng điều khiển, nhấn **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **System setup** (Cài đặt hệ thống), rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Chất lượng in**, rồi nhấn **OK**.
4. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Thay các nguồn cung cấp**, rồi nhấn **OK**.
5. Chọn **Ghi đè hết mực** để kích hoạt tính năng. Chọn **Dừng khi hết giấy** để vô hiệu hóa nó.

## Thay hộp mực

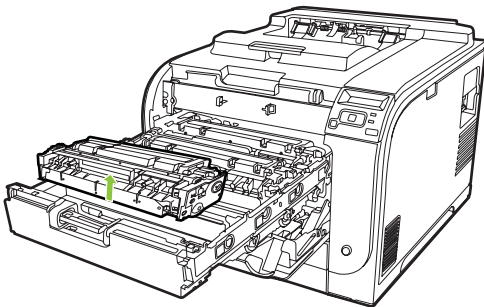
1. Mở cửa trước.



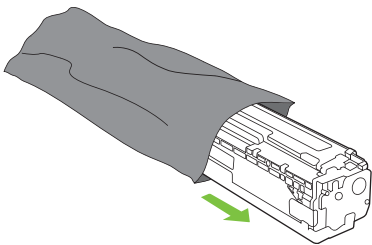
2. Kéo tay kéo hộp mực ra.



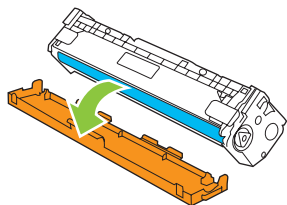
3. Nắm vào tay cầm trên hộp mực cũ sau đó kéo hộp mực thẳng lên để tháo.



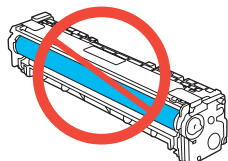
4. Tháo hộp mực mới ra khỏi bao gói sản phẩm.



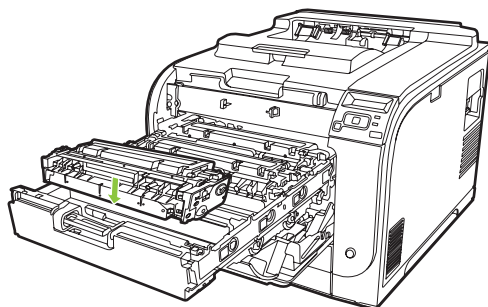
5. Tháo lớp bảo vệ bằng nhựa màu da cam ra khỏi đáy hộp mực mới.



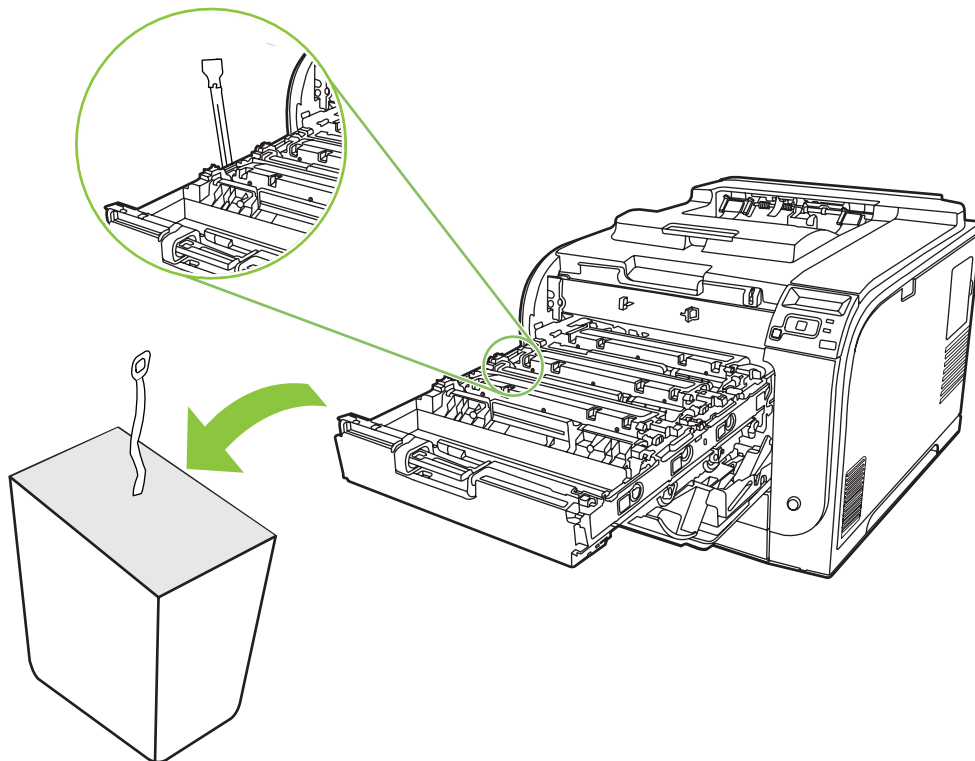
△ **THẬN TRỌNG:** Không chạm vào trống hình ở đáy hộp mực. Dấu vân tay trên trống hình có thể gây ra vấn đề về chất lượng in.



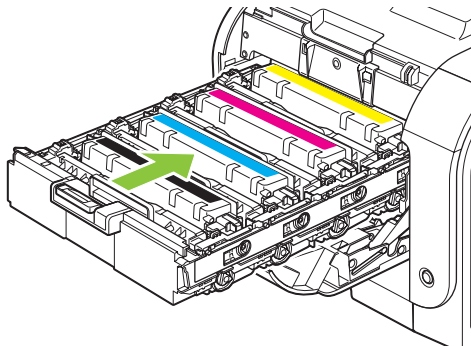
6. Lắp hộp mực mới vào máy in.



7. Kéo vấu bên trái hộp mực thẳng lên để tháo hoàn toàn băng dán. Vứt bỏ băng dán.

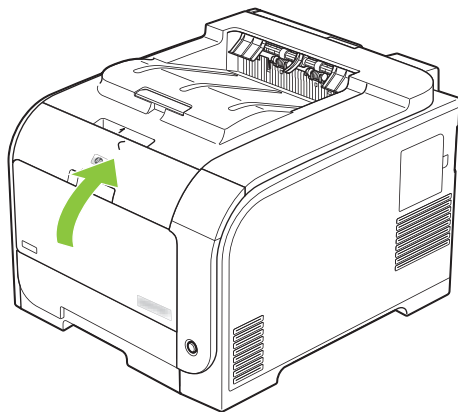


8. Đóng ngăn kéo hộp mực.





9. Đóng cửa trước.



10. Đặt hộp mực cũ vào hộp chứa dành cho hộp mực mới. Thực hiện theo hướng dẫn tái chế đi kèm theo hộp.

# Bộ nhớ và font DIMMs

## Bộ nhớ sản phẩm

Sản phẩm có một khe mô-đun bộ nhớ tuyến tính đối (DIMM). Sử dụng khe DIMM để nâng cấp sản phẩm bằng các mục sau:

- Thêm bộ nhớ sản phẩm (các DIMM hiện có ở 64, 128, và 256 MB)
- Các tùy chọn sản phẩm và ngôn ngữ máy in dựa trên DIMM
- Bộ ký tự ngôn ngữ hỗ trợ (ví dụ, ký tự Trung hoa hay ký tự chữ cái Ki-rin).

 **GHI CHÚ:** Để đặt hàng DIMM, xem [Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 127](#).

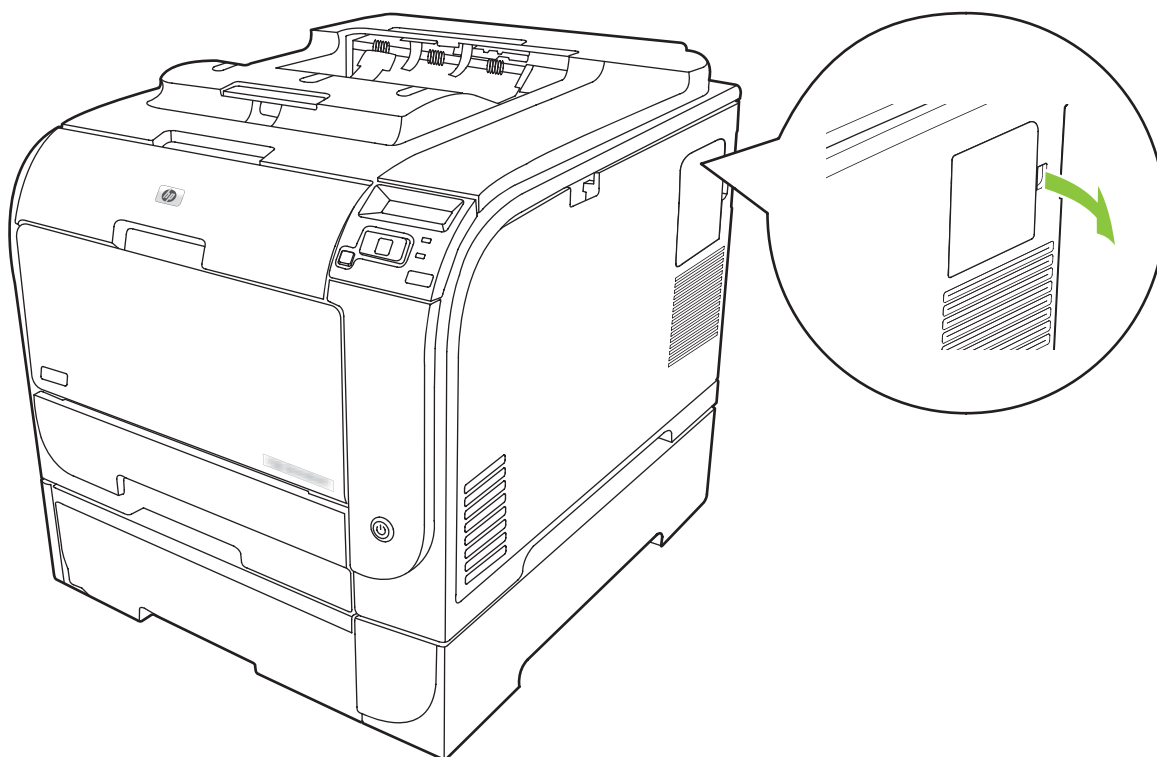
Bạn có thể tăng bộ nhớ của sản phẩm nếu bạn thường in các đồ họa phức tạp hoặc các tài liệu mô phỏng postscript cấp 3 HP, hoặc nếu bạn sử dụng nhiều kiểu chữ được tải xuống. Bộ nhớ bổ sung cũng sẽ cho phép nhiều bản sao được đối chiếu để in ở tốc độ tối đa.

Trước khi đặt hàng bộ nhớ khác, hãy kiểm tra xem có bao nhiêu bộ nhớ hiện được cài đặt bằng cách in ra trang Cấu hình. Xem [Trang thông tin thuộc trang 70](#).

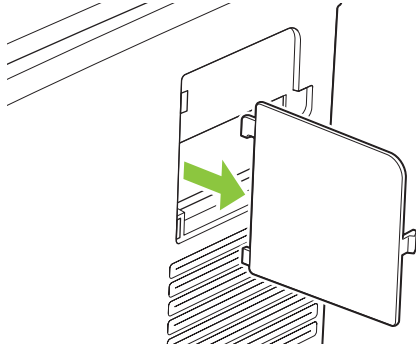
△ **THẬN TRỌNG:** Tĩnh điện có thể làm hỏng các bộ phận điện tử. Khi cài đặt DIMM, nên mang đai cổ tay chống tĩnh điện, hay thường xuyên chạm vào bề mặt gói chống tĩnh điện DIMM rồi chạm vào kim loại trần.

## Cài đặt bộ nhớ và font DIMM

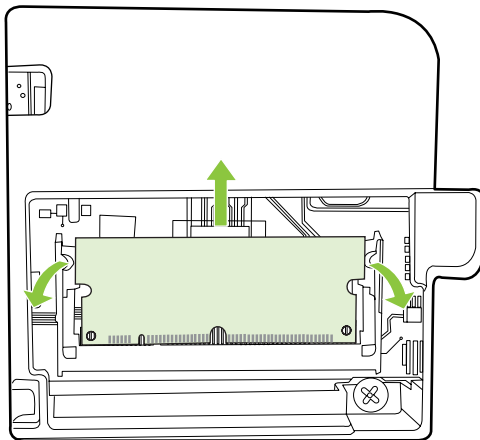
1. Tắt máy, rồi rút tất cả cáp điện và cáp giao diện.
2. Ở cạnh bên phải của sản phẩm, mở cửa tiếp cận DIMM.



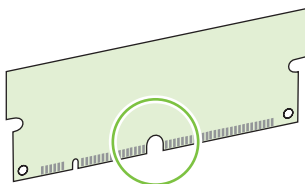
3. Gỡ cửa tiếp cận DIMM.



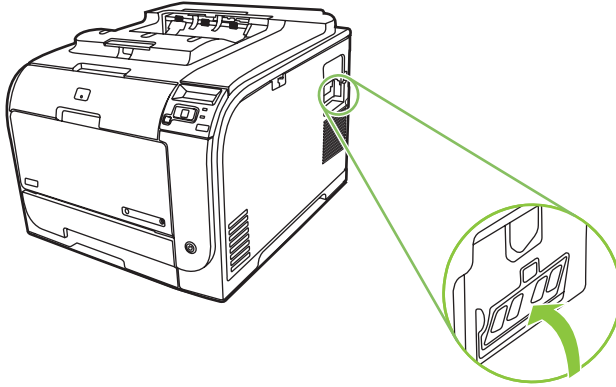
4. Để thay thế một DIMM đang được cài đặt hiện thời, bật các chốt khởi các bên của rãnh DIMM, nhấc DIMM lên ở một góc, và kéo nó ra.



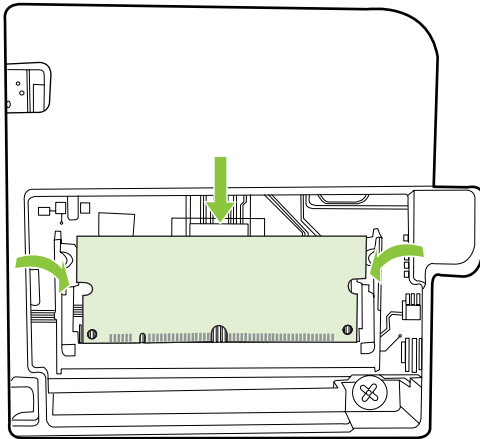
5. Tháo DIMM mới khỏi gói chống tĩnh điện, rồi đặt khóa canh thẳng hàng lên cạnh đáy của DIMM.



6. Giữ DIMM bằng các mép, canh thẳng hàng khóa DIMM với thanh trong rãnh DIMM ở một góc.

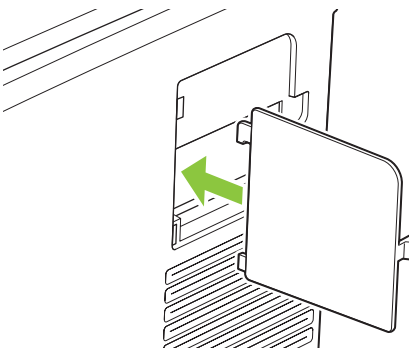


7. Nhấn DIMM xuống cho đến khi cả hai chốt ăn khớp vào DIMM. Khi việc lắp đặt đúng, ta không thể nhìn thấy các bề mặt tiếp xúc của kim loại.

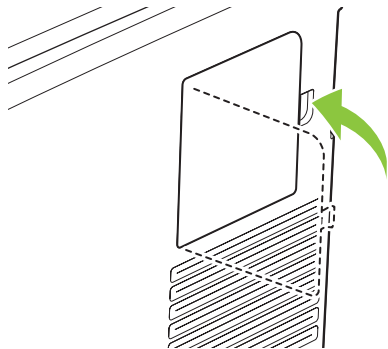


**GHI CHÚ:** Nếu bạn gặp khó khăn khi gắn DIMM vào, hãy bảo đảm rằng chốt ở dưới đáy của DIMM thẳng hàng với thanh trong rãnh. Nếu vẫn không thể gắn DIMM vào, hãy bảo đảm bạn sử dụng đúng loại DIMM.

8. Gắn lại cửa tiếp cận DIMM.



9. Đóng cửa tiếp cận DIMM.



10. Gắn lại cáp điện và cáp USB hay mạng, rồi bật máy lên.

11. Sau khi cài đặt bộ nhớ DIMM, xem [Kích hoạt bộ nhớ thuộc trang 92](#).

## Kích hoạt bộ nhớ

Nếu bạn đã cài đặt bộ nhớ DIMM, cài trình điều khiển máy in để nhận dạng bộ nhớ mới thêm vào.

### Kích hoạt bộ nhớ cho Windows

1. Trên trình đơn **Khởi động**, chỉ vào **Cài đặt**, và bấm vào **Máy in** hay **Máy in và Fax**.
2. Chọn sản phẩm này và chọn **Đặc tính**.
3. Trên tab **Cấu hình**, bấm vào **Thêm**.
4. Trong trường **Bộ nhớ tổng cộng**, gỡ hay chọn tổng cộng bộ nhớ hiện đã cài đặt.
5. Bấm vào **OK**.

### Kiểm tra cài đặt DIMM

Bật máy lên. Kiểm tra xem sản phẩm đã ở trong **Sẵn sàng** tình trạng sau khi đã trải qua quy trình khởi động chưa. Nếu có tin báo lỗi xuất hiện, làm các việc sau:

1. In trang Cấu hình. Xem [Trang thông tin thuộc trang 70](#).
2. Kiểm tra Tính chất được Cài đặt và phần Tùy chọn trên trang Cấu hình và so sánh nó với trang Cấu hình bạn đã in trước khi cài đặt DIMM.
3. Có thể DIMM không được cài đặt đúng. Lập lại quy trình cài đặt.

- hoặc -

DIMM có thể bị hư. Thử một DIMM mới.

## Lau dọn sản phẩm

Trong quá trình in, giấy in, bột mực, và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, phần tích tụ này có thể khiến chất lượng in bị ảnh hưởng chẳng hạn như bị nhòe hoặc có các lốm đốm bột mực. Sản phẩm này có một chế độ lau dọn có thể khắc phục và ngăn chặn các sự cố này.

### Lau sản phẩm bằng cách sử dụng HP ToolboxFX

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71](#).
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào trang **Service** (Dịch vụ).
3. Trong vùng dành cho **Cleaning Mode** (Chế độ Lau dọn) nhấp vào **Start** (Bắt đầu) để bắt đầu quá trình lau dọn.

Sản phẩm sẽ xử lý một trang, và sau đó trở về trạng thái **Ready** (Sẵn sàng) khi hoàn tất quá trình lau dọn.

### Lau sản phẩm bằng cách sử dụng bảng điều khiển

1. Nhấn **OK** để mở trình đơn.
2. Nhấn nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để tô sáng **Service (Dịch vụ)**.
3. Nhấn **OK**. Một dấu hoa thị (\*) xuất hiện bên cạnh phần lựa chọn đã kích hoạt.

4. Nhấn **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để tô sáng **Chế độ lau dọn** .
5. Nhấn **OK**.

### **Lau sản phẩm bằng cách sử dụng máy chủ Web được nhúng**

1. Mở máy chủ Web được nhúng.
2. Bấm vào tab **Cài đặt**.
3. Bấm vào trình đơn **Dịch vụ** .
4. Bấm vào **Khởi động** .

## **Cập nhật phần sụn**

Để nâng cấp phần sụn sản phẩm, tải về tập tin cập nhật phần sụn từ [www.hp.com/go/ljcp2020series\\_software](http://www.hp.com/go/ljcp2020series_software) và lưu tập tin vào mạng hay máy tính của bạn. Xem các ghi chú cài đặt sản phẩm để biết các hướng dẫn cách cài đặt tập tin cập nhật phần sụn vào sản phẩm.





---

# 10 Giải quyết sự cố

- [Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản](#)
- [Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng](#)
- [Gỡ giấy kẹt](#)
- [Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh](#)
- [Các vấn đề về hiệu suất](#)
- [Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm](#)
- [Giải quyết vấn đề với Macintosh](#)

## Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản

Nếu bạn gặp phải vấn đề với sản phẩm, hãy sử dụng danh sách kiểm tra sau đây để phát hiện nguyên nhân của vấn đề:

- Sản phẩm đã được nối với nguồn điện chưa?
- Sản phẩm đã được bật chưa?
- Sản phẩm có ở trạng thái **Sẵn sàng** không?
- Tất cả cáp cần thiết đã được cắm vào chưa?
- Đã lắp các nguồn cung cấp HP chính hãng chưa?
- Các hộp mực được thay thế gần đây có được lắp đúng không, và đã tháo vấu kéo trên hộp mực ra chưa?

Để biết thêm thông tin về lắp đặt và cài đặt, hãy xem hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Nếu bạn không thể tìm ra giải pháp cho vấn đề trong hướng dẫn này, hãy truy cập vào [www.hp.com/support/ljcp2020series](http://www.hp.com/support/ljcp2020series).

## Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm

Một vài yếu tố có thể tác động đến thời gian in một nhiệm vụ:

- Tốc độ tối đa của sản phẩm. được tính bằng số trang trên mỗi phút (ppm)
- Việc sử dụng giấy đặc biệt (chẳng hạn như phim trong suốt, giấy nặng, và giấy có kích thước tùy chỉnh)
- Thời gian xử lý sản phẩm và thời gian tải xuống
- Mức độ phức tạp và kích thước đồ họa
- Tốc độ của máy tính bạn sử dụng
- Kết nối USB

## Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng

Thông báo ở bảng điều khiển cho biết tình trạng hiện tại của sản phẩm hoặc các trường hợp có thể yêu cầu hoạt động.

Các tin nhắn cảnh báo tình trạng xuất hiện trên màn hình máy tính (cùng với tin nhắn bảng điều khiển) khi sản phẩm gặp sự cố. Nếu có tin nhắn cảnh báo tình trạng, một ✓ xuất hiện trong cột **Cảnh báo tình trạng** trong bảng sau.

Các thông báo ở bảng điều khiển có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu người sử dụng xác nhận bằng cách bấm **OK** để tiếp tục in hoặc bấm **X** để hủy lệnh in. Đối với một số thông báo, việc khởi động lại sản phẩm có thể khắc phục được sự cố. Nếu thông báo có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.

Đối với một số thông báo, việc khởi động lại sản phẩm có thể khắc phục được sự cố. Nếu lỗi nghiêm trọng vẫn xuất hiện, sản phẩm cần phải được sửa chữa.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
<Color> ở sai vị trí	✓	Một hộp mực được lắp vào rãnh không đúng.	Bảo đảm rằng mỗi hộp mực in ở đúng rãnh. Từ trước ra sau, các hộp mực được cài đặt theo thứ tự này: đen, xanh lá mạ, đỏ, vàng.
10.00.XX Supply error	✓	Không thể đọc bộ nhớ cung cấp cho một trong các hộp mực in hoặc bộ nhớ không có. <ul style="list-style-type: none"><li>10.0000 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu đen</li><li>10.0001 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu xanh lá mạ</li><li>10.0002 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu đỏ</li><li>10.0003 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu vàng</li></ul>	Lắp lại hộp mực in. Tắt và sau đó bật sản phẩm. Nếu vấn đề không được khắc phục, hãy thay hộp mực.
57.X Lỗi quạt Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm bị lỗi ở quạt gắn trong máy.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Bộ nhớ sắp hết Bấm [OK] Thử lại sau hay tắt & bật	✓	Bộ nhớ sản phẩm hầu như bị đầy.	Bấm <b>OK</b> để kết thúc lệnh in, hoặc bấm <b>X</b> để hủy lệnh in.  Chia tác vụ thành nhiều tác vụ nhỏ hơn có chứa ít trang hơn.  Để biết thông tin về việc tăng bộ nhớ sản phẩm, xem <a href="#">Cài đặt bộ</a>

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
			<a href="#">nhớ và font DIMM thuộc trang 88.</a>
Cửa sau Nắp đậy mở	✓	Cửa sau của sản phẩm bị mở.	Đóng cửa lại.
Cửa trước Nắp đậy mở	✓	Cửa trước của sản phẩm bị mở.	Đóng cửa lại.
Đang dùng Hộp mực <màu> đã qua sử dụng	✓	Phát hiện và chấp nhận một hộp mực đã sử dụng.	Không cần thao tác.
Đang sử dụng nguồn cung cấp đã được dùng	✓	Các hộp mực đã sử dụng đã được lắp đặt.	Không cần thao tác.
Đã cài đặt nguồn cung cấp đã được dùng	✓	Một hộp mực đã sử dụng đã được lắp đặt.	Bấm <b>OK</b> để tiếp tục.
Để chấp nhận <b>Bấm [OK]</b>			
Đã lắp đặt nguồn cung cấp không phải của HP	✓	Đã lắp đặt nguồn cung cấp không phải của HP.	Tin nhắn này là tạm thời và sẽ biến mất sau vài giây.  Nếu bạn tin rằng bạn đã mua nguồn cung cấp của HP , vào <a href="http://www.hp.com/go/anticounterfeit">www.hp.com/go/anticounterfeit</a> .  Cần dịch vụ hay sửa chữa do sử dụng nguồn không phải của HP sẽ không được tính trong phần bảo hành HP.
Đã lắp đúng nguồn cung cấp của HP		Nguồn cung cấp chính hãng HP đã được cài đặt. Thông báo này sẽ xuất hiện nhanh sau khi đã cài đặt nguồn cung cấp và sau đó được thay thế bằng thông báo Sẵn sàng.	Không cần thao tác.
Đặt hàng hộp mực <màu>	✓	Hộp mực được nhận dạng sắp hết thời gian sử dụng hữu ích của nó.	Đặt hàng hộp mực được nhận dạng. Sẽ tiếp tục in cho tới khi <b>Thay Hộp mực &lt;Color&gt;</b> hiển thị.  <a href="#">Xem Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 127</a> để biết thêm thông tin.
Đặt hàng nguồn cung cấp	✓	Nhiều mực nguồn cung cấp sắp hết.	Kiểm tra máy đo mức nguồn cung cấp trên bảng điều khiển, hoặc in ra một trang tình trạng Nguồn cung cấp để xác định xem hộp mực nào sắp cạn. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 70</a> .  Đặt hàng hộp mực được nhận dạng. Sẽ tiếp tục in cho tới khi <b>Thay Hộp mực &lt;Color&gt;</b> hiển thị.  <a href="#">Xem Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 127</a> để biết thêm thông tin.
Gỡ các chốt giữ vận chuyển ra khỏi hộp mực <màu>	✓	Chốt giữ vận chuyển hộp mực được cài đặt.	Phải chắc bạn đã gỡ các chốt giữ vận chuyển ra khỏi hộp mực.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
In hai mặt thủ công Nạp giấy khay # Bấm [OK]		Mặt đầu tiên của lệnh in hai mặt thủ công đã được in, bạn cần phải nạp trang giấy vào để tiếp tục in mặt thứ hai.	Nạp giấy vào khay được chỉ định với mặt in hướng lên trên, và đầu trên cùng hướng ra xa bạn, sau đó bấm <b>OK</b> .
In nhầm Bấm [OK]	✓	Phương tiện in đã được tạm hoãn do di chuyển qua sản phẩm.	Bấm <b>OK</b> để xóa thông báo.
Kẹt giấy tại <location>	✓	Sản phẩm phát hiện thấy giấy bị kẹt.	Xử lý giấy kẹt tại vị trí được chỉ báo. Nhiệm vụ này sẽ tiếp tục in. Nếu không, hãy thử in lại nhiệm vụ này.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Kẹt trong khay<X> Xử lý giấy kẹt và sau đó Bấm [OK]	✓	Sản phẩm phát hiện thấy giấy bị kẹt.	Xử lý kẹt giấy từ vị trí được chỉ báo, sau đó bấm <b>OK</b> .  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Kích thước giấy không mong muốn trong khay # Nạp [kích thước] Bấm [OK]	✓	Sản phẩm đã phát hiện phương tiện in trong khay không phù hợp với cấu hình của khay.	Nạp đúng loại phương tiện vào khay, hoặc cấu hình khay cho đúng với kích thước mà bạn đã nạp vào. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 52</a> .
Lắp Hộp mực <Màu>	✓	Hộp mực chưa lắp hoặc lắp không đúng vào sản phẩm.	Lắp hộp mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a> .
Lỗi 49 Tắt sau đó bật trở lại		Sản phẩm gặp phải một lỗi nội bộ.	Tắt sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Lỗi 51,XX Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Lỗi 54,XX Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải một lỗi với một trong các bộ cảm biến nội bộ. <ul style="list-style-type: none"> <li>54.15 = vàng</li> <li>54.16 = đỏ</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Mở cửa vào khay hộp mực và kéo khay hộp mực ra.</li> <li>Kiểm tra bộ phận màu trắng trên hộp mực có liên quan. Nó nằm bên hông phải của hộp mực.</li> </ol>

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
		<ul style="list-style-type: none"> <li>54.17 = xanh lá mạ</li> <li>54.18 = đen</li> </ul>	<p><b>3.</b> Nhấn bộ phận đó vào và ra một cách chậm rãi. Một lá cờ đen sẽ bật lên khi bạn nhấn nó. Nó phải di chuyển êm ái. Nếu không, tiếp tục nhấn để thử gỡ các vật cản có thể có.</p> <p><b>4.</b> Nhấn khay hộp mực vào và đóng cửa lại.</p> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>
<b>Lỗi 55,X</b> Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải một lỗi nội bộ.	<p>Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.</p> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>
<b>Lỗi 59,X</b> Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải vấn đề với một trong các động cơ.	<p>Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.</p> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>
<b>Lỗi 79</b> Tắt sau đó bật trở lại		Sản phẩm gặp lỗi chương trình cơ sở nội bộ.	<p>Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.</p> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>
<b>Lỗi cung cấp 10.10.XX</b>	✓	<ul style="list-style-type: none"> <li>10.1000 = bộ nhớ cung cấp màu đen đang bị sót</li> <li>10.1001 = bộ nhớ cung cấp màu xanh lá mạ đang bị sót</li> <li>10.1002 = bộ nhớ cung cấp màu đỏ đang bị sót</li> <li>10.1003 = bộ nhớ cung cấp màu vàng đang bị sót</li> </ul>	<p>Kiểm tra nhãn e-label. Nếu nó bị gãy hay hư, thay thế hộp mực.</p> <p>Kiểm tra xem hộp mực có được lắp đúng vị trí không.</p> <p>Tháo và gắn lại hộp mực rồi bật lại sản phẩm.</p> <p>Nếu lỗi xảy ra với một hộp mực màu, thử đổi nó bằng một hộp</p>

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
			mực màu khác trong khay. Nếu tin nhắn cũ vẫn hiện ra, thì có vấn đề với động cơ. Nếu một tin nhắn 10.10.XX khác xuất hiện, thay hộp mực.
Lỗi dịch vụ 79 Tắt sau đó bật trở lại		Cài đặt DIMM không tương thích.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tắt nguồn sản phẩm.</li> <li>2. Cài đặt một DIMM mà sản phẩm hỗ trợ. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129</a> để biết danh sách các DIMM được hỗ trợ. Xem <a href="#">Cài đặt bộ nhớ và font DIMM thuộc trang 88</a> để biết các hướng dẫn cài đặt DIMM.</li> <li>3. Bật sản phẩm.</li> </ol> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>
Lỗi in Bấm [OK] Nếu lỗi lặp lại, tắt nguồn sau đó bật lại	✓	Sản phẩm không thể xử lý trang này.	<p>Nhấn <b>OK</b> để tiếp tục công việc in, nhưng bản in có thể bị ảnh hưởng.</p> <p>Nếu lỗi vẫn xảy ra, tắt nguồn và sau đó bật lại. Thực hiện lại lệnh in.</p>
Lỗi thiết bị Bấm [OK]		Đã xảy ra lỗi nội bộ.	Bấm <b>OK</b> để tiếp tục tác vụ in.
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.x Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải lỗi với bộ nhiệt áp.	<p>Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Tắt sản phẩm, chờ ít nhất 25 phút, và sau đó bật sản phẩm.</p> <p>Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.</p> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>
Nạp giấy	✓	Tất cả các khay đang rỗng.	Nạp giấy in.
Nạp giấy khay # <LOẠI> <KÍCH THƯỚC>	✓	Khay giấy được cấu hình theo kích thước và loại phương tiện mà lệnh in yêu cầu, nhưng khay đó hiện hết giấy.	Nạp đúng phương tiện vào khay, hoặc bấm <b>OK</b> để sử dụng phương tiện trong một khay khác.
Nạp giấy khay 1 <LOẠI> <KÍCH THƯỚC>	✓	Không có khay nào được cấu hình theo kích thước và loại phương tiện mà lệnh in yêu cầu.	Nạp đúng phương tiện vào khay 1, hoặc bấm <b>OK</b> để sử dụng phương tiện trong một khay khác.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Nạp giấy khay 1 thường <KÍCH THƯỚC> Chế độ lau dọn [OK] để bắt đầu	✓	Sản phẩm đã sẵn sàng để thực hiện thao tác lau chùi.	Nạp khay 1 bằng giấy thường theo kích thước đã chỉ định, rồi nhấn <b>OK</b> .
Nguồn cung cấp sai	✓	Nhiều hộp mực được lắp vào rãnh không đúng.	Bảo đảm rằng mỗi hộp mực in ở đúng rãnh. Từ trước ra sau, các hộp mực được cài đặt theo thứ tự này: đen, xanh lá mạ, đỏ, vàng.
Tháo các chốt giữ vận chuyển ra khỏi các hộp mực	✓	Chốt giữ vận chuyển hộp mực sẽ được cài lên một hoặc nhiều hộp mực.	Phải chắc từng chốt giữ vận chuyển hộp mực đã được gỡ.
Tháo vật liệu vận chuyển khỏi cửa sau Thay nguồn cung cấp Đang sử dụng tính năng ghi đè	✓	Hai khoá vận chuyển chưa được tháo khỏi trục lăn phía sau. Mực menu <b>Chất lượng in Thay các nguồn cung cấp</b> được cài sang <b>Ghi đè hết mực</b> .	Mở cửa sau và tháo các khoá vận chuyển. Bạn có thể tiếp tục in cho đến khi bạn thông báo có sự suy giảm chất lượng in. Xem <a href="#">System setup (Cài đặt hệ thống) menu thuộc trang 11</a> .
Thay Hộp mực <Color>	✓	Hộp mực in đã sắp hết.	Thay hộp mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a> .
Tiếp giấy thủ công <LOẠI> <KÍCH THƯỚC> Bấm [OK] dành cho phương tiện hiện có	✓	Sản phẩm được đặt ở chế độ tiếp giấy thủ công.	Bấm <b>OK</b> để xóa thông báo <i>hoặc</i> nạp đúng phương tiện in vào khay 1.
Trình điều khiển không hợp lệ Bấm [OK]	✓	Bạn đang dùng trình điều khiển máy in sai.	Chọn trình điều khiển máy in thích hợp.



# Gỡ giấy kẹt

## Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp

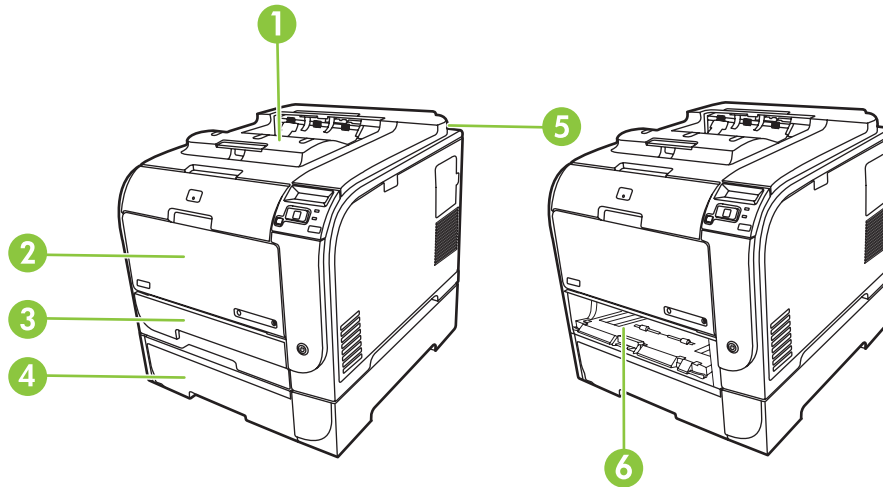
### Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp<sup>1</sup>

Nguyên nhân	Giải pháp
Các thanh dẫn giấy dọc và ngang không được điều chỉnh đúng.	Điều chỉnh các thanh dẫn sát với chõng giấy.
Phương tiện in không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật.	Chỉ sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 45</a> .
Bạn đang sử dụng phương tiện đã qua máy in hoặc máy photocopy.	Không sử dụng phương tiện đã được in hoặc photocopy trước đó.
Khay tiếp giấy được nạp không đúng.	Lấy hết phương tiện vượt quá mức giới hạn ra khỏi khay tiếp giấy. Đảm bảo chõng giấy ở dưới đầu chiều cao chõng giấy tối đa trong khay. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 52</a> .
Phương tiện bị nghiêng.	Các thanh dẫn của khay tiếp giấy không được điều chỉnh đúng. Điều chỉnh các thanh dẫn này sao cho chúng giữ chặt chõng giấy vào vị trí và giấy không bị cong.
Phương tiện dính vào nhau.	Lấy phương tiện ra, bẻ cong, xoay 180 độ, hoặc lật ngược. Nạp lại phương tiện vào khay tiếp giấy. <b>GHI CHÚ:</b> Không xòe giấy ra. Xòe giấy ra có thể tạo ra tĩnh điện làm cho giấy dính với nhau.
Phương tiện được lấy ra trước khi đi vào ngăn giấy ra.	Chờ cho tới khi trang được xếp hoàn toàn vào ngăn giấy ra trước khi lấy ra.
Phương tiện ở tình trạng không tốt.	Thay phương tiện.
Ông lăn mực bên trong khay không kéo phương tiện ra.	Lấy tờ phương tiện trên cùng ra. Nếu phương tiện nặng trên 163 g/m <sup>2</sup> , nó có thể không lấy ra được từ khay.
Phương tiện có cạnh gồ ghề hoặc lờm chờm.	Thay phương tiện.
Phương tiện bị đục răng cưa hoặc dập nổi.	Những phương tiện bị đục răng cưa hoặc dập nổi không dễ dàng tách rời. Nạp từng tờ vào.
Giấy được bảo quản sai.	Thay giấy trong các khay. Giấy cần được bảo quản trong bao gói gốc ở môi trường được kiểm soát.

<sup>1</sup> Nếu máy in tiếp tục bị kẹt giấy, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ Khách hàng hoặc nhà cung cấp dịch vụ được ủy quyền của HP.

## Vị trí giấy kẹt

Sử dụng minh họa này để tìm vị trí giấy kẹt.



1	Ngăn đựng bản in
2	Tray 1
3	Khay 2
4	Khay 3 tùy chọn
5	Cầu chì (phía sau cửa sau)
6	Vùng tiếp cận giấy kẹt ở khay 2


## Thay đổi cài đặt Phục hồi Giấy kẹt

Khi tính năng Phục hồi Giấy kẹt được bật lên, sản phẩm sẽ in lại các trang bị hư khi giấy kẹt.

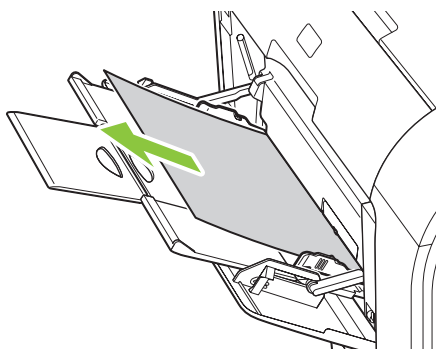
Sử dụng HP ToolboxFX để bật tính năng Jam Recovery (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy).

1. Mở HP ToolboxFX.
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào **System Setup** (Cài đặt Hệ thống).
3. Chọn **Jam Recovery** (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy), chọn **On** (Bật) từ danh sách thả xuống.

## Gỡ giấy kẹt trong khay 1

 **GHI CHÚ:** Nếu trang giấy bị xé, bảo đảm tất cả các mảnh giấy được lấy ra hết trước khi bạn tiếp tục in lại.

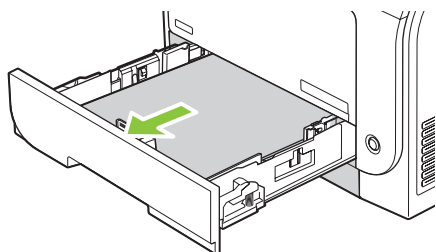
Kéo tờ giấy kẹt khỏi khay 1.



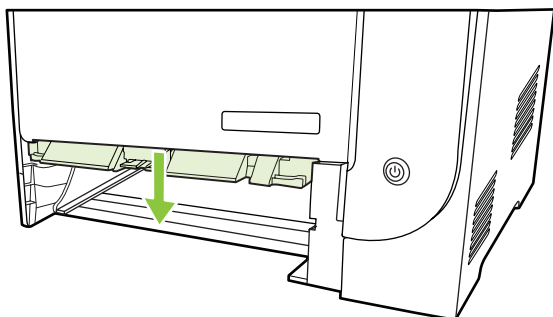
Nếu tờ giấy đã đi khá xa vào khay 1, gỡ khay 2, thả đĩa khay 1 xuống, rồi gỡ giấy khỏi phần đã mờ.

## Gỡ giấy kẹt trong khay 2

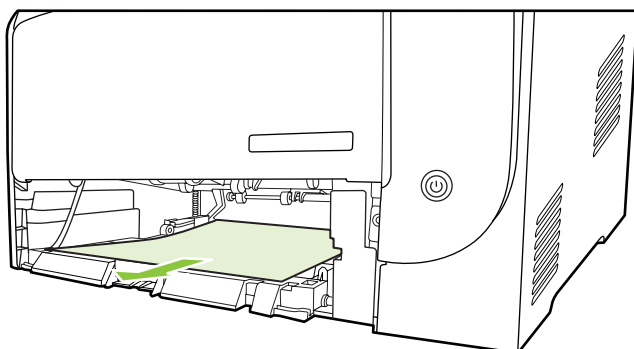
1. Kéo khay 2 ra và đặt nó lên một mặt phẳng.



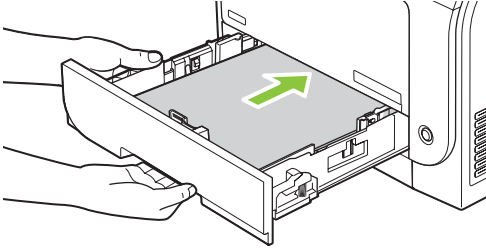
2. Hạ khay tiếp cận giấy kẹt.



3. Gỡ tờ giấy kẹt bằng cách kéo nó thẳng lên.



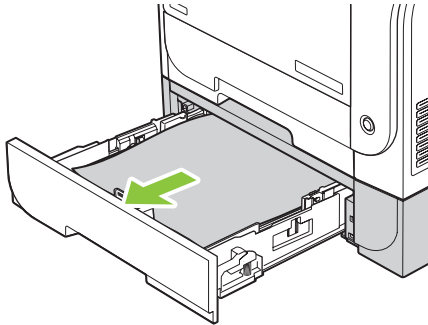
4. Thay khay 2.



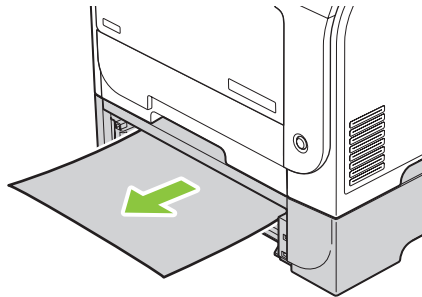
5. Nhấn **OK** để tiếp tục in.

### Gỡ giấy kẹt trong khay 3

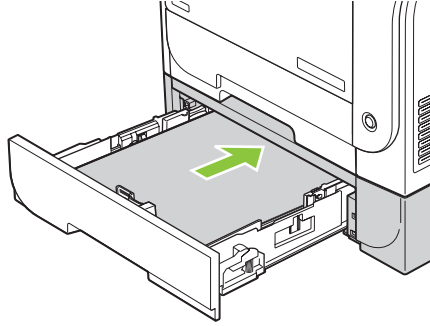
1. Kéo khay 3 ra và đặt nó lên một mặt phẳng.



2. Gỡ trang giấy kẹt bằng cách kéo thẳng nó ra.



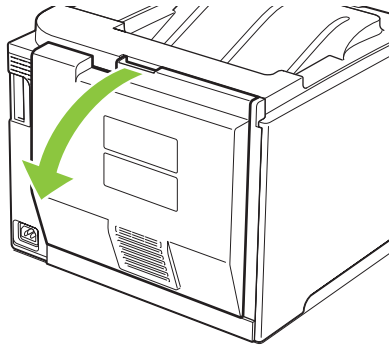
3. Thay khay 3.



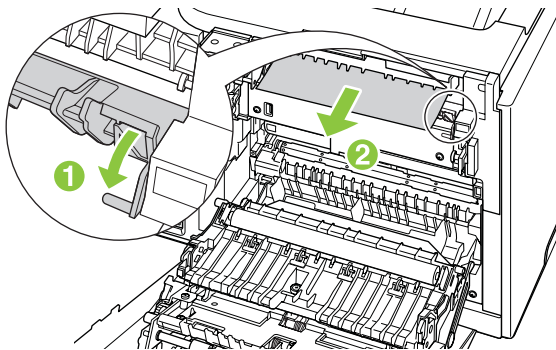
4. Nhấn **OK** để tiếp tục in.


## Gỡ giấy kẹt ở khu vực bộ phận sấy

1. Mở cửa phía sau.

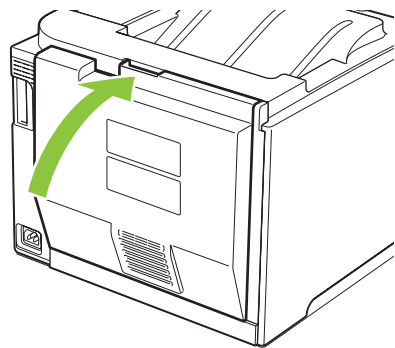


2. Nếu cần, mở dẫn hướng (ghi chú 1) và gỡ giấy nhìn thấy (ghi chú 2) khỏi đáy khu vực cung cấp.




 **GHI CHÚ:** Nếu giấy bị xé, bảo đảm gỡ tất cả các mảnh giấy ra trước khi bạn tiếp tục in. Đừng sử dụng vật nhọn để gỡ giấy.

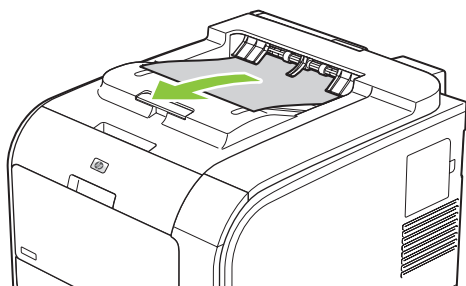
3. Đóng cửa phía sau.



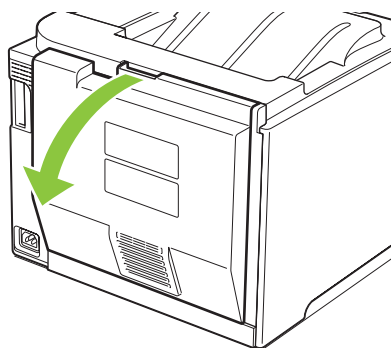
## Gỡ giấy kẹt ở khay bản in ra

1. Tìm giấy kẹt trong khu vực khay bản in.
2. Gỡ bất kỳ giấy nào nhìn thấy.

 **GHI CHÚ:** Nếu giấy bị xé, bảo đảm gỡ tất cả các mảnh giấy ra trước khi bạn tiếp tục in.

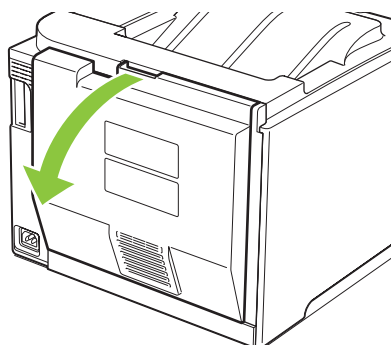


3. Mở rời đóng cửa sau lại để xoá tin nhắn.

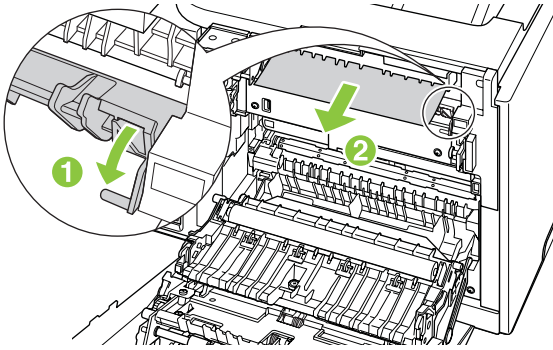


## Gỡ giấy kẹt ở bộ phận in hai mặt (chỉ dành cho các mẫu máy in hai mặt)

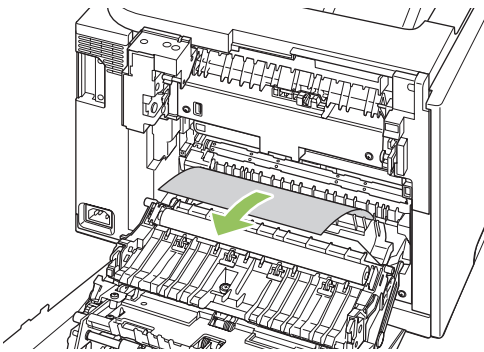
1. Mở cửa sau.



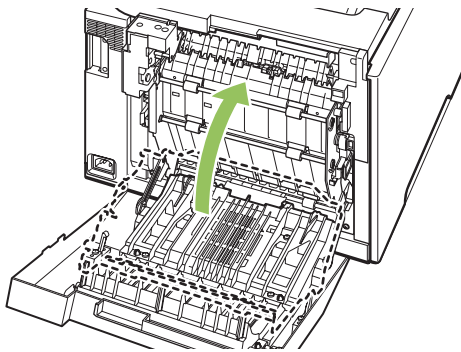
2. Nếu cần, kéo dẫn hướng (ghi chú 1) và gỡ bất kỳ trang giấy nào nhìn thấy (ghi chú 2) khỏi đáy khu vực cung cấp.



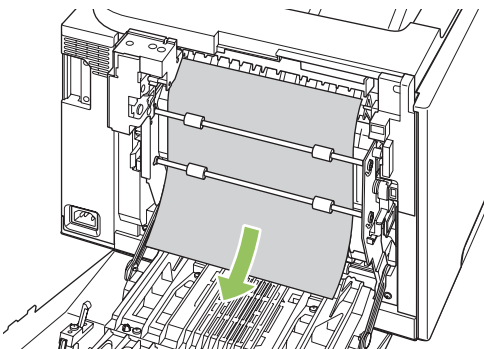
3. Nếu cần, gỡ bất kỳ trang giấy nào nhìn thấy khỏi mặt đáy của bộ phận in hai mặt.



4. Nếu bạn không nhìn thấy giấy kẹt, nhắc bộ phận in hai mặt bằng cách sử dụng tab ở bên cạnh bộ phận in hai mặt.

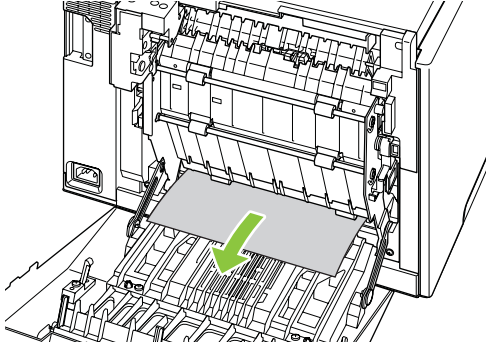


5. Nếu bạn nhìn thấy mép bị kéo lê của trang giấy, gỡ giấy khỏi sản phẩm.

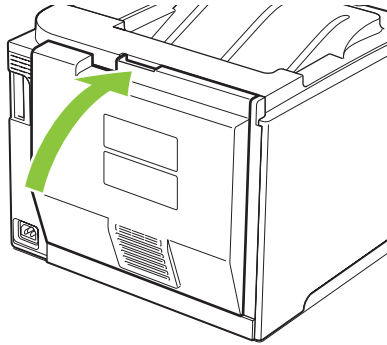




6. Nếu bạn nhìn thấy đầu trang giấy, gỡ nó khỏi sản phẩm.



7. Đóng cửa sau.



# Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh

Thình thoảng bạn có thể gặp phải vấn đề với chất lượng in. Thông tin trong các mục sau đây sẽ giúp bạn nhận dạng và khắc phục các vấn đề này.

## Nhận dạng và khắc phục các lỗi in

Sử dụng danh sách kiểm tra và biểu đồ chất lượng in trong mục này để khắc phục các vấn đề về dữ liệu in.

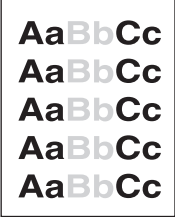


### Dữ liệu kiểm tra chất lượng in

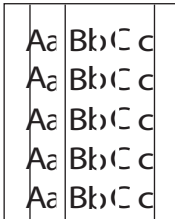


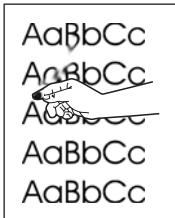
Các vấn đề về chất lượng in có thể được khắc phục bằng cách sử dụng danh sách kiểm tra sau đây:

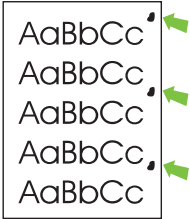
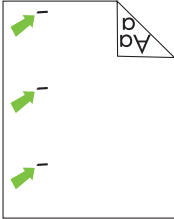
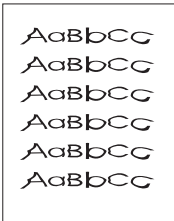
1. Bảo đảm các khoá vận chuyển đã được tháo khỏi trục cuộn bên trong cửa sau.
2. Nhớ sử dụng giấy hoặc phương tiện in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật. Giấy có bề mặt mịn hơn thường tạo ra kết quả tốt hơn.
3. Nếu bạn sử dụng phương tiện in đặc biệt như là nhãn, phim trong suốt, giấy bóng, hoặc tiêu đề thư, hãy đảm bảo bạn đã in theo loại.
4. In trang Cấu hình và trang tình trạng Nguồn cung cấp. Xem [Trang thông tin thuộc trang 70](#).
  - Kiểm tra trang Tình trạng nguồn cung cấp để xem có nguồn cung cấp nào sắp hết hoặc đã hết không. Không có thông tin nào được cung cấp cho các hộp mực không phải của HP.
  - Nếu các trang không in đúng, vấn đề sẽ liên quan đến phần cứng. Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem [Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129](#) hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
5. In Trang thử nghiệm từ HP ToolboxFX. Nếu trang được in ra có nghĩa là vấn đề liên quan đến trình điều khiển máy in.
6. Hãy thử in từ một chương trình khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình bạn sử dụng để in.
7. Hãy khởi động lại máy tính và máy in, và thử in lại. Nếu không giải quyết được vấn đề, hãy chọn một trong những tùy chọn sau:
  - Nếu vấn đề ảnh hưởng tới tất cả các trang được in, xem [Các vấn đề về chất lượng in chung thuộc trang 113](#).
  - Nếu vấn đề chỉ ảnh hưởng đến các trang in màu, xem [Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu thuộc trang 117](#).

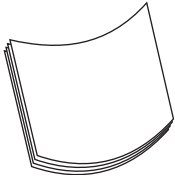
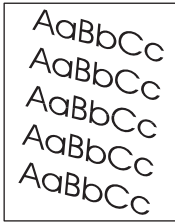
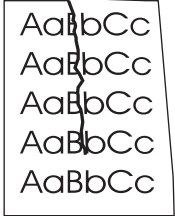
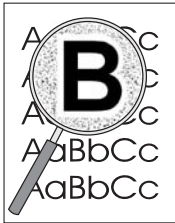
## Các vấn đề về chất lượng in chung


Các vấn đề sau đây mô tả giấy có kích thước Thư đã đi qua sản phẩm bằng cạnh ngắn trước. Các ví dụ này thể hiện những vấn đề sẽ ảnh hưởng tới tất cả những trang bạn in, bất kể in màu hay chỉ màu đen. Các chủ đề kế tiếp liệt kê nguyên nhân và giải pháp thông thường cho mỗi ví dụ.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
	Bản in mờ hoặc không rõ.	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p> <p>Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP.</p>
	Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.	<p>In trang tình trạng Nguồn cung cấp để kiểm tra thời gian sử dụng còn lại. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 70</a>.</p> <p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a>.</p>
	Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <b>Thay Hộp mực &lt;Color&gt;</b> và tiếp tục in.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a> .
	Cài đặt mật độ in có thể đã thay đổi.	Cài mật độ in xuống 0.
	Sản phẩm cần được căn chỉnh lại.	Tiến hành căn chỉnh. Xem <a href="#">Hiệu chỉnh sản phẩm thuộc trang 120</a> .
	Vết bột mực xuất hiện.	<p>Giấy có thể không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <p>Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP. Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>
	Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 92</a> .
	Một hay các hộp mực có thể bị rì.	Thử xác minh màu của các đốm mực và kiểm tra xem hộp mực có bị rì không.
	Ngăn chứa mực thải có thể đã quá đầy.	Kiểm tra mã lỗi 10.98.XX trong bản ghi sự kiện. Xem <a href="#">Event log (Nhật ký sự kiện) thuộc trang 72</a> . Phần XX của mã nhận dạng hộp mực (00 là màu đen, 01 là màu xanh lá mạ, 02 là màu đỏ, 03 là màu vàng). Nếu lỗi đã được ghi, thay hộp mực bị ảnh hưởng.
	Có hiện tượng mất ký tự.	<p>Một tờ vật liệu in có thể bị lỗi.</p> <p>Thử in lại.</p>
	Mức độ ẩm của giấy không đều hoặc giấy có những điểm ẩm trên bề mặt.	Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
	Lô giấy có lỗi. Quá trình sản xuất có thể khiến một số vùng không ăn bột mực.	Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
<p>Các vết dọc hoặc dải xuất hiện trên trang.</p> 	<p>Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.</p> <hr/> <p>Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <b>Thay Hộp mực &lt;Color&gt;</b> và tiếp tục in.</p>	<p>In trang tình trạng Nguồn cung cấp để kiểm tra thời gian sử dụng còn lại. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 70</a>.</p> <p>Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố.</p> <p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a>.</p> <hr/> <p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a>.</p>
<p>Lượng bóng bột màu nền trở nên không chấp nhận được.</p> 	<p>Môi trường quá khô (độ ẩm thấp) có thể làm tăng hiệu ứng tô bóng nền.</p> <hr/> <p>Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.</p> <hr/> <p>Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <b>Thay Hộp mực &lt;Color&gt;</b> và tiếp tục in.</p> <hr/> <p>Giấy láng hiển thị nền nhiều hơn giấy thường</p>	<p>Kiểm tra môi trường thiết bị.</p> <hr/> <p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a>.</p> <hr/> <p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a>.</p> <hr/> <p>Xem xét việc sử dụng giấy thô hơn.</p>
<p>Vết bẩn bột mực xuất hiện trên phương tiện.</p> 	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <hr/> <p>Nếu vết bẩn bột mực xuất hiện trên cạnh trên của giấy có nghĩa là các thanh dẫn phương tiện bị bẩn, hoặc mảnh vụn đã tích tụ trên đường dẫn in.</p>	<p>Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <hr/> <p>Lau chùi đường dẫn phương tiện.</p> <p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 92</a>.</p>
<p>Bột mực dễ dàng vấy bẩn khi chạm vào.</p> 	<p>Thiết bị không được đặt để in loại phương tiện bạn muốn in trên đó.</p> <hr/> <p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <hr/> <p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab <b>Paper</b> (Giấy) và đặt <b>Type is</b> (Loại là) cho khớp với loại phương tiện bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p> <hr/> <p>Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <hr/> <p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 92</a>.</p>


Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
<p>Các dấu xuất hiện lặp lại theo các khoảng đều nhau ở trên mặt in của trang.</p> 	<p>Thiết bị không được đặt để in loại phương tiện bạn muốn in trên đó.</p>	<p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab <b>Paper</b> (Giấy) và đặt <b>Type is</b> (Loại là) cho khớp với loại giấy bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.</p>	<p>Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 92</a>.</p>
	<p>Bộ nhiệt áp có thể bị hư hoặc bẩn.</p>	<p>Để xác định xem bộ nhiệt áp có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem <a href="#">Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71</a>.</p> <p>Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129</a> hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.</p>
	<p>Hộp mực có thể có vấn đề.</p>	<p>Để xác định xem hộp mực có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem <a href="#">Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71</a>.</p>
<p>Các dấu xuất hiện lặp lại theo các khoảng đều nhau ở trên mặt trắng của trang.</p> 	<p>Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.</p>	<p>Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 92</a>.</p>
	<p>Bộ nhiệt áp có thể bị hư hoặc bẩn.</p>	<p>Để xác định xem bộ nhiệt áp có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem <a href="#">Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71</a>.</p> <p>Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129</a> hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.</p>
<p>Trang in có những ký tự bị lỗi.</p> 	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <p>Nếu các ký tự không đúng tạo ra hiệu ứng gợn sóng, bạn cần định cỡ sản phẩm hay máy quét laser cần sửa chữa.</p>	<p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p> <p>Kiểm tra xem vấn đề có xuất hiện trên cả trang Cấu hình không. Nếu có, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129</a> hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.</p>





Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
<p>Trang in bị cong hoặc lượn sóng.</p> 	<p>Thiết bị không được đặt để in loại phương tiện bạn muốn in trên đó.</p>	<p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab <b>Paper</b> (Giấy) và đặt <b>Type is</b> (Loại là) cho khớp với loại giấy bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Mục menu <b>Service (Dịch vụ) Giấy ít cong hơn</b> được cài sang <b>Off (Tắt)</b>.</p>	<p>Sử dụng các menu trên bảng điều khiển để thay đổi cài đặt. Xem <a href="#">Trình đơn bảng điều khiển thuộc trang 9</a>.</p>
	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>
	<p>Cả nhiệt độ cao và độ ẩm cao có thể làm cong giấy.</p>	<p>Kiểm tra môi trường thiết bị. Điều chỉnh chế độ cong từ bảng điều khiển hay HP ToolboxFX.</p>
<p>Văn bản và đồ họa bị lệch trên trang in.</p> 	<p>Có thể đã nạp phương tiện sai.</p>	<p>Phải chắc chắn là giấy hoặc các phương tiện in khác được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện không quá chặt hoặc quá lỏng so với chồng giấy. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 52</a>.</p>
	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>
<p>Trang in ra có nếp nhăn hoặc nếp gấp.</p> 	<p>Có thể đã nạp phương tiện sai.</p>	<p>Kiểm tra xem phương tiện có được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện có bị chặt quá hoặc lỏng quá so với chồng giấy không. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 52</a>.</p>
	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Lật ngược chồng giấy trong khay tiếp giấy, hoặc thử xoay giấy 180° trong khay tiếp giấy.</p>
	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>
<p>Bột mực xuất hiện quanh các ký tự đã in.</p> 	<p>Có thể đã nạp phương tiện sai.</p>	<p>Lật chồng giấy trong khay.</p>
	<p>Nếu có nhiều mực phân tán quanh các ký tự, giấy có thể có điện trở suất cao.</p>	<p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Có hình xuất hiện trên cạnh trên cùng của trang (màu đen liền khối) lặp lại phía dưới trang (trong trường màu xám).	Cài đặt phần mềm có thể ảnh hưởng đến việc in hình.	Trong chương trình phần mềm của bạn, thay đổi tông màu (độ đậm) của trường mà trong đó hình xuất hiện lặp lại.  Trong chương trình phần mềm của bạn, xoay toàn bộ trang 180° để in hình nhạt hơn trước.
	Thứ tự các hình được in có thể ảnh hưởng đến việc in.	Thay đổi thứ tự các hình sẽ được in. Ví dụ, in hình nhạt hơn ở phía trên cùng của trang, và hình đậm hơn ở phía dưới trang.
	Hiện tượng đột biến điện có thể đã ảnh hưởng đến thiết bị.	Nếu lỗi xuất hiện sau khi in một nhiệm vụ in, hãy tắt thiết bị trong thời gian 10 phút, và sau đó bật thiết bị để khởi động lại nhiệm vụ in.
		Sử dụng giấy không bóng để làm giảm mức độ của khuyết điểm

## Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu

Mục này mô tả các vấn đề có thể xuất hiện khi in màu.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Chỉ in ra màu đen khi tài liệu đáng lẽ phải in màu.	độ màu chưa được chọn trong chương trình của bạn hay trình điều khiển máy in hay cài đặt màu giới hạn đang được mở..	Chọn chế độ màu thay cho chế độ xám hay tắt cài đặt màu giới hạn.
	Có thể chưa chọn đúng trình điều khiển máy trong chương trình.	Chọn trình điều khiển máy in thích hợp.
	Thiết bị có thể chưa được cấu hình đúng.	In một trang Cấu hình (xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 70</a> ). Nếu không có màu trên trang Cấu hình, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng của HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129</a> hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
	Nguồn cung cấp màu đã hết và cài đặt trình đơn <b>Nguồn Cung cấp Màu đã hết</b> được cài ở <b>Tiếp tục bằng Màu đen</b> .	Thay nguồn cung cấp màu.

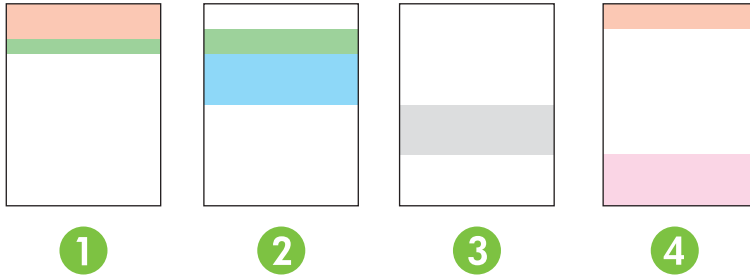
Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
<p>Một hoặc nhiều màu không in, hoặc in không chính xác.</p> 	Băng dán có thể vẫn còn trên các hộp mực.	Kiểm tra xem băng dán đã được lấy hết ra khỏi các hộp mực chưa.
	Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.	Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
	Thiết bị có thể đang hoạt động ở môi trường quá ẩm.	Kiểm tra xem môi trường quanh thiết bị có nằm trong độ ẩm cho phép không.
	Một hay các hộp mực in có thể bị khuyết điểm.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a> .
	Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <b>Thay Hộp mực &lt;Color&gt;</b> và tiếp tục in.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a> .
Một hay các hộp mực in có thể không được gắn đúng vào máy in.	Gỡ và gắn lại các hộp mực.	
<p>Một màu in không đều sau khi lắp hộp mực mới.</p> 	Một hộp mực in khác có thể bị khuyết điểm.	Tháo hộp mực cho màu in không đều ra và lắp lại nó.
	Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <b>Thay Hộp mực &lt;Color&gt;</b> và tiếp tục in.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực thuộc trang 84</a> .
<p>Các màu trên trang in ra không khớp với màu trên màn hình.</p> 	Các màu trên màn hình máy tính có thể khác với màu in ra từ thiết bị.	Xem <a href="#">Khớp màu thuộc trang 64</a>
	Nếu các màu rất nhạt hoặc rất đậm trên màn hình không in có nghĩa là chương trình phần mềm của bạn có thể hiểu các màu rất nhạt là màu trắng hoặc các màu rất đậm là màu đen.	Nếu có thể, tránh sử dụng những màu quá nhạt hoặc quá đậm.
	Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.	Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
<p>Kết thúc trên trang màu in ra không đều.</p> 	Phương tiện quá rấp.	Sử dụng giấy láng hay giấy in, chẳng hạn giấy chất lượng cao được chế tạo cho máy in laser màu. Thông thường, giấy láng hơn cho kết quả tốt hơn.



## Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in

 **GHI CHÚ:** Trước khi tiến hành, in một trang tình trạng Nguồn cung cấp để xem số trang tương ứng cho từng hộp mực. Xem [Trang thông tin thuộc trang 70](#).

Từ HP ToolboxFX phần mềm bạn có thể in một trang giúp nhận dạng xem một hộp mực in nào đó có thể gây ra sự cố hay không, hay nếu vấn đề là do bản thân máy in. Trang xử lý sự cố chất lượng in có năm dải màu, được chia thành bốn phần đề lên nhau. Bằng cách xem xét từng phần, bạn có thể cách ly vấn đề cho một hộp mực cụ thể.



Mực	Hộp mực
1	Vàng
2	Xanh lá mạ
3	Đen
4	Đỏ tươi

Trang này giúp nhận dạng bốn vấn đề tổng quát:

- **Các đường sọc chỉ một màu:** Đây có thể là vấn đề hộp mực. Tháo hộp mực và tìm các mảnh vụn trên đó. Nếu không có mảnh vụn nào và vấn đề vẫn còn sau khi gắn lại hộp mực, hãy thay hộp mực.
- **Đường sọc trong tất cả các màu (ở cùng vị trí):** Lau máy in và gọi dịch vụ nếu vấn đề vẫn còn.
- **Lỗi lặp lại ở nhiều màu:**

*Chấm lặp lại ở nhiều màu:* Nếu chấm lặp lại ở khoảng 57 hay 58 mm, chạy trang lau để lau cầu chì và chạy một số trang trắng để lau trực lần. Nếu lỗi không còn lặp lại ở 57 hay 58 mm, thay hộp mực có màu của chấm.

*Dải lặp lại ở nhiều màu:* Liên hệ Hỗ trợ HP.

- **Một chấm hay Một dải trong một màu:** In ba hay bốn trang xử lý sự cố bổ sung. Nếu dải hay chấm chỉ có trong một màu trên hầu hết các trang, thay hộp mực của màu đó. Nếu dải hay chấm chuyển sang màu khác, liên hệ Hỗ trợ HP.

Để biết thêm thông tin về xử lý sự cố, thử các việc sau:

- Xem [Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh thuộc trang 112](#) trong hướng dẫn này.
- Vào [www.hp.com/support/ljcp2020series](http://www.hp.com/support/ljcp2020series).
- Liên hệ Chăm sóc Khách hàng HP. Xem [Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129](#)..

## In trang xử lý sự cố chất lượng in

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71](#).
2. Nhấp vào thư mục **Help** (Trợ giúp), và sau đó nhấp vào trang **Troubleshooting** (Xử lý sự cố).
3. Nhấp vào nút **Print** (In), và sau đó thực hiện theo hướng dẫn trên các trang in ra.

## Tối ưu hoá và cải thiện chất lượng in

Luôn bảo đảm rằng **Loại** được cài đặt trong trình điều khiển máy in phù hợp với loại giấy bạn đang sử dụng.

Sử dụng cài đặt in chất lượng cao trong trình điều khiển máy in để phòng ngừa các sự cố về chất lượng in.

Sử dụng vùng **Cài đặt Thiết bị** trong cài đặt HP ToolboxFX để điều chỉnh cài đặt ảnh hưởng đến chất lượng in. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71](#).

Đồng thời sử dụng HP ToolboxFX để giúp xử lý sự cố về chất lượng in. Xem [Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in thuộc trang 119](#).

## Hiệu chỉnh sản phẩm

Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề gì về chất lượng in, hãy hiệu chỉnh sản phẩm.

### Định cỡ sản phẩm bằng cách sử dụng HP ToolboxFX

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 71](#).
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào trang **Print Quality** (Chất lượng In).
3. Trong vùng Hiệu Chỉnh Màu, chọn hộp kiểm tra **Calibrate Now** (Hiệu chỉnh ngay bây giờ).
4. Nhấp **Apply** (Áp dụng) để hiệu chỉnh sản phẩm ngay.

### Định cỡ sản phẩm từ bảng điều khiển

1. Trên trình đơn bảng điều khiển, nhấn **OK**.
2. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, rồi nhấn **OK**.
3. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Chất lượng in**, rồi nhấn **OK**.
4. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Hiệu chỉnh màu**, rồi nhấn **OK**.
5. Sử dụng nút **Mũi tên sang trái** (◀) hay **Mũi tên sang phải** (▶) để chọn **Hiệu chỉnh ngay bây giờ**, rồi nhấn **OK** để định cỡ sản phẩm.

## Các vấn đề về hiệu suất


Vấn đề	Cause	Giải pháp
Các trang in nhưng hoàn toàn trắng.	Băng niêm phong có thể vẫn còn nằm trên hộp mực in.	Xác minh xem băng niêm phong đã được gỡ hoàn toàn khỏi các hộp mực in chưa.
	Tài liệu có thể chứa các trang trắng.	Kiểm tra tài liệu bạn đang in xem nội dung có xuất hiện trên tất cả các trang hay không.
	Sản phẩm có thể gặp trục trặc.	Để kiểm tra sản phẩm, in một trang Cấu hình.
Các trang in rất chậm.	Các loại giấy in nặng hơn có thể làm chậm công việc in.	In trên một loại giấy khác.
	Các trang phức tạp có thể sẽ bị in chậm.	Cầu chì đúng có thể yêu cầu tốc độ in chậm hơn để bảo đảm chất lượng in tốt nhất.
	Loại giấy không được cài đúng.	Chọn loại phù hợp với giấy.
Các trang không in.	Sản phẩm kéo giấy không đúng.	Bảo đảm giấy được nạp đúng vào khay.  Nếu vấn đề vẫn còn, bạn cần thay các trục lăn cuộn và đệm tách. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 129</a> .
	Giấy bị kẹt trong thiết bị.	Gỡ giấy kẹt. Xem <a href="#">Gỡ giấy kẹt thuộc trang 103</a> .
	Cáp USB có thể bị hư hoặc không được kết nối đúng.	<ul style="list-style-type: none"><li>Tháo cáp USB ở cả hai đầu và gắn lại.</li><li>Thử in một công việc đã in trong quá khứ.</li><li>Thử sử dụng một cáp USB khác.</li></ul>
	Các thiết bị khác đang chạy trên máy tính của bạn.	Sản phẩm này có thể không chia sẻ cổng USB. Nếu bạn có một ổ cứng ngoài hay hộp chuyển mạng được nối vào cùng cổng như với sản phẩm, có thể thiết bị khác đang xen vào. Để kết nối và sử dụng sản phẩm, bạn phải ngắt thiết bị kia hay phải sử dụng hai cổng USB trên máy tính.

## Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm

Sự cố	Giải pháp
Không nhìn thấy trình điều khiển máy in cho sản phẩm này trong thư mục <b>Printer</b> (Máy in)	<ul style="list-style-type: none"><li>Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. <b>GHI CHÚ:</b> Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng mà có biểu tượng trên khay hệ thống, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn <b>Close</b> hoặc <b>Disable</b>.</li><li>Thử cắm cáp USB vào một cổng USB khác trên máy tính.</li></ul>
Hiện thị một thông báo lỗi khi đang cài đặt phần mềm	<ul style="list-style-type: none"><li>Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. <b>GHI CHÚ:</b> Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng có biểu tượng trên thanh tác vụ, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn <b>Close</b> hoặc <b>Disable</b>.</li><li>Kiểm tra bộ nhớ trống của ổ mà bạn đang cài đặt phần mềm sản phẩm vào. Nếu cần, giải phóng thêm bộ nhớ trống đến mức có thể và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.</li><li>Nếu cần, chạy Trình Giảm Phân Tán Ổ Đĩa và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.</li></ul>
Sản phẩm đang ở chế độ Ready (Sẵn sàng) nhưng không in được	<ul style="list-style-type: none"><li>In trang Cấu hình, và kiểm tra chức năng của sản phẩm.</li><li>Kiểm tra xem tất cả các dây cáp có được đặt đúng vị trí và có còn đạt chỉ tiêu kỹ thuật không. Việc kiểm tra bao gồm dây cáp USB và cáp nguồn. Thử dây cáp mới.</li></ul>

# Giải quyết vấn đề với Macintosh

## Khắc phục vấn đề với Mac OS X

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang cài đặt sản phẩm qua kết nối USB, bạn **không được** kết nối cáp USB với thiết bị và máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Việc kết nối cáp USB sẽ làm cho Mac OS X tự cài đặt sản phẩm, và quá trình cài đặt sẽ bị lỗi. Sau đó bạn phải gỡ bỏ cài đặt sản phẩm, ngắt kết nối cáp USB, cài đặt lại phần mềm từ đĩa CD sản phẩm, và kết nối lại cáp USB khi phần mềm nhắc nhở bạn.

Trình điều khiển máy in không được liệt kê trong Trung Tâm In Ẩn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
Phần mềm sản phẩm có thể chưa được cài đặt hay không được cài đặt đúng.	Đảm bảo tập tin PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/&lt;LANG&gt;.LPROJ</code>  , trong đó <lang> là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.
Tập tin PPD bị hỏng.	Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/&lt;LANG&gt;.LPROJ,</code>  trong đó <lang> là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy in Bonjour không xuất hiện trên danh sách máy in trong Trung tâm Fax & Máy in hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy in.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Phải bảo đảm các cáp được kết nối đúng, sản phẩm đã được bật và đèn báo Sẵn sàng sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB hoặc Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác
Có thể bạn đã chọn kiểu kết nối sai.	Bảo đảm chọn USB, IP in, hoặc Bonjour, tùy theo loại kết nối.
Bạn đang sử dụng tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Bonjour không đúng.	In một trang Cấu hình (xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 70</a> ). Kiểm tra xem tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Bonjour trên trang Cấu hình có phù hợp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Bonjour trong Trung Tâm In Ẩn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In không.
Cáp giao diện có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.	Thay thế cáp giao diện bằng cáp chất lượng cao.

Trình điều khiển máy in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm được chọn trong Trung Tâm In Ẩn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Phải bảo đảm các cáp được kết nối đúng, sản phẩm đã được bật và đèn báo Sẵn sàng sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB hoặc Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.

## Trình điều khiển máy in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm được chọn trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

### Nguyên nhân

Phần mềm của sản phẩm có thể chưa được cài đặt hoặc cài đặt không đúng.

### Giải pháp

Phải đảm bảo tập tin PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng:

```
LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/  
<LANG>.LPROJ
```

, trong đó "<lang>" là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Tập tin PPD bị hỏng.

Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau:

```
LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/  
<LANG>.LPROJ
```

, trong đó "<lang>" là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Cáp giao diện có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.

Thay thế cáp giao diện bằng cáp chất lượng cao.

## Một lệnh in đã không được gửi tới sản phẩm bạn muốn.

### Nguyên nhân

Dãy lệnh in có thể bị dừng.

### Giải pháp

Khởi động lại dãy lệnh in. Mở **Print Monitor** (Màn hình In) và chọn **Start Jobs**(Bắt đầu In).

Đã sử dụng sai tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy in Bonjour.

một trang Cấu hình (xem [Trang thông tin thuộc trang 70](#)). Xác định tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy in Bonjour trên trang Cấu hình khớp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy in Bonjour trong Trung tâm Máy in hoặc Tiện ích Cài đặt Máy in.

## Tập tin EPS in ra không đúng kiểu chữ.

### Nguyên nhân

Sự cố này đang xuất hiện trong một số chương trình.

### Giải pháp

- Thử tải về các kiểu chữ chứa trong tập tin EPS vào sản phẩm trước khi bắt đầu in.
- Gửi tập tin dạng ASCII thay vì dạng mã nhị phân.

## Bạn không thể in từ thẻ USB của bên thứ ba.

### Nguyên nhân

Lỗi này xảy ra khi phần mềm dành cho Các Máy In USB chưa được cài đặt.

### Giải pháp

Khi thêm thẻ USB của bên thứ ba, bạn cần phải có phần mềm Hỗ Trợ Thẻ Điều Hợp USB Apple. Hầu hết phiên bản hiện tại của phần mềm này đều có trên trang Web của Apple.

**Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện ở phần Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In sau khi đã lựa chọn trình điều khiển.**

---

#### **Nguyên nhân**

Sự cố này xảy ra do một bộ phận phần cứng hoặc phần mềm.

#### **Giải pháp**

##### **Xử lý sự cố phần mềm**

- Kiểm tra xem máy Macintosh của bạn có hỗ trợ USB không và có phần mềm USB tương thích từ Apple chưa.
- Xác định hệ điều hành của bạn có phải là Mac OS X V10.28 hoặc phiên bản mới hơn.

##### **Xử lý sự cố phần cứng**

- Kiểm tra xem sản phẩm đã được bật chưa.
- Xác định cáp USB đã được kết nối đúng chưa.
- Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng cáp USB tốc độ cao tương thích không.
- Phải chắc là bạn không nối quá nhiều thiết bị USB vào một nguồn điện. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trong nguồn và kết nối trực tiếp cáp với cổng USB trên máy tính chủ.
- Kiểm tra xem có quá hai hub USB không cắm điện cùng kết nối trên một hàng của nguồn cắm. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trong chuỗi và kết nối trực tiếp cáp với cổng USB trên máy tính chủ.

**GHI CHÚ:** Bàn phím iMac là một hub USB không cắm điện.

---





---

# A Hàng cung cấp và phụ tùng

# Đặt hàng cung cấp và phụ tùng

**Bảng A-1** Hàng cung cấp và phụ tùng

Bộ phận	Số bộ phận	Loại/kích thước
Hộp mực	CC530A	Hộp mực in màu đen với mực HP ColorSphere
Để biết thêm thông tin về sản lượng của hộp mực, xem <a href="http://www.hp.com/go/pageyield">www.hp.com/go/pageyield</a> . Sản lượng thực tế tùy thuộc vào mục đích sử dụng cụ thể.	CC531A	Hộp mực in màu xanh lá mạ với mực HP ColorSphere
	CC532A	Hộp mực in màu vàng với mực HP ColorSphere
	CC533A	Hộp mực in màu đỏ tươi với mực HP ColorSphere
Cáp	C6518A	Cáp máy in USB 2.0 (2-mét [6,5-foot] chuẩn)
Bộ nhớ	CB421A	64MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM
	CB422A	128MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM
	CB423A	256MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM
Khay 3 tùy chọn	CB500A	Khay tiếp giấy 250 tờ cho các khổ giấy chuẩn.
Tài liệu tham khảo	5851-1468	<i>Hướng dẫn Đặc điểm Phương tiện Máy in Dòng Máy in HP LaserJet</i> (see <a href="http://www.hp.com/support/ljpaperguide">www.hp.com/support/ljpaperguide</a> )

---

## B Dịch vụ và hỗ trợ

- [Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard](#)
- [Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực](#)
- [Thỏa thuận Cấp giấy phép Người dùng cuối](#)
- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Đóng gói lại sản phẩm](#)
- [Biểu mẫu thông tin dịch vụ](#)

# Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard

SẢN PHẨM HP

THỜI HẠN BẢO HÀNH CÓ GIỚI HẠN

Máy in Dòng LaserJet CP2020 Màu của HP

Giới hạn bảo hành một năm

HP bảo đảm với bạn, là người dùng trực tiếp, rằng các sản phẩm phần cứng và phụ tùng của HP sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành sau khi mua, trong thời hạn quy định trên. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ có quyền lựa chọn, sửa chữa hoặc thay thế các sản phẩm có biểu hiện có khuyết tật. Sản phẩm thay thế sẽ là sản phẩm mới hoặc tương đương với sản phẩm mới về mặt hiệu năng hoạt động.

HP bảo đảm với bạn rằng, phần mềm HP sẽ không trục trặc khi xử lý các lệnh chương trình của nó sau khi mua, trong thời hạn nêu trên, gây ra bởi các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành khi đã được cài đặt và sử dụng đúng. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ thay thế phần mềm không xử lý được các lệnh chương trình của nó gây ra bởi các khuyết tật đó.

HP không bảo đảm rằng các sản phẩm của HP sẽ không gặp lỗi hoặc bị gián đoạn trong lúc vận hành. Nếu HP không thể, trong một khoảng thời gian hợp lý, sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ sản phẩm nào trong điều kiện bảo hành, bạn sẽ có quyền được nhận lại số tiền đã trả để mua sau khi trả ngay sản phẩm đó về cho HP.

Các sản phẩm của HP có thể chứa các chi tiết đã được tái chế có chất lượng tương đương bộ phận mới về mặt hiệu năng hoạt động hoặc có thể đã được lấy làm mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra sử dụng.

Chế độ bảo hành không áp dụng cho các khuyết tật có nguyên nhân từ (a) bảo trì hoặc xác lập chuẩn sai hoặc không thỏa đáng, (b) phần mềm, thiết bị nối ghép, các chi tiết máy hoặc mực in không do HP cung cấp, (c) chỉnh sửa hoặc sử dụng trái quy định, (d) sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố, hoặc (e) chuẩn bị môi trường vận hành thiết bị hoặc bảo trì thiết bị không đúng.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG. Một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn thời hạn bảo hành đối với chế độ bảo hành không công bố, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn. Điều này cho phép bạn có được các quyền lợi cụ thể về mặt pháp luật và bạn cũng có thể có thêm các quyền lợi khác tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh.

Chế độ bảo hành có giới hạn của HP được áp dụng cho mọi quốc gia/vùng lãnh thổ hoặc địa phương HP có cung cấp dịch vụ hỗ trợ và những nơi HP có bán sản phẩm này ra thị trường. Mức độ bảo hành cho bạn có thể khác nhau theo các tiêu chuẩn địa phương. HP sẽ không điều chỉnh hình dạng, tính phù hợp hoặc chức năng hoạt động của sản phẩm để sử dụng ở các quốc gia/vùng lãnh thổ không nằm trong kế hoạch cung cấp sản phẩm của HP cho sử dụng vì các lý do luật pháp hoặc quy định.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, CÁC GIẢI PHÁP TRONG BẢN CÔNG BỐ CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH NÀY CHỈ ÁP DỤNG RIÊNG CHO MỖI BẠN. NGOẠI TRỪ NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ MẤT MÁT DỮ LIỆU HOẶC CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC. Ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho

phép giới hạn hoặc loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc gián tiếp, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

## Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực

Sản phẩm này của HP được bảo đảm sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã nạp lại mực, tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố và các bản in mẫu) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MẮT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

# Thỏa thuận Cấp giấy phép Người dùng cuối

VUI LÒNG ĐỌC KỸ TRƯỚC KHI SỬ DỤNG SẢN PHẨM PHẦN MỀM NÀY: Thỏa thuận Cấp phép Người dùng cuối này (End-User License Agreement - EULA) là một hợp đồng giữa (a) bạn (một cá nhân hay một tổ chức bạn đại diện) và (b) Công ty Hewlett-Packard Company (“HP”) sẽ chi phối việc bạn sử dụng sản phẩm phần mềm (Phần mềm) này. Eula này sẽ không được áp dụng nếu có thỏa thuận cấp phép riêng biệt giữa bạn và HP hoặc các nhà cung cấp của HP đối với Phần mềm này, bao gồm thỏa thuận cấp phép trong tài liệu trực tuyến. Thuật ngữ “Phần mềm” có thể bao gồm (i) các phytóng tiện liên quan, (ii) sách hướng dẫn người sử dụng và bản in các tài liệu khác, và (iii) tài liệu “trực tuyến” hoặc tài liệu điện tử (gọi chung là “Tài liệu Người sử dụng”).

CÁC QUYỀN TRONG PHẦN MỀM CHỈ ĐƯỢC CUNG CẤP THEO ĐIỀU KIỆN BẠN ĐỒNG Ý VỚI TẤT CẢ CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA EULA NÀY. BẰNG CÁCH CÀI ĐẶT, SAO CHÉP, TẢI XUỐNG HOẶC SỬ DỤNG THEO CÁCH KHÁC PHẦN MỀM, BẠN ĐÃ ĐỒNG Ý BỊ RÀNG BUỘC BỞI EULA NÀY. NẾU BẠN KHÔNG CHẤP NHẬN EULA NÀY, ĐỪNG CÀI ĐẶT, TẢI XUỐNG HOẶC SỬ DỤNG THEO CÁCH KHÁC PHẦN MỀM NÀY. NẾU BẠN ĐÃ THANH TOÁN CHO PHẦN MỀM NHƯNG KHÔNG ĐỒNG Ý VỚI EULA NÀY, VUI LÒNG GỬI LẠI PHẦN MỀM VỀ NƠI BẠN ĐÃ THANH TOÁN TRONG VÒNG MỖI BỐN NGÀY ĐỂ NHẬN ĐƯỢC KHOẢN TIỀN HOÀN LẠI THEO GIÁ ĐÃ THANH TOÁN; NẾU PHẦN MỀM ĐƯỢC CÀI ĐẶT TRÊN HOẶC ĐƯỢC CHUẨN BỊ SẴN VỚI MỘT SẢN PHẨM HP KHÁC, BẠN CÓ THỂ TRẢ LẠI TOÀN BỘ SẢN PHẨM KHÔNG SỬ DỤNG ĐÓ.

1. PHẦN MỀM BÊN THỨ BA. Phần mềm này ngoài phần mềm thuộc sở hữu của HP (“Phần mềm HP”), có thể bao gồm phần mềm theo các giấy phép từ các bên thứ ba (“Phần mềm Bên thứ ba” và “Giấy phép Bên thứ ba”. Bất cứ Phần mềm Bên thứ ba nào được cấp phép cho bạn đều phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Giấy phép Bên thứ ba tống ứng. Thông thường, Giấy phép Bên thứ ba nằm trong một tệp tin chẳng hạn nhý license.txt; bạn cần phải liên hệ bộ phận hỗ trợ của HP nếu bạn không tìm thấy bất cứ Giấy phép Bên thứ ba nào. Nếu các Giấy phép Bên thứ ba bao gồm các giấy phép cung cấp mã nguồn (chẳng hạn nhý Giấy phép Công cộng GNU (GNU General Public License) và mã nguồn tống ứng không đi kèm theo Phần mềm này, hãy kiểm tra các trang về hỗ trợ sản phẩm trên website của HP (hp.com) để biết cách có được mã nguồn đó nhý thế nào.

2. CÁC QUYỀN CỦA GIẤY PHÉP. Bạn sẽ có các quyền sau đây miễn là bạn tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện của EULA này:

a. Sử dụng. HP cấp cho bạn một giấy phép để Sử dụng một bản sao của Phần mềm HP. “Sử dụng” nghĩa là cài đặt, sao chép, lýt trữ, tải, thực thi, hiển thị hoặc sử dụng theo cách khác Phần mềm HP. Bạn không thể chỉnh sửa Phần mềm HP hoặc vô hiệu hóa bất cứ việc cấp phép hoặc tính năng kiểm soát nào của Phần mềm HP. Nếu Phần mềm này được HP cung cấp để Sử dụng với một sản phẩm tạo ảnh hoặc in ấn (ví dụ trýtong hợp Phần mềm là một trình điều khiển thiết bị máy in, phần mềm hệ thống cở sở firmware hoặc chýtong trình bổ sung add-on), Phần mềm HP này chỉ có thể được sử dụng với sản phẩm đó (“Sản phẩm HP”). Các giới hạn bổ sung đối với việc Sử dụng này có thể có trong Tài liệu Người sử dụng. Bạn không thể tách riêng các thành phần của Phần mềm HP để Sử dụng. Bạn không có quyền phân phối Phần mềm HP này.

b. Sao chép. Quyền sao chép của bạn có nghĩa là bạn có thể tạo các bản sao Phần mềm HP để lýt trữ hoặc dự phòng, miễn là mỗi bản sao phải chứa tất cả các thông báo về quyền sở hữu của Phần mềm HP và chỉ được sử dụng vào các mục đích dự phòng.

3. NÂNG CẤP. Để sử dụng Phần mềm HP do HP cung cấp dới dạng bản nâng cấp, cập nhật hoặc thành phần bổ sung (gọi chung là “Nâng cấp”), trýtớc tiên bạn phải được cấp phép cho Phần mềm HP gốc do HP xác định đủ điều kiện cho việc nâng cấp. Trong trýtong hợp bản Nâng cấp thay thế cho Phần mềm HP gốc, bạn có thể không cần sử dụng Phần mềm HP đó nữa. EULA này đều được áp dụng cho mỗi bản Nâng cấp trừ khi HP quy định các điều khoản khác cho bản Nâng cấp đó. Trong trýtong hợp có mâu thuẫn giữa EULA này và các điều khoản khác, các điều khoản khác sẽ được ýu tiên.

4. CHUYỂN GIAO.

a. Chuyển giao Bên thứ ba. Người dùng cuối ban đầu của Phần mềm HP Software có thể thực hiện việc chuyển giao một lần Phần mềm HP đó cho một người dùng cuối khác. Bất cứ việc chuyển giao nào đều phải bao gồm tất cả các thành phần, phytng tiện, Tài liệu Người sử dụng, EULA này và Chứng nhận Xác thực nếu có. Việc chuyển giao không đytng phép thực hiện gián tiếp, chẳng hạn nhyt việc gửi sản phẩm để bán. Trttrc khi chuyển giao, người dùng cuối nhận Phần mềm chuyển giao phải đồng yt với EULA này. Sau khi chuyển giao Phần mềm HP, giấy phép của bạn sẽ tự động hết hiệu lực.

b. Các hạn chế. Bạn không thể thuê, cho thuê hoặc cho mtyon Phần mềm HP hoặc Sử dụng Phần mềm HP để sử dụng thytng mại hoặc sử dụng trong văn phòng đồng thời. Bạn không thể cấp giấy phép lại, nhytng lại hoặc chuyển giao dtyoi hình thức khác Phần mềm HP này trừ khi đytng quy định cụ thể trong EULA này.

5. CÁC QUYỀN SỞ HỮU. Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ trong Phần mềm và Tài liệu Người sử dụng đều thuộc sở hữu của HP hoặc các nhà cung cấp của HP và đytng bảo vệ bởi luật pháp, bao gồm bản quyền, bí mật thytng mại, bằng sáng chế và các luật đtng ký nhãn hiệu đytng áp dụng. Bạn không đytng loại bỏ khỏi Phần mềm bất cứ thông báo nào về nhận dạng, bản quyền hoặc giới hạn về quyền sở hữu.

6. GIỚI HẠN VỀ VIỆC VIẾT LẠI CHYTONG TRÌNH. Bạn không đytng phép viết lại chytong trình, dịch ngytng hoặc phân rã mã nguồn Phần mềm HP, chỉ trừ trytng hợp khi quyền thực hiện việc đytng phép theo luật đytng áp dụng.

7. THỎA THUẬN ĐỒNG YT SỬ DỤNG DỮ LIỆU. HP và các chi nhánh của HP có thể thu thập và sử dụng các thông tin kỹ thuật mà bạn cung cấp liên quan đến (i) việc bạn Sử dụng Phần mềm hoặc Sản phẩm HP, hoặc (ii) điều khoản các dtych vụ hỗ trợ liên quan đến Phần mềm hoặc Sản phẩm HP. Tất cả những thông tin nhyt vậy sẽ phụ thuộc và chính sách về quyền riêng ty của HP. HP sẽ không sử dụng những thông tin nhyt vậy dtyoi hình thức qua đó có thể nhận diện đytng cá nhân bạn trừ trytng hợp cần thiết để nâng cao việc Sử dụng của bạn hoặc cung cấp các dtych vụ hỗ trợ.

8. GIỚI HẠN VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LY. Bất kể mọi thiệt hại nào mà bạn có thể gặp phải, toàn bộ trách nhiệm pháp ly của HP và các nhà cung cấp của HP theo EULA này và biện pháp loại trừ biệt của bạn theo EULA này sẽ đytng giới hạn bằng giá trị nào lớn hơn giữa khoản chi phí thực tế bạn đã thanh toán cho Sản phẩm đó hoặc 5,00 USD. TRONG PHẠM VI TỐI ĐA LUẬT PHÁP CHO PHÉP ÁP DỤNG, TRONG BẤT CỨ TRYTNG HỢP NÀO HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP SẼ KHÔNG CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁP LY ĐỐI VỚI BẤT CỨ THIỆT HẠI ĐẶC BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP HOẶC DO HẬU QUẢ NÀO (BAO GỒM CÁC THIỆT HẠI ĐỐI VỚI VIỆC MẮT MẮT LỢI NHUẬN, MẮT DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÔNG VIỆC, TỒN THYTONG CÁ NHÂN HOẶC MẮT QUYỀN RIÊNG TY) LIÊN QUAN DTYOI BẤT CỨ HÌNH THỨC NÀO ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG HOẶC KHÔNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, NGAY CẢ KHI HP HOẶC BẤT CỨ NHÀ CUNG CẤP NÀO CỦA HP ĐÃ KHUYẾN CÁO VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG THIỆT HẠI NHYT VẬY VÀ CHO DÙ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC Ở TRÊN ĐÂY KHÔNG ĐẠT ĐYTNG MỤC ĐÍCH CẦN THIẾT CỦA CHÚNG. Một vài bang hoặc các vùng khác không cho phép việc loại trừ hoặc giới hạn các thiệt hại do ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, do đó việc giới hạn hoặc loại trừ nêu trên có thể không đytng áp dụng cho bạn.

9. CÁC KHÁCH HÀNG CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ. Nếu bạn là một cố quan của Chính phủ Hoa Kỳ, theo quy định của FAR 12.211 và FAR 12.212, Phần mềm Máy tính Thytng mại, Tài liệu Phần mềm Máy tính và Dữ liệu Kỹ thuật đối với các Mục Thytng mại đều phải đytng cấp giấy phép theo thỏa thuận cấp phép thytng mại của HP đytng áp dụng.

10. TUÂN THỦ CÁC LUẬT XUẤT KHẨU. Bạn sẽ phải tuân thủ tất cả các luật lệ, quy tắc và quy định (i) đytng áp dụng đối với việc xuất khẩu hay nhập khẩu Phần mềm này, hoặc (ii) việc giới hạn Sử dụng Phần mềm này, bao gồm bất cứ việc giới hạn nào về phát triển các vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học.

11. BẢO LUY CÁC QUYỀN. HP và các nhà cung cấp của HP bảo luy tất cả các quyền không đytng cấp cụ thể cho bạn trong bản EULA này.

(c) 2007 Hewlett-Packard Development Company, L.P.



Hiệu chỉnh 11/06

# Hỗ trợ khách hàng

Hỗ trợ qua điện thoại, miễn phí khi vẫn trong thời hạn bảo hành, dành cho quốc gia/vùng lãnh thổ bạn sinh sống	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp sản phẩm bạn đã mua hoặc xem tại <a href="http://www.hp.com/support/">www.hp.com/support/</a> .
Chuẩn bị sẵn sàng tên sản phẩm, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố.	
Hỗ trợ Internet thường trực 24 giờ	<a href="http://www.hp.com/support/ljcp2020series">www.hp.com/support/ljcp2020series</a>
Hỗ trợ cho các sản phẩm được sử dụng với máy tính Macintosh	<a href="http://www.hp.com/go/macosex">www.hp.com/go/macosex</a>
Tải xuống thông tin về các phần mềm tiện ích, trình điều khiển thiết bị, và các thông tin điện tử	<a href="http://www.hp.com/go/ljcp2020series_software">www.hp.com/go/ljcp2020series_software</a>
Đặt mua mực và giấy in	<a href="http://www.hp.com/go/suresupply">www.hp.com/go/suresupply</a>
Đặt mua các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	<a href="http://www.hp.com/buy/parts">www.hp.com/buy/parts</a>
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	<a href="http://www.hp.com/go/carepack">www.hp.com/go/carepack</a>

## Đóng gói lại sản phẩm

Nếu bạn cần di dời hay vận chuyển sản phẩm đến một địa điểm khác, tiến hành quy trình sau để đóng gói nó lại.

- 
- △ **THẬN TRỌNG:** Hư hỏng khi vận chuyển do đóng gói không đúng là trách nhiệm của khách hàng. Sản phẩm phải được giữ thẳng đứng trong khi vận chuyển.
- 

### Đóng gói lại sản phẩm

- 
- △ **THẬN TRỌNG:** Điều *ực kỳ quan trọng* là phải tháo gỡ các hộp mực trước khi vận chuyển sản phẩm. Các hộp mực để lại trong sản phẩm trong khi vận chuyển sẽ rò rỉ và phủ mực lên toàn bộ sản phẩm.

Để phòng ngừa hư hỏng cho các hộp mực, tránh chạm vào trục xoay, và đậy nắp chúng trong vật liệu đóng gói ban đầu để chúng không bị phơi sáng.

---

1. Tháo gỡ tất cả bốn hộp mực và vận chuyển riêng.
2. Sử dụng thùng chứa và vật liệu đóng gói ban đầu, nếu được. Nếu bạn đã vứt bỏ vật liệu đóng gói, liên hệ dịch vụ gửi hàng ở địa phương để biết thông tin về việc đóng gói lại sản phẩm. HP đề nghị bảo đảm việc vận chuyển thiết bị.

## Biểu mẫu thông tin dịch vụ

<b>AI SẼ TRẢ LẠI THIẾT BỊ?</b>	Ngày:
Người liên hệ:	Điện thoại:
Liên hệ khác:	Điện thoại:
Địa chỉ chuyển trả lại:	Hướng dẫn chuyển đặc biệt:

---

**BẠN SẼ GỬI NHỮNG GÌ?**

Tên model:	Số model:	Số sê-ri:
------------	-----------	-----------

Vui lòng gửi kèm mọi bản in tương thích. KHÔNG chuyển các phụ kiện (hướng dẫn sử dụng, phụ kiện làm sạch, v.v..) không cần thiết để tiến hành sửa chữa.

**BẠN ĐÃ THÁO CÁC HỘP MỰC RA CHƯA?**

Bạn phải tháo chúng ra trước khi chuyển máy in, trừ khi có vấn đề cơ học làm cho hộp mực không tháo ra được.

Đã tháo.  Chưa tháo, tôi không thể tháo chúng ra.

**CẦN PHẢI LÀM GÌ? (Gửi kèm một tờ riêng, nếu cần.)**

- Mô tả tình trạng lỗi. (Lỗi là gì? Bạn đã làm gì khi xuất hiện lỗi? Bạn đang sử dụng phần mềm gì? Lỗi có lặp lại không?)
- Nếu lỗi không liên tục, khoảng thời gian giữa mỗi lần xảy ra lỗi là bao lâu?
- Nếu bộ sản phẩm được gắn với bất kỳ thiết bị nào sau đây, hãy cung cấp tên nhà sản xuất và kiểu model.

Máy tính cá nhân:	Modem:	Mạng:
-------------------	--------	-------

- Nhận xét khác:

---

**BẠN SẼ THANH TOÁN NHƯ THẾ NÀO CHO VIỆC SỬA CHỮA?**

<input type="checkbox"/> Vẫn còn bảo hành	Ngày mua/ngày nhận được:
---	--------------------------

(Gửi kèm bằng chứng về việc mua sản phẩm hoặc việc nhận cùng với ngày nhận ban đầu.)

<input type="checkbox"/> Số hợp đồng bảo trì:
<input type="checkbox"/> Số đơn đặt hàng:

**Ngoại trừ dịch vụ hợp đồng và bảo hành, phải gửi kèm theo yêu cầu một số đơn đặt hàng và/hoặc chữ ký ủy quyền.** Nếu giá sửa chữa thông thường không được áp dụng, yêu cầu phải có một đơn đặt hàng tối thiểu. Giá sửa chữa thông thường có thể có được từ trung tâm sửa chữa được ủy quyền của HP.

Chữ ký ủy quyền:	Điện thoại:
------------------	-------------

Địa chỉ thanh toán:	Hướng dẫn thanh toán đặc biệt:
---------------------	--------------------------------

---

## C Thông số kỹ thuật

- [Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể](#)
- [Thông số kỹ thuật về điện](#)
- [Độ ồn](#)
- [Đặc điểm môi trường](#)

## Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

**Bảng C-1** Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Sản phẩm	Chiều cao	Chiều sâu	Chiều rộng	Trọng lượng
Mẫu máy không in hai mặt	322 mm	454 mm	405 mm	19,90 kg
Mẫu in hai mặt	322 mm	484 mm	400 mm	21,10 kg

## Thông số kỹ thuật về điện

- ⚠ **CẢNH BÁO!** Các yêu cầu về điện đã được thiết kế phù hợp với quốc gia/khu vực bán sản phẩm. Không được chuyển đổi điện thế vận hành. Thao tác này sẽ làm hỏng sản phẩm và làm mất hiệu lực chế độ bảo hành.

**Bảng C-2 Các đặc điểm kỹ thuật về điện**

Mục	Kiểu 110-vôn	Kiểu 220-vôn
Các yêu cầu về điện	100 đến 127 V (+/-10%)	220 đến 240 V (+/-10%)
	50 đến 60 Hz (+/-2 Hz)	50 đến 60 Hz (+/-2 Hz)
Điện dung mạch tối thiểu khuyến nghị	6.0 A	3.0 A

**Bảng C-3 Tiêu thụ điện (trung bình, tính bằng watt)<sup>1,4</sup>**

Mẫu sản phẩm	In (21 PPM) <sup>2,3</sup>	Sẵn sàng <sup>2</sup>	Ngủ <sup>2</sup>	Tắt <sup>2</sup>
HP Color LaserJet CP2020 Series Máy in	260	13	3.8	0.0

<sup>1</sup> Các giá trị được dựa trên dữ liệu ban đầu, xem [www.hp.com/support/ljcp2020series](http://www.hp.com/support/ljcp2020series) để có thông tin hiện thời.

<sup>2</sup> Lượng điện tiêu thụ phản ánh giá trị cao nhất đo được khi in màu và trắng đen khi sử dụng tất cả điện thế chuẩn.

<sup>3</sup> HP Color LaserJet CP2020 Series tốc độ in là 21 trang/phút (ppm) trên giấy viết thư và 20 ppm trên giấy A4 khi in trắng đen hay màu.

<sup>4</sup> Nhiệt lượng phát ra tối đa cho tất cả các mẫu máy ở chế độ Sẵn sàng = 41 BTU/Giờ.

# Độ ồn

**Bảng C-4 HP Color LaserJet CP2020 Series<sup>1,2</sup>**

Cường độ âm	Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296
In (21 ppm) <sup>3</sup>	$L_{WA,d} = 6.4$ Bels (A) [64dB (A)]
Ready (Sẵn sàng)	$L_{WA,d} =$ Không nghe thấy gì
Mức áp suất âm thanh: vị trí người đứng cạnh	Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296
In (20 ppm) <sup>3</sup>	$L_{pA,m} = 67$ dB (A)
Ready (Sẵn sàng)	$L_{pA,m} =$ Không nghe thấy gì

<sup>1</sup> Các giá trị được dựa theo các dữ liệu sơ bộ, xem [www.hp.com/support/ljcp2020series](http://www.hp.com/support/ljcp2020series) để biết thông tin mới nhất.


<sup>2</sup> Đã kiểm tra cấu hình: HP Color LaserJet CP2020 Series in đơn sắc một mặt.

<sup>3</sup> HP Color LaserJet CP2020 Series tốc độ là 21/20 ppm khi in màu và 21/20 ppm khi in trắng đen (khổ thư/A4).

# Đặc điểm môi trường

**Bảng C-5 Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng**

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	15° đến 27°C	10° đến 30°C
Độ ẩm	20% đến 60% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH
Độ cao	Không áp dụng	0 đến 3048 m

 **GHI CHÚ:** Các giá trị này được dựa theo các dữ liệu sơ bộ. Xem [www.hp.com/support/ljcp2020series](http://www.hp.com/support/ljcp2020series) để biết thông tin mới nhất.



---


## D Thông tin về Tuân thủ Quy định

- [Các qui định của FCC](#)
- [Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường](#)
- [Tuyên bố tuân thủ](#)
- [Tuyên bố đặc biệt của quốc gia /lãnh thổ](#)

## Các qui định của FCC

Đã kiểm tra và xác định rằng thiết bị này tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Nhóm B, theo Phần 15 của Qui định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ phù hợp chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong nhà. Thiết bị này tạo, sử dụng, và có thể phát ra năng lượng sóng vô tuyến. Nếu thiết bị này không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể gây nhiễu có hại với các liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng sẽ không xuất hiện nhiễu tại một lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho đài radio hoặc tivi, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người sử dụng nên chỉnh lại nhiễu bằng một trong những biện pháp sau:

- Xoay hoặc chuyển lại vị trí của ăng-ten nhận.
- Gia tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận.
- Cắm thiết bị với ổ điện trên một mạch khác với ổ điện của bộ nhận.
- Tham vấn với người bán hàng của bạn hoặc một chuyên gia radio/tivi có kinh nghiệm.

 **GHI CHÚ:** Mọi thay đổi hoặc chỉnh sửa đối với máy in không được chấp nhận rõ ràng bởi HP có thể làm mất quyền sử dụng thiết bị này của người sử dụng.

Cần sử dụng cáp giao diện được bảo vệ để tuân thủ các giới hạn của Nhóm B của Phần 15, Qui định FCC.

---

# Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường

## Bảo vệ môi trường

Công ty Hewlett-Packard cam kết cung cấp các sản phẩm chất lượng theo cách bền vững với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế với một số tính năng làm giảm thiểu tác động tới môi trường.

## Sản sinh ra khí ozone

Sản phẩm này không sản sinh một lượng khí ozone đáng kể nào (O<sub>3</sub>).

## Điện năng tiêu thụ

Năng lượng sử dụng giảm đáng kể khi ở chế độ Sẵn sàng/Ngủ, giúp tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và tiết kiệm tiền bạc mà không ảnh hưởng đến hiệu suất cao của máy. Để xác định trạng thái được chứng nhận ENERGY STAR® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật. Các sản phẩm đủ tiêu chuẩn cũng được liệt kê tại:

<http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/productdesign/ecolabels.html>

## Sử dụng giấy

Tính năng in hai mặt thủ công và in N-up (in nhiều trang trên cùng một mặt giấy) giúp giảm lượng giấy sử dụng và giảm nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên.


## Bộ phận làm bằng chất dẻo

Các bộ phận làm bằng chất dẻo nặng trên 25 gram được đánh dấu theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng khả năng nhận biết để tái chế khi hết tuổi thọ của sản phẩm.

## Nguồn cung cấp

Thật dễ dàng để hoàn trả và tái chế các hộp mực in HP LaserJet đã hết – hoàn toàn miễn phí - với chương trình Đối tác Toàn cầu của HP. Các hướng dẫn và thông tin về chương trình bằng nhiều ngôn ngữ được giao cùng với mỗi máy in HP LaserJet và hộp mực mới. Bạn sẽ giúp giảm bớt tác động tới môi trường hơn nữa bằng cách hoàn trả nhiều hộp mực một lúc thay vì các hộp riêng lẻ.

HP cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, chất lượng cao, bền vững với môi trường, từ việc thiết kế và phân phối sản phẩm đến việc sử dụng và tái chế. Khi bạn tham gia vào chương trình Đối tác Toàn cầu của HP, chúng tôi bảo đảm rằng các hộp mực in HP LaserJet của bạn được tái chế đúng cách, được xử lý để thu lại chất dẻo và kim loại dùng cho sản phẩm mới, và tránh được việc phải chôn lấp hàng triệu tấn rác thải. Vì các hộp mực này được tái chế và sử dụng làm nguyên liệu, nó sẽ không quay trở lại với bạn. Cảm ơn bạn đã có trách nhiệm với môi trường!

 **GHI CHÚ:** Vui lòng chỉ sử dụng các nhãn hoàn trả khi hoàn trả các hộp mực in HP LaserJet. Không sử dụng nhãn này đối với các hộp mực HP inkjet, các hộp mực không phải của HP, các hộp mực đổ lại hoặc tái sản xuất, hoặc để bảo hành. Để có thêm thông tin về việc tái chế hộp mực HP inkjet, xin vui lòng xem trang <http://www.hp.com/recycle>.

## Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế

### Hợp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico

Nhãn đính kèm trên hộp mực in HP LaserJet dùng để hoàn trả và tái chế nhiều hơn một hộp mực in HP LaserJet sau khi sử dụng. Xin vui lòng làm theo hướng dẫn thích hợp dưới đây.

#### Hoàn trả Nhiều hộp mực (hai đến tám hộp)

1. Đóng gói mỗi hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của chúng.
2. Buộc tối đa tám hộp với nhau bằng dây da hoặc dây buộc hàng (tối đa 70 lbs).
3. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

#### HOẶC

1. Sử dụng hộp đựng phù hợp của bạn, hoặc yêu cầu cung cấp hộp miễn phí qua địa chỉ <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445 (đựng được tối đa là tám hộp mực in HP LaserJet).
2. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

#### Hoàn trả đơn lẻ

1. Đóng gói hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của nó.
2. Dán nhãn vận chuyển vào mặt trước hộp.

#### Vận chuyển

Đối với việc hoàn trả để tái chế tất cả các hộp mực in HP LaserJet, hãy giao gói hàng cho hãng vận chuyển UPS trong lần nhận hàng kế tiếp, hoặc mang tới điểm nhận hàng chính thức của UPS. Để biết địa điểm nhận hàng của UPS tại địa phương, hãy gọi số 1-800-PICKUPS hoặc thăm trang <http://www.ups.com>. Nếu bạn hoàn trả bằng nhãn vận chuyển của Dịch vụ Bưu chính Hoa Kỳ (USPS), hãy giao gói hàng cho nhân viên USPS hoặc mang tới văn phòng USPS. Để biết thêm thông tin, hoặc để yêu cầu thêm nhãn vận chuyển hoặc hộp để đựng nhiều hộp mực, hãy thăm trang <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445. Yêu cầu UPS tới gom hàng sẽ phải trả phí gom hàng thông thường. Các thông tin có thể thay đổi mà không báo trước.

### Hoàn trả ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ

Để tham dự vào Chương trình Đối tác Toàn cầu của HP trong việc hoàn trả và tái chế, bạn chỉ cần thực hiện theo các chỉ dẫn đơn giản trong tờ hướng dẫn về tái chế (có trong gói đựng thiết bị máy in mới của bạn), hoặc tới thăm trang <http://www.hp.com/recycle>. Hãy chọn quốc gia/khu vực của bạn để có thông tin về cách hoàn trả các thiết bị máy in HP LaserJet

### Giấy in

Sản phẩm này có thể sử dụng giấy tái chế nếu như giấy đó đáp ứng được các quy định trong sách hướng dẫn *HP LaserJet Printer Family Print Media Guide*. Sản phẩm này phù hợp để sử dụng giấy tái chế theo tiêu chuẩn EN12281:2002.

### Hạn chế về Nguyên liệu

Sản phẩm này của HP không chứa thủy ngân bổ sung.

Sản phẩm này của HP không có pin.

## Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu



Biểu tượng này trên sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm chỉ định rằng sản phẩm không được phép vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt khác. Thay vào đó, bạn có trách nhiệm vứt bỏ thiết bị không sử dụng bằng cách giao nó tại một điểm thu gom được chỉ định cho mục đích tái chế thiết bị điện và điện tử không sử dụng. Việc thu gom và tái chế riêng các loại thiết bị không sử dụng của bạn mỗi khi vứt bỏ sẽ giúp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo rằng thiết bị đó được tái chế theo cách giúp bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Để biết thêm thông tin về nơi vứt bỏ thiết bị không sử dụng để tái chế, xin hãy liên hệ với phòng hành chính địa phương, dịch vụ vứt bỏ rác thải gia đình hoặc cửa hàng nơi bạn đã mua sản phẩm đó.



## Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)

Bạn có thể nhận Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) áp dụng cho các thiết bị có chứa hóa chất (ví dụ như mực in) bằng cách liên hệ với trang web của HP tại địa chỉ [www.hp.com/go/msds](http://www.hp.com/go/msds) hoặc [www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment](http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment).

## Thông tin thêm

Để có thêm thông tin về các chủ đề môi trường này:

- Tờ mô tả về tác động môi trường của sản phẩm này và nhiều sản phẩm có liên quan của HP
- Cam kết của HP đối với môi trường
- Hệ thống Quản lý Môi trường của HP
- Chương trình hoàn trả và tái chế khi sản phẩm hết tuổi thọ
- Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên liệu

Thăm trang [www.hp.com/go/environment](http://www.hp.com/go/environment) hoặc [www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment](http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment).

# Tuyên bố tuân thủ

theo ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1; DoC#: BOISB-0701-00-rel. 1.0

**Tên Nhà sản xuất:** Công ty Hewlett-Packard  
**Địa chỉ Nhà sản xuất:** 11311 Chinden Boulevard,  
Boise, Idaho 83714-1021, Mỹ

## tuyên bố rằng sản phẩm

**Tên sản phẩm:** Dòng HP Color LaserJet CP2020  
**Model theo Quy định:<sup>2)</sup>** BOISB-0701-00


**Các tùy chọn của sản phẩm:** Bao gồm: CB500A— Khay Giấy nhập 250 Trang Tùy chọn  
**Hộp Mục:** Tất cả  
CC530A, CC531A, CC532A, CC533A

## phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của Sản phẩm:

**AN TOÀN:** IEC 60950-1:2001 / EN60950-1: 2001 +A11  
IEC 60825-1:1993 +A1+A2 / EN 60825-1:1994 +A1 +A2 (Sản phẩm Laser/LED Lớp 1) GB4943-2001

**EMC:** CISPR22:2005 / EN55022:2006 - Loại B<sup>1)</sup>  
EN 61000-3-2:2000 +A2  
EN 61000-3-3:1995 +A1  
EN 55024:1998 +A1 +A2  
Tiêu đề FCC 47 CFR, Phần 15 Lớp B / ICES-003, Mục 4  
GB9254-1998, GB17625.1-2003

## Thông tin Bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu của Chỉ thị EMC 2004/108/EEC và Chỉ thị Điện thế Thấp 2006/95/EC, và có Nhãn CE  phù hợp.

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 Luật FCC. Hoạt động phải theo hai Điều kiện sau: (1) thiết bị này không tạo sự va chạm nguy hiểm, và (2) thiết bị này phải chấp nhận bất kỳ va chạm nào nhận được, bao gồm va chạm có thể gây ra hoạt động không mong muốn.

- 1) Sản phẩm đã được kiểm tra trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính Cá nhân Hewlett-Packard.
- 2) Vì mục đích tuân thủ quy định, các sản phẩm này được gán một con số model theo Quy định. Con số này không được phép nhầm lẫn với tên sản phẩm hoặc (các) số của sản phẩm.

Boise, Idaho 83713, Mỹ

**Tháng 2007**

## Chỉ riêng đối với vấn đề Quy định:

**Địa chỉ Liên hệ tại Châu Âu** Nơi bán sản phẩm và Phòng dịch vụ Hewlett-Packard Sales tại địa phương hoặc Hewlett-Packard GmbH, Phòng HQ-TRE / Tiêu Chuẩn Châu Âu, Herrenberger Strasse 140, D-71034 Böblingen, Đức, (FAX+49-7031-14-3143), <http://www.hp.com/go/certificates>

**Địa chỉ liên hệ tại Mỹ** Giám đốc Phụ trách việc Tuân thủ Quy định của Sản Phẩm, Công ty Hewlett-Packard, PO Box 15, Mail Stop 160, Boise, ID 83707-0015, Mỹ, (Điện thoại: 208-396-6000)

# Tuyên bố đặc biệt của quốc gia /lãnh thổ

## An toàn laser

Trung tâm Thiết bị Và Sức khỏe Điện Quang (CDRH) của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã áp dụng các quy định đối với các sản phẩm laser được sản xuất kể từ 1 tháng 8 năm 1976. Việc tuân thủ quy định là bắt buộc đối với các sản phẩm lưu hành trên thị trường Hoa Kỳ. Thiết bị này được chứng nhận là sản phẩm laser "Loại 1" theo hệ Tiêu chuẩn Hiệu suất Phóng xạ của Cơ quan Dịch vụ Y tế và Con người Hoa Kỳ (DHHS) theo Đạo luật về Quản lý Phóng xạ đối với Sức khỏe và An toàn 1968. Vì lượng phóng xạ phát ra từ thiết bị này được giữ lại hoàn toàn bên trong lớp vỏ bảo vệ và vỏ bọc bên ngoài, nên tia laser không thể thoát ra ngoài trong bất kỳ giai đoạn hoạt động thông thường nào của máy.

△ **CẢNH BÁO!** Việc điều khiển sử dụng, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác vận hành khác với những gì được quy định trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây phóng xạ nguy hiểm.

## Các quy định DOC tại Canada

Complies with Canadian EMC Class B requirements.

« Conforme à la classe B des normes canadiennes de compatibilité électromagnétiques. « CEM ». »

## Tuyên bố VCCI (Nhật)

この装置は、情報処理装置等電波障害自主規制協議会（VCCI）の基準に基づくクラスB情報技術装置です。この装置は、家庭環境で使用することを目的としていますが、この装置がラジオやテレビジョン受信機に近接して使用されると、受信障害を引き起こすことがあります。  
取扱説明書に従って正しい取り扱いをして下さい。

## Tuyên bố về dây dẫn (Nhật)

製品には、同梱された電源コードをお使い下さい。  
同梱された電源コードは、他の製品では使用出来ません。

## Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)

B급 기기 (가정용 정보통신기기)

이 기기는 가정용으로 전자파 적합등록을 한 기기로서  
주거지역에서는 물론 모든 지역에서 사용할 수 있습니다.

## Tuyên bố về laser cho Phần Lan

### Luokan 1 laserlaite

Klass 1 Laser Apparat

HP Color LaserJet CP2020 Series, laserkirjoitin on käyttäjän kannalta turvallinen luokan 1 laserlaite. Normaalisissa käytössä kirjoittimen suojakotelointia estää lasersäteen pääsyn laitteen ulkopuolelle. Laitteen turvallisuusluokka on määritetty standardin EN 60825-1 (1994) mukaisesti.

### VAROITUS !

Laitteen käyttäminen muulla kuin käyttöohjeessa mainitulla tavalla saattaa altistaa käyttäjän turvallisuusluokan 1 ylittävälle näkymättömälle lasersäteilylle.

### VARNING !

Om apparaten används på annat sätt än i bruksanvisning specificerats, kan användaren utsättas för osynlig laserstrålning, som överskrider gränsen för laserklass 1.

### HUOLTO

HP Color LaserJet CP2020 Series - kirjoittimen sisällä ei ole käyttäjän huollettavissa olevia kohteita. Laitteen saa avata ja huoltaa ainoastaan sen huoltamiseen koulutettu henkilö. Tällaiseksi huoltotoimenpiteeksi ei katsota väriainekasetin vaihtamista, paperiradan puhdistusta tai muita käyttäjän käsikirjassa lueteltuja, käyttäjän tehtäväksi tarkoitettuja ylläpitotoimia, jotka voidaan suorittaa ilman erikoistyökaluja.

### VARO !

Mikäli kirjoittimen suojakotelo avataan, olet alttiina näkymättömälle lasersäteilylle laitteen ollessa toiminnassa. Älä katso säteeseen.

### VARNING !

Om laserprinterns skyddshölje öppnas då apparaten är i funktion, utsättas användaren för osynlig laserstrålning. Betrakta ej strålen. Tiedot laitteessa käytettävän laserdiodin säteilyominaisuuksista: Aallonpituus 775-795 nm Teho 5 m W Luokan 3B laser.



## Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc)


根据中国电子信息产品污染控制管理办法的要求而出台

**Bảng D-1 有毒有害物质表**

部件名称	有毒有害物质和元素					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr(VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
打印引擎	X	O	X	X	O	O
控制面板	O	O	O	O	O	O
塑料外壳	O	O	O	O	O	O
格式化板组件	X	O	O	O	O	O
碳粉盒	X	O	O	O	O	O

**O:**表示在此部件所用的所有同类材料中, 所含的此有毒或有害物质均低于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

**X:**表示在此部件所用的所有同类材料中, 至少一种所含的此有毒或有害物质高于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

 **GHI CHÚ:** 引用的“环保使用期限”是根据在正常温度和湿度条件下操作使用产品而确定的。



# Bảng chú dẫn

## Biểu tượng/Số

<Color> trong thông báo lỗi sai vị trí 97

## B

bảng điều khiển

vị trí 4

đèn và nút 8

Menu báo cáo 10

trình đơn bản đồ, in 10

Menu Cài đặt Hệ thống 11

ngôn ngữ 11

độ tương phản màn hình 12

Menu dịch vụ 14

Cấu hình mạng menu 15

cài đặt 22

hiển thị địa chỉ IP, cài đặt 42

tự động vượt, cài đặt 42

dịch vụ mạng, cài đặt, IPv4, IPv6 42

khôi phục mặc định, cài đặt mạng 43

bảng điều khiển

thông báo, xử lý sự cố 97

báo cáo, sản phẩm

network configuration page 40

trang cấu hình 40

bảo hành

giấy phép 133

hộp mực 132

sản phẩm 130

bảo quản

hộp mực 82

bật/tắt 4

bẫy 63

bị kẹt

số theo dõi 10

bột mực

có vết bẩn, xử lý sự cố 114

không bám dính chặt, xử lý sự cố 114

phân tán, xử lý sự cố 116

vết, xử lý sự cố 113

bột mực bị vết bẩn, xử lý sự

cố 114

bột mực không bám dính chặt, xử lý

sự cố 114

bộ nhiệt áp

lỗi 101

bộ nhớ

đi kèm 2

cài đặt 88

kích hoạt 92

thêm 88

thông báo lỗi 97

thông số kỹ thuật 2

xác minh cài đặt 92

Bảng màu Microsoft Office Basic

Colors, in 64

BOOTP 43

## C

các cổng giao diện

các loại được bao gồm 2

các hệ điều hành được hỗ trợ 2, 28

các hình mờ 32

các khay

đi kèm 2

vị trí 4

các loại, phương tiện

Cài đặt HP ToolboxFX 77

các ngăn chứa

tái chế 145

các thông số kỹ thuật về kích thước,

sản phẩm 140

các tính năng 2

các trang bìa 31

các trang không thẳng 116

các vật liệu đặc biệt

các nguyên tắc 51

cài đặt

báo cáo mạng 10

Menu Cài đặt Hệ thống 11

khôi phục mặc định 14

ưu tiên 22, 28

trình điều khiển 23, 28

cài đặt sẵn trình điều khiển (Macintosh) 31

trang cấu hình mạng 40

trang cấu hình 40

HP ToolboxFX 75

cài đặt mặc định, khôi phục 14

cài đặt lưu trữ 14

cài đặt sẵn (Macintosh) 31

cài đặt kích thước giấy tùy chỉnh Macintosh 31

cài đặt trình điều khiển Macintosh

giấy kích thước tùy chỉnh 31

tab Services (Dịch Vụ) 34

cài đặt sRGB 66

cài đặt RGB 66

cài đặt mật độ 77

cài đặt mật độ in 77

cài đặt hình

in, xử lý sự cố 112

cảnh báo

xem bảng HP Toolbox FX 73

cảnh báo, cài đặt 72

cáp

kết nối mạng 35

kết nối USB 35

USB, xử lý sự cố 121

cấp cao

màu 66

cấp sửa đổi 5

cất giữ

sản phẩm 142

- cầu chì
  - giấy kẹt, gỡ 107
- cấu hình sản phẩm,
  - Macintosh 29
- color
  - HP ImageREt 3600 66
- cong, giấy
  - cài đặt 14
- co dẫn tài liệu
  - Macintosh 31
- co giãn tài liệu
  - Windows 58
- công tắc nguồn 4
- cổng
  - các loại được bao gồm 2
  - xử lý sự cố Macintosh 124
- cổng mạng
  - kết nối 35
- cổng nối 44
- cổng USB
  - cài đặt tốc độ 14
  - kết nối 35
  - loại được bao gồm 2
  - xử lý sự cố 121
  - xử lý sự cố Macintosh 124
- cung cấp
  - tái chế 145
- cửa sau, vị trí 5
- cửa trước, định vị 4
- Các đặc điểm kỹ thuật về hình
  - thể 140
- Các quy định DOC tại
  - Canada 149
- Các trang web
  - đặt hàng cung cấp 127
- Các trang Web
  - Tờ Thông tin An toàn đối với
    - Nguyên Liệu (MSDS) 147
- Cài đặt trình điều khiển Macintosh
  - các hình mờ 32
- Cài đặt RGB 63
- Cài đặt sRGB 63
- Cài đặt PCL, HP ToolboxFX 76
- Cài đặt PostScript,
  - HP ToolboxFX 76
- Cảnh báo tab, HP Toolbox FX 73
- Cấu hình mạng menu 15
- Chăm sóc Khách hàng HP 136
- Chất lượng In
  - Cài đặt HP ToolboxFX 77
- Cổng mạng
  - loại được bao gồm 2
  - vị trí 4
- Cổng USB
  - vị trí 4
- CH**
- chấm, xử lý sự cố 113
- chất lượng
  - cài đặt lưu trữ 14
  - in, xử lý sự cố 112
  - in, xử lý sự cố 112
  - Cài đặt HP ToolboxFX 77
  - HP ImageREt 3600 66
- chất lượng bản in
  - in, xử lý sự cố 112
  - Cài đặt HP ToolboxFX 77
  - HP ImageREt 3600 66
- chất lượng giấy ra
  - in, xử lý sự cố 112
- chất lượng hình
  - cài đặt lưu trữ 14
- chất lượng hình ảnh
  - in, xử lý sự cố 112
  - Cài đặt HP ToolboxFX 77
  - HP ImageREt 3600 66
- chất lượng in
  - cài đặt lưu trữ 14
  - trang xử lý sự cố 119
  - xử lý sự cố 112
  - xử lý sự cố 112
  - HP ImageREt 3600 66
- chất lượng in ra
  - cài đặt lưu trữ 14
- chế độ in sẵn đầu đề khác 59
- chỉnh lại kích thước tài liệu
  - Macintosh 31
- chống giả mạo nguồn cung
  - cấp 82
- chương trình quản lý bảo vệ môi
  - trường 145
- chủ đề màu 63
- chữ màu
  - in đen trắng 59
- D**
- dài, xử lý sự cố 114
- dịch vụ
  - đóng gói lại sản phẩm 137
- biểu mẫu thông tin 138
- HP ToolboxFX cài đặt 78
- dots per inch (dpi)
  - thông số kỹ thuật 2
- dòng, xử lý sự cố
  - các trang được in 114
- dòng dọc, xử lý sự cố 114
- dpi (điểm trên mỗi inch)
  - HP ImageREt 3600 66
- dpi (dots per inch)
  - thông số kỹ thuật 2
- Danh sách kiểu chữ PCL 10
- Danh sách kiểu chữ PS 10
- Dịch vụ mạng
  - cài đặt, IPv4, IPv6 42
- DHCP 43
- DIMM
  - cài đặt 88
- DIMMs
  - xác minh cài đặt 92
- Đ**
- độ phân giải
  - thông số kỹ thuật 2
  - HP ImageREt 3600 66
- độ phân giải
  - tính năng 2
- đèn, bảng điều khiển 8
- đếm trang 10
- định cỡ màu 12
- độ tương phản màn hình, cài
  - đặt 12
- độ tương phản
  - màn hình, bảng điều khiển 12
- địa chỉ IP
  - tổng quan 43
  - BOOTP 43
  - Macintosh, xử lý sự cố 123
- định hướng
  - cài đặt, Windows 58
- định hướng dọc
  - cài đặt, Windows 58
- định hướng ngang
  - cài đặt, Windows 58
- điểm trên mỗi inch (dpi)
  - HP ImageREt 3600 66
- đăng ký sản phẩm 78
- đăng ký, sản phẩm 78
- đường dây nóng về gian lận 82
- động cơ, lau dọn 92

độ sáng  
 in không rõ, xử lý sự cố 113  
 điểm, xử lý sự cố 113  
 đặt hàng cung cấp  
 Các trang web 127  
 đặt hàng  
 cung cấp 127  
 đóng gói lại sản phẩm 137  
 đặc điểm  
 môi trường 142  
 đặc điểm môi trường hoạt  
 động 142  
 đặc điểm môi trường 142  
 đặc điểm độ ẩm 142  
 đặc điểm nhiệt độ 142  
 đặc điểm độ cao 142  
 Địa chỉ IP  
 giao thức được hỗ trợ 38  
 Độ Xám Trung Tính 63  
 Đường dây nóng về gian lận của  
 HP 82

**E**  
 e-mail cảnh báo, cài đặt 72  
 Event log (Nhật ký sự kiện) 72

**F**  
 font  
 DIMM, cài đặt 88

**G**  
 gấp, xử lý sự cố 116

**GI**  
 giao thức, mạng 38  
 giấy  
 bị nhăn 116  
 cài đặt mặc định 11, 76  
 cài đặt cong 14  
 cong, xử lý sự cố 116  
 hướng dẫn về thông số kỹ  
 thuật 128  
 kích thước, chọn 57  
 kích thước tùy chỉnh, cài đặt  
 Macintosh 31  
 loại, chọn 57  
 nhiều trang trên một bản 32  
 trang đầu tiên 31  
 Cài đặt HP ToolboxFX 77

giấy  
 bì, sử dụng giấy khác  
 nhau 57  
 khổ giấy, chọn 57  
 trang đầu và trang cuối, sử dụng  
 giấy khác nhau 57  
 giấy đặc biệt  
 các nguyên tắc 51  
 giấy bị kẹt. Xem bị kẹt  
 giấy bị lệch 116  
 giấy kẹt  
 khay bản in, gỡ 109  
 rãnh giấy, gỡ 107  
 vị trí 103  
 giấy kẹt <ví trí>  
 thông báo lỗi 99  
 giấy lượn sóng, xử lý sự cố 116  
 giấy phép, phần mềm 133

**H**  
 hạn chế về nguyên liệu 146  
 hệ điều hành được hỗ trợ 18  
 hệ điều hành, mạng 36  
 hiệu chỉnh màu 77, 120  
 hình mờ  
 Windows 58  
 hộp mực  
 bảo hành 132  
 gần cạn hoặc cạn, cài đặt 12  
 không phải của HP 82  
 lưu giữ 82  
 sử dụng khi hết bột mực 83  
 thay 84  
 thông báo đặt hàng 98  
 thông báo thay thế 98  
 tình trạng, xem bằng  
 HP Toolbox FX 72  
 trang tình trạng nguồn cung  
 cấp 10  
 hộp mực, in  
 Tình trạng Macintosh 34  
 hộp mực, truy cập 4  
 hộp mực in  
 gần cạn hoặc cạn, cài đặt 12  
 không phải của HP 82  
 lưu giữ 82  
 tái chế 145  
 thay thế tin nhắn 102  
 tin báo lỗi 102  
 tình trạng Macintosh 34  
 trang tình trạng nguồn cung  
 cấp 10  
 hộp mực toner. Xem hộp mực  
 hỗ trợ  
 biểu mẫu thông tin dịch  
 vụ 138  
 trực tuyến 58, 78, 136  
 hỗ trợ khách hàng  
 biểu mẫu thông tin dịch  
 vụ 138  
 trực tuyến 136  
 hỗ trợ kỹ thuật  
 biểu mẫu thông tin dịch  
 vụ 138  
 trực tuyến 136  
 hỗ trợ trực tuyến 136  
 hủy công việc in 56  
 Hiện thị địa chỉ IP  
 cài đặt 42  
 HP ImageREt 3600 66  
 HP Toolbox FX  
 Cảnh báo tab 73  
 Tình trạng tab 72  
 HP ToolboxFX  
 đang tải về 26  
 các hệ điều hành được hỗ  
 trợ 26  
 các trình duyệt được hỗ  
 trợ 26  
 cài đặt mật độ 77  
 mô tả 26  
 về 71  
 việc mở 71  
 Bảng màu Microsoft Office Basic  
 Colors, in 64  
 Tab e-mail cảnh báo 73  
 Tab thông tin sản phẩm 73  
 Tab trợ giúp 74  
 Tab Cài đặt Thiết bị 75  
 Tab Cài đặt Hệ thống 77  
 Tab Cài đặt Mạng 78  
 Trang Xử lý sự cố Chất lượng  
 In 119  
 HP Universal Print Driver (Trình  
 Điều khiển In Chung HP) 20  
 HP Web Jetadmin 25

- I**
- in
  - xử lý sự cố 121
- in đen trắng
  - xử lý sự cố 117
- in hai mặt 33
- in hai mặt
  - Windows 58
- in không rõ 113
- in mờ, xử lý sự cố 113
- in n-up
  - Windows 58
- in ở sắc độ xám 62
- in trên cả hai mặt
  - Windows 58
- ImageREt 3600 2
- J**
- Jetadmin, HP Web 25
- K**
- kẹt giấy
  - nguyên nhân thường gặp 103
- kết nối
  - mạng 35
  - USB 35
- kiểu chữ
  - danh sách, in 10
  - tập tin EPS files, xử lý sự cố 124
- kích thước, phương tiện
  - mặc định, cài đặt 11
- ký tự, xử lý sự cố 115
- Khôi phục mặc định
  - cài đặt mạng 43
- Kiểm Soát Cảnh 63
- KH**
- khay
  - cài đặt 11, 76
  - giấy kẹt, gỡ 105, 106
  - in hai mặt 33
  - khả năng chứa giấy 2
  - thông báo lỗi nạp phương tiện 101
- khay, bản in
  - giấy kẹt, gỡ 109
- khám phá thiết bị qua mạng 38
- khay 1
  - đang nạp 52
  - cài đặt 11
- giấy kẹt, gỡ 104
- vị trí 4
- khay 2
  - đang nạp 52
  - cài đặt 11
  - công suất 4
  - giấy kẹt, gỡ 105
  - vị trí 4
- khay 3
  - công suất 4
  - giấy kẹt, gỡ 106
  - vị trí 4
- khay bản in
  - giấy kẹt, gỡ 109
- khay giấy kẹt #
  - thông báo lỗi 99
- khả năng chứa giấy
  - ngăn giấy ra 2
- khôi phục cài đặt mặc định 14
- khớp màu 64
- L**
- lau dọn 92
- lỗi
  - phần mềm 122
- lỗi lặp lại, xử lý sự cố 117
- lỗi tắt 57
- M**
- mạng
  - địa chỉ IP 41, 43
  - báo cáo cài đặt 10
  - cài đặt 15
  - cấu hình 40
  - cổng nối 44
  - giao thức 38
  - hệ điều hành được hỗ trợ 36
  - hỗ trợ các kiểu 2
  - khám phá sản phẩm 38
  - mạng phụ 44
  - mật khẩu, cài đặt 73
  - máy chủ Web được nhúng, truy cập 79
  - trang cấu hình 10
  - DHCP 43
  - TCP/IP 43
  - mạng phụ 44
- màu
  - định cỡ 12
  - điều chỉnh 62
- được in so với màn hình 64
- cài đặt Macintosh 33
- giới hạn 11
- hiệu chỉnh 77, 120
- in ở sắc độ xám 62
- khớp 64
- quản lý 62
- sRGB 63, 66
- tùy chọn bán sắc 62
- xử lý sự cố 117
- Bảng màu Microsoft Office Basic Colors 64
- Độ Xám Trung tính 63
- Kiểm soát Cảnh 63
- mặc định gốc, khôi phục 14
- mã sản xuất 5
- mật khẩu, mạng 73
- mặt nạ mạng phụ 44
- máy chủ web nhúng
  - tab hoạt động mạng 81
- máy chủ Web nhúng
  - Tab cài đặt 80
  - Tab tình trạng 80
- menu, bảng điều khiển
  - Báo cáo 10
  - Cài đặt Hệ thống 11
  - Dịch vụ 14
  - Cấu hình mạng 15
- Macintosh
  - các hệ điều hành được hỗ trợ 28
  - cài đặt trình điều khiển 28, 31
  - chỉnh lại kích thước tài liệu 31
  - hỗ trợ 136
  - phần mềm 28
  - phần mềm cấu hình sản phẩm 29
  - thẻ USB, xử lý sự cố 124
  - trình điều khiển, xử lý sự cố 123
  - xử lý sự cố 123
- Máy chủ Web được nhúng
  - truy cập 79
- Menu báo cáo 10
- Menu dịch vụ 14
- Menu Cài đặt hệ thống 11
- N**
- nâng cấp phần sụn
  - về việc 93

nâng cấp phần sụn ở xa  
về việc 93  
nạp  
giấy 52  
phương tiện 52  
nạp giấy in sẵn đầu đề 59  
nạp phương tiện  
thông báo lỗi messages 101  
nền, xám 114  
nền xám, xử lý sự cố 114  
nối điện nguồn, vị trí 5  
nước/vùng xuất xứ 5  
nút, bảng điều khiển 8  
nút, bảng điều khiển 8

## NG

ngăn, ra  
định vị 4  
khả năng chứa giấy 2  
ngăn giấy ra  
định vị 4  
khả năng chứa giấy 2  
ngôn ngữ, bảng điều khiển 11  
nguồn cung cấp  
đặt hàng 78  
gần cạn hoặc cạn, cài đặt 12  
hàng lậu 82  
không phải của HP 82  
thông báo đặt hàng 98  
thông báo lỗi chốt giữ vận  
chuyển 98, 102  
thông báo lỗi sai vị trí 97  
thông báo thay thế 98  
tin báo lỗi 102  
nguồn cung cấp không phải của  
HP 82  
nguồn cung cấp lậu 82  
ngừng một công việc in 56

## NH

nhấn, xử lý sự cố 116  
nhật ký sử dụng màu 10  
nhiều trang trên một bản 32  
nhiều trang trên một tờ  
Windows 58

## P

panen điều khiển  
cài đặt 28

print hộp mực  
tình trạng, xem bằng  
HP Toolbox FX 72  
Pin bao gồm 146

## PH

phân tán, xử lý sự cố 116  
phần mềm  
các hệ điều hành được hỗ  
trợ 28  
cài đặt 22, 28  
hệ điều hành được hỗ trợ 18  
máy chủ Web nhúng 25  
thỏa thuận cấp giấy phép phần  
mềm 133  
vấn đề 122  
HP ToolboxFX 26  
HP Web Jetadmin 25  
Macintosh 28  
Windows 17, 26  
phần sụn  
về việc nâng cấp 93  
phục hồi giấy kẹt 104  
phương tiện  
bị nhấn 116  
cài đặt mặc định 11, 76  
cài đặt cong 14  
cài đặt HP ToolboxFX 75  
cong, xử lý sự cố 116  
hướng dẫn về thông số kỹ  
thuật 128  
kích thước được hỗ trợ 47  
kích thước tùy chỉnh, cài đặt  
Macintosh 31  
nhiều trang trên một bản 32  
trang đầu tiên 31  
phương tiện được hỗ trợ 47  
phương tiện bị cong 116  
phương tiện in  
được hỗ trợ 47  
phụ tùng  
đặt hàng 127  
phụ tùng dự phòng 128  
phụ tùng thay thế, và hàng cung  
cấp 128

## Q

Quick Sets (Thiết lập Nhanh) 57

## R

rãnh giấy  
giấy kẹt, gỡ 107

## S

sản phẩm không chứa thủy  
ngân 146  
sắc độ xám  
xử lý sự cố 117  
software  
HP ToolboxFX 71  
số bộ phận 128  
số lượng bản sao chép  
Windows 59  
số model 5  
số sê-ri 5  
supplies  
thay thế tin nhắn 102  
tình trạng, xem bằng  
HP Toolbox FX 72

## T

tab Services (Dịch Vụ)  
Macintosh 34  
tái chế  
Chương trình hoàn trả thiết bị  
máy in và bảo vệ môi trường  
của HP 146  
tài liệu 128  
tạm dừng công việc in 56  
tập tin EPS, xử lý sự cố 124  
tính năng tiện dụng 3  
tình trạng  
cảnh báo, HP Toolbox FX 72  
nguồn cung cấp, in báo  
cáo 10  
tab Services (Dịch Vụ)  
Macintosh 34  
tình trạng nguồn cung cấp, tab  
Services (Dịch Vụ)  
Macintosh 34  
tình trạng thiết bị  
tab Services (Dịch Vụ)  
Macintosh 34  
tốc độ  
thông số kỹ thuật in 2  
tuyên bố tuân thủ 148  
tuyên bố về an toàn 149, 150  
tuyên bố về an toàn laser 149,  
150

tuyên bố về an toàn laser của Phần Lan 150  
tương phản  
  mật độ in 77  
tự động vượt, cài đặt 15  
tự động tiếp tục  
  sử dụng 83  
tùy chọn in nâng cao  
  Windows 59  
xử lý sự cố  
  trang cấu hình mạng, in 40  
Tab cài đặt, máy chủ Web nhúng 80  
Tab e-mail cảnh báo, HP ToolboxFX 73  
Tab hoạt động mạng, máy chủ Web nhúng 81  
Tab thông tin sản phẩm, HP ToolboxFX 73  
Tab tình trạng, máy chủ Web nhúng 80  
Tab trợ giúp, HP ToolboxFX 74  
Tab Cài đặt Thiết bị, HP ToolboxFX 75  
Tab Cài đặt Hệ thống, HP ToolboxFX 77  
Tab Cài đặt Mạng, HP ToolboxFX 78  
Tình trạng  
  xem bằng HP Toolbox FX 72  
Tình trạng tab, HP Toolbox 72  
ToolboxFX, HP 71  
Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) 147  
Trang cấu hình 40  
Trang cấu hình mạng 40  
Trang thông tin 70  
Trang web  
  báo cáo gian lận 82  
Trình đơn bảng điều khiển sử dụng 9  
Trình điều khiển PCL 19  
Trình điều khiển Mô phỏng PS 19  
Tuân thủ Energy Star 2  
Tuyên bố EMI Hàn Quốc 149  
Tuyên Bố VCCI của Nhật 149  
Tự động vượt  
  cài đặt 42

TCP/IP  
  các hệ điều hành được hỗ trợ 36  
  cài đặt 15  
  cấu hình 43  
  giao thức được hỗ trợ 38  
  tổng quan 43

## TH

thay đổi kích thước tài liệu  
  Windows 58  
thay đổi thứ tự giấy 59  
thay hộp mực 84  
thay thế tin nhắn nguồn cung cấp 102  
thông báo, bảng điều khiển 97  
thông báo đặt hàng nguồn cung cấp 98  
thông báo lắp nguồn cung cấp 99  
thông báo lỗi, bảng điều khiển 97  
thông báo lỗi chốt giữ vận chuyển 98, 102  
thông báo lỗi dịch vụ 101  
thông báo lỗi in nhảm 99  
thông báo lỗi quạt 97  
thông báo lỗi thiết bị 101  
thông báo lỗi trang quá phức tạp 101  
thông báo lỗi trình điều khiển không hợp lệ 102  
thông báo thay nguồn cung cấp 98  
thông số kỹ thuật  
  điện 141  
  âm học 142  
  tài liệu 128  
  tính năng 2  
  vật lý 140  
thông số kỹ thuật  
  số model sê-ri 5  
thông số kỹ thuật nguồn điện 141  
thông số kỹ thuật về điện 141  
thông số kỹ thuật về âm học 142  
thông số kỹ thuật về tiếng ồn 142  
thùng, sản lượng  
  mở rộng hợp pháp 4

## TR

trang  
  bị lệch 116  
  in chậm 121  
  không in 121  
  kích thước được hỗ trợ 47  
  trắng 121  
trang đầu tiên  
  sử dụng giấy khác nhau 31  
trang bìa 57  
trang cấu hình 10  
trang cấu hình mạng  
  cấu hình mạng 40  
trang dịch vụ 10  
trang sử dụng 10  
trang thông tin  
  cấu hình 40  
trang thử nghiệm 10  
trang tình trạng nguồn cung cấp 10  
trang trắng, xử lý sự cố 121  
trang trên một tờ  
  Windows 58  
trang trên phút 2  
trang web  
  hỗ trợ khách hàng 136  
  trình điều khiển in chung 20  
trang Web  
  hỗ trợ khách hàng  
    Macintosh 136  
trạng thái nguồn cung cấp, tab Services (Dịch vụ)  
  Windows 58  
trình điều khiển  
  đi kèm 2  
  trang sử dụng 10  
  được hỗ trợ 19  
  cài đặt 22, 23, 28  
  cài đặt sẵn (Macintosh) 31  
  cài đặt Macintosh 31  
  lỗi tắt (Windows) 57  
  Macintosh, xử lý sự cố 123  
trình đơn  
  bảng điều khiển 9  
trình đơn, bảng điều khiển bản đồ, in 10  
trình điều khiển chung 20  
  Windows, mở 57  
trình điều khiển in chung 20



trình điều khiển PCL  
chung 20

phương tiện bị cong 116  
văn bản 115  
vết bản bột mực 114  
vết bột mực 113

## U

ưu tiên, cài đặt 22, 28

## V

văn bản, xử lý sự cố  
các ký tự bị lỗi 115  
vận chuyển sản phẩm 137  
vết, xử lý sự cố 113  
vết, xử lý sự cố 114  
Vứt bỏ khi hết tuổi thọ 146  
Vứt bỏ Rác thải tại Liên minh Châu  
Âu 147

## W

Windows

các thành phần phần mềm 26  
cài đặt trình điều khiển 23  
hệ điều hành được hỗ trợ 18  
trình điều khiển được hỗ  
trợ 19  
trình điều khiển in chung 20

## X

xử lý sự cố

các thông báo ở bảng điều  
khiển 97  
các trang in chậm 121  
các vấn đề với Macintosh 123  
chất lượng in 112  
giấy kẹt 103  
tập tin EPS 124  
trang cấu hình, in 40  
trang không in 121  
trang trắng 121  
USB cáp 121

xử lý sự cố

bột mực không báo dỉnh  
chặt 114  
các trang bị lệnh 116  
chất lượng in 119  
danh sách kiểm tra 96  
dòng, các trang được in 114  
hiệu chỉnh 120  
in không rõ 113  
lỗi lặp lại 117  
màu 117  
nhấn 116  
phân tán bột mực 116





© 2008 Hewlett-Packard Development Company, L.P.

[www.hp.com](http://www.hp.com)



CB493-90945